nanoco

BẢNG GIÁ
PRICE LIST 10.2024

www.nanoco.com.vn
info@nanoco.com.vn
fb.com/nanoco.com.vn

Panasonic

nanoco

MỤC LỤC

T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN

WIDE SERIES ..... T04 - 08

HALUMIE - ACRYLIC FULL ..... T09 - 11

MODERVA ..... T12 - 13

MINERVA T14

GEN-X T15

Ổ CẮM CÓ DÂY T16

Ổ CẮM ÂM SÀN T16

THIẾT BỊ CẢM BIẾN T16

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN ..... T17 - 18

CẦU DAO ĐÓNG NGẮT T19

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG T19

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ T20

Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP T20

DIMMER - ĐÈN BÁO T21

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐUI ĐÈN T21

Ổ CẮM CÓ DÂY NANOCO T21

TỦ ĐIỆN NANOCO T22

BÚT THỬ ĐIỆN T22

CHUÔNG ĐIỆN T22

ỐNG LUỒN DÂY T23

PHỤ KIỆN PVC T24

HỘP NỔI - HỘP ÂM T25

BĂNG KEO ĐIỆN DÂY CÁP MẠNG T26

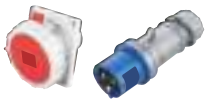
Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP T27-29

ĐIỆN GIA DỤNG

QUẠT HÚT T30-33

QUẠT TRẦN PANASONIC T35-37

QUẠT ĐỨNG - QUẠT TREO PANASONIC T38

QUẠT TRẦN NANOCO T39

QUẠT ĐỨNG - QUẠT TREO NANOCO T39-40

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

QUẠT SẠC T41

BÌNH ĐUN SIÊU TỐC T41

BÌNH THỦY ĐIỆN T42

QUẠT HÚT SƯỞI T42

MÁY SƯỞI DẦU T42

MÁY HÚT ẨM T42

TỦ SẤY QUẦN ÁO T43

BẾP ĐIỆN T43

BỘ NỒI - CHẢO T43

NỒI LẨU ĐA NĂNG T43

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ T44-45

MÁY NƯỚC NÓNG T46-48

MÁY SẤY TAY T48

MÁY BƠM T49-50

ĐÈN CHIẾU SÁNG - TRANG TRÍ

ĐÈN DOWNLIGHT T52-55

ĐÈN PANEL ỐP TRẦN T55-58

ĐÈN OFFICE PANEL T58

ĐÈN BULB E27 - HOA CÚC BULB TRANG TRÍ T59-60

ĐÈN T8 - MÁNG ĐÈN - ĐÈN BÁN NGUYỆT T61-62

ĐÈN BÀN T63

CỐC SẠC T63

VỢT MUỖI T64

ĐÈN BẮT MUỖI - ĐỘI ĐẦU ĐÈN SƯỞI T64

ĐÈN TRACKLIGHT T66

ĐÈN RAY NAM CHÂM T67

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ T68

LED DÂY & PHỤ KIỆN T69-74

ĐÈN PHA T76-77

ĐÈN PHA SOLAR T78

ĐÈN LED GẮN TƯỜNG T79-81

ĐÈN SÂN VƯỜN T82

ĐÈN ÂM ĐẤT - LỐI ĐI T82-83

ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM T84-85

PIN NANOCO T85

THIẾT BỊ ĐIỆN

SẢN PHẨM

- WIDE SERIES
- HALUMIE - ACRYLIC
- MODERVA
- MINERVA
- GEN-X
- FULL COLOR

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

NEW

WEV502107SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
80.000

WEV5001SW/WEV5001-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
22.000

WEG5151-51SWK/WEG51517SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
112.000

WEV5002SW/WEV5002-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C - 2 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
45.500

WEG5152-51SWK/WEG51527SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
132.000

WEV5033-7SW
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
241.000

WEG5003KSW
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
146.000

WEG5004KSW
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E - 4 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
245.000

WEG5401-011SW
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
68.000

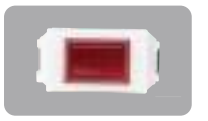

WEG3032RSW
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
115.000

NEW

WEV502127SW
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar
5 cái/hộp, 50 cái/thùng
90.000

WEV5001H/WEV5001-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B (1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
36.000

WEG5151-51KH/WEG51517H
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
143.000

WEV5002H/WEV5002-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C (2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
63.000

WEG5152-51KH
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
168.000

WEV5033-7H
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A
Glow switch D - 2 poles
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
300.000

WEG5003KH
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 16A
Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
216.000

WEG5004KH
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A
Switch E (4 ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
314.000

WEG5401-7H
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
105.000

WEG3032RH
Đèn báo màu đỏ, 220VAC
Pilot lamp red
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
143.000

WEG3020H
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
15.000

WEG3020SW
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.000

WEG3023SW
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm
Telephone wire chip dia 9mm/16mm
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
11.000

WEG5141SW
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A
Illuminated switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
308.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

WEV1081SW/ WEV1081-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
41.000

WEV1181SW/ WEV1181-7SW
(Cắm nhanh/Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
68.000

WEV1582SW/ WEV1582-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
99.000

Xuất xứ Ấn Độ

WEI1171SW-VN
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
175.000

WEV2501SW
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
86.000

WEV2364SW
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
86.000

WEV2488SW - CAT5E **187.000**
WEV24886SW - CAT6 **223.000**
Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6
Data modular CAT5E/ Data modular CAT6
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

WEG2021SW
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
746.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF108107-VN
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2.4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
620.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF412417W-VN
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
900.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF11821W
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
735.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF14821W-VN
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.040.000

WEG575151SW
Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W
Loại có chức năng bật tắt
Dimmer for Incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
341.000

WEG57912SW
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
746.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF5791501SW-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.370.000

WEV1081H/WEV1081-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
50.000

WEV1181H/WEV1181-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
92.000

WEV1582H/WEV1582-7H
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng
135.000

Xuất xứ Ấn Độ

WEI1171H-VN
Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A
Multiple receptacle with safety shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng
Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030
235.000

WEV2501H
Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm
Television terminal
Đóng gói 5 cái/ hộp. 50 cái/thùng
129.000

WEV2364H
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
129.000

WEV2488H - CAT5E **223.000**
WEV24886H - CAT6 **269.000**
Ổ cắm data
Data modular
Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng

WEG2021H
Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection
Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm
Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm
Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng
893.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF108107H-VN
Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-2.4A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
725.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF412417H-VN
Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger
Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.045.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF11821H
Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger
Input: AC220V / Output: 5V-3A
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
850.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF14821H-VN
Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/
A-C type 2-port USB charger
Input: AC220V/ Output: 5V-3A
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
1.200.000

WEG575151H
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn,
loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W
Dimmer for incandescent lamp, Off function type
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
575.000

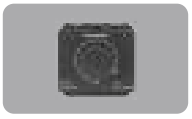

WEG57912H
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
(Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
850.000

Xuất xứ Đài Loan

WEF5791501H-VN
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED
Công suất: 200W
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
1.470.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

WEG1001SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A
Flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.000

WEG1090SW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A
round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.000

WEV68010SW
Mặt dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
18.000

WEV68020SW
Mặt dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
18.000

WEV68030SW
Mặt dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
18.000

WEV68040SW
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gangs - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp,100 cái/thùng
34.000

WEV68060SW
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gangs - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.000

WEV1091SW/ WEG10919
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.000

WEGP1041SW-1
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn A, 250V - 13A
1 - gang multiple socket (A type plate)
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
199.000

WEV7001SW
Mặt dùng cho CB 1 tép
1 gang plate for MCB 1 pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng
18.000

WEV680290SW
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.000

WEV7061SW
Mặt dùng cho HB
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng
18.000

WEV68910SW
Mặt kín đơn
Single cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
18.000

WEV68920SW
Mặt kín đôi
Double cover plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
34.000

MẶT CÓ NẮP CHE

WEG7901/ WEG7901K-VN - Màu beige
WEG7901SWK-VN - Màu trắng
WEG7901HK-VN - Màu xám
NEW
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
239.000

WEG7902/ WEG7902K-VN - Màu beige
WEG7902SWK-VN - Màu trắng
WEG7902HK-VN - Màu xám
NEW
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
239.000

WEG7903/ WEG7903K-VN - Màu beige
WEG7903SWK-VN - Màu trắng
WEG7903HK-VN - Màu xám
NEW
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa
Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
239.000

WEG8981/WEG8981K-VN
Mặt có nắp che mưa
Weatherproof plate - IP55
Đóng gói 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng
230.000

WEG79029/ WEG79029K-VN - Màu beige
WEG79029SWK-VN - Màu trắng
WEG79029HK-VN - Màu xám
NEW
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che
Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
239.000

WEG8973SW-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị
Weatherproof plate with soft cover window,
1 gang -3 Device
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
335.000

WEG8973LH-VN
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị
Weatherproof plate with soft cover window,
1 gang -3 Device
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
350.000

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

WEG6501-1
Dùng cho 1 thiết bị
1 device metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
80.000

WEG6503-1
Dùng cho 3 thiết bị
3 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
80.000

WEG6502-1
Dùng cho 2 thiết bị
2 devices metal plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
80.000

WEG65029-1
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu
1 gang plate for universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
80.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68010MW	30.000	WEV68010MB	30.000	WEV68010MH	30.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68020MW	30.000	WEV68020MB	30.000	WEV68020MH	30.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68030MW	30.000	WEV68030MB	30.000	WEV68030MH	30.000
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68040MW	50.000	WEV68040MB	50.000	WEV68040MH	50.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68060MW	50.000	WEV68060MB	50.000	WEV68060MH	50.000
	Mặt dùng cho HB Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	WEV7061MW	30.000	WEV7061MB	30.000	WEV7061MH	30.000
	Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	WEV7001MW	30.000	WEV7001MB	30.000	WEV7001MH	30.000
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV680290MW	30.000	WEV680290MB	30.000	WEV680290MH	30.000
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68910MW	30.000	WEV68910MB	30.000	WEV68910MH	30.000

Refina MÀU

WEG55317MB
Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
45.000

WEG55317MW
Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
45.000

WEG55317MH
Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
45.000

WEG55327MB
Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
80.000

WEG55327MW
Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
80.000

WEG55327MH
Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
80.000

Refina TRẮNG

WEV5531SW/ WEV5531-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
36.000

WEV5521SW/ WEV5521-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
36.000

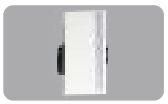

WEV5511SW/ WEV5511-7SW
(Cắm nhanh, Bắt vít)
Công tắc B, 1 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch B - 1 way
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
36.000

WEC5542-7SW
Công tắc C, 2 chiều, loại đôi,
250VAC - 10A, Switch C - 3 ways
Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
149.000

WEV5532SW/ WEV5532-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
66.000

WEV5522SW/ WEV5522-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại trung,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
66.000

WEV5512SW/ WEV5512-7SW
(Cắm nhanh/ Bắt vít)
Công tắc C, 2 chiều, loại lớn,
250VAC - 16A, Switch C - 2 ways
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
66.000

WEV5533-7SW
(Bắt vít)
Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm,
250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
288.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN DÀNH CHO ĐÈN BÁO "XIN DỌN PHÒNG" - "ĐỪNG LÀM PHIỀN"

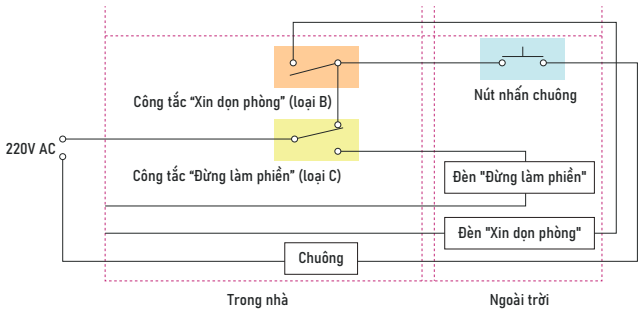

WEG5001K-031
Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A
Switch B "Make Up Room"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
31.000

WEG5002K-021
Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
Switch C "Do not disturb"
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
54.000

WSBC9120SW-VN/WSBC9120W
Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu
Shaver socket build switch
In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC
Đóng gói 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng
1.490.000

WNBP5428690FK
Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A
Dùng cho bếp điện từ, máy nước nóng
BS Glow switch D double pole
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
473.000

WEB11119SW-VN
Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A
Receptacle - BS standard
Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng
121.000

WEB7811SW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
21.000

WEB7812SW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
21.000

WEB7813SW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
21.000

WEB7811MW
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WEB7812MW
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

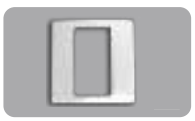

WEB7813MW
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WBC7020
Thiết bị chuyển tiếp 45A chuẩn BS
Đóng gói 20 cái/hộp, 100 cái/thùng
185.000

WEG3032G-031
Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A
"Make Up Room" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
168.000

WEG3032R-021
Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A
"Do not disturb" pilot lamp
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
168.000

WBC8981SW
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS
dùng cho công tắc, ổ cắm
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
214.000

WBC8991W
Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn
BS dùng cho công tắc ổ cắm
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
231.000

WBG8981 - P
Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS
Weatherproof plate (BS type plate), IP55
Đóng gói 5 cái/hộp, 20 cái/thùng
226.000

WEBP1041B-MH
Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A
1 gang multiple socket (BS type plate)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
262.000

WEB7811MH
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WEB7812MH
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WEB7813MH
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WEB7811MB
Mặt vuông dành cho 1 thiết bị
BS type - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

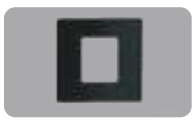

WEB7812MB
Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu
BS type - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

WEB7813MB
Mặt vuông dành cho 3 thiết bị
BS type - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
41.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	24.000	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	39.000	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	39.000
	(Cắm nhanh - bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	24.000	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	39.000	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	39.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - **Có chỉ dấu On/Off** Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	24.000	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	39.000	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	39.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	127.000	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	170.000	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	170.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	149.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	210.000	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	210.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	49.000	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	70.000	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	70.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	49.000	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	70.000	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	70.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	49.000	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	70.000	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	70.000
NEW	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	100.000	WEVH554127MYZ	150.000	WEVH554127MYH	150.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Switch C - 2 ways Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	159.000	WEVH5542-7MYZ	240.000	WEVH5542-7MYH	240.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	269.000	WEVH5033-7MYZ	370.000	WEVH5033-7MYH	370.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	74.000	WEVH5401-011MYZ	125.000	WEVH5401-011MYH	125.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	41.000	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	72.000	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	72.000
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	68.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	125.000	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	125.000
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	99.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	175.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	175.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	WEI1171SW-VN	175.000	WEV1171MYZ	280.000	WEV1171MYH	280.000
	Ổ cắm sạc USB đơn dạng dọc, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF108107-VN	620.000	WEF108107MYZ-VN	880.000	WEF108107MYH-VN	880.000
NEW	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF412417W-VN	900.000	WEF412417MYZ-VN	1.300.000	WEF412417MYH-VN	1.300.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF11821W	735.000	WEF11821MYZ-VN	1.020.000	WEF11821MYH-VN	1.020.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF14821W-VN	1.040.000	WEF14821MYZ-VN	1.500.000	WEF14821MYH-VN	1.500.000
	Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	86.000	WEV2501MYZ	135.000	WEV2501MYH	135.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV2364SW	86.000	WEV2364MYZ	135.000	WEV2364MYH	135.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6	187.000 223.000	WEV2488MYZ - CAT5E WEV24886MYZ - CAT6	280.000 410.000	WEV2488MYH - CAT5E WEV24886MYH - CAT6	280.000 410.000
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	20.000	WEVH68010MYZ	39.000	WEVH68010MYH	39.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	20.000	WEVH68020MYZ	39.000	WEVH68020MYH	39.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	20.000	WEVH68030MYZ	39.000	WEVH68030MYH	39.000
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	36.000	WEVH68040MYZ	78.000	WEVH68040MYH	78.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	36.000	WEVH68060MYZ	78.000	WEVH68060MYH	78.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	20.000	WEVH8061MYZ	39.000	WEVH8061MYH	39.000
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	20.000	WEVH68910MYZ	39.000	WEVH68910MYH	39.000
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	20.000	WEVH680290MYZ	39.000	WEVH680290MYH	39.000
	Acrylic Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6801CW-VN	220.000	WEGH6801CYZ-VN	245.000	WEGH6801CYH-VN	245.000
	Acrylic Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6802CW-VN	220.000	WEGH6802CYZ-VN	245.000	WEGH6802CYH-VN	245.000
	Acrylic Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6803CW-VN	220.000	WEGH6803CYZ-VN	245.000	WEGH6803CYH-VN	245.000
	Acrylic Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH68029CW-VN	220.000	WEGH68029CYZ-VN	245.000	WEGH68029CYH-VN	245.000

**Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 đế âm đơn là 1cm*

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

WNV5001-7W
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A
Switch B(1 - way)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
13.500

WNG5051W-751
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
118.000

WN5241W-801
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A
Appellation glow switch B
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
460.000

WNG5021W-7
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A
Twin Switch B, single pole
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
137.000

WNV5002-7W
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A
Switch C(2 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
36.000

WNG5052W-751
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A
Illuminated appellation switch C
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
129.000

WNG5003W-7
Công tắc D, 2 tiếp điểm, 250VAC - 10A
Switch D(2 poles)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
109.000

WNG5343W-761
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng (có chữ)
Đóng gói 5 cái/hộp, 100 cái/thùng
189.000

WBG5414699W
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy lạnh (có chữ)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
189.000

WBG5414699W-SP
Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A
Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ)
Đóng gói 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng
189.000

WNG5004W-7
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A
Switch E(4 - ways)
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
184.000

WNG5401W-7K
Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A
Bell push button
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
60.000

WSG3001
Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting switch B, single pole
Đóng gói 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng
44.000

WZV7841W
Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị
1 gang - 1 device plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
16.500

WZV7842W
Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị
1 gang - 2 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
16.500

WZV7843W
Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị
1 gang - 3 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
16.500

WNV1081-7W
Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A
Universal receptacle with safety Shutter
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.000

WNV1091-7W
Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A
Universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
27.000

WNG159237W
Ổ cắm đôi có dây nối đất, 250VAC - 16A
Grounding duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
78.000

WN10907KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn)
250VAC - 10A, round pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.500

WN1001-7KW
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
31.500

WN11017W
Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp)
250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
60.000

WKG1092250
Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A
Surface mounting duplex universal receptacle
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
56.000

WZV1201W
Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng
65.000

WNTG15649W
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack 6P4C
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
96.000

NRV3160W
Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5
Data modular jack RJ45 - CAT5
Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng
175.000

WN3020W
Nút trống
Blank chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng
10.500

WN3023W
Lỗ ra dây điện thoại
Telephone wire chip
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng
10.500

WN7601-8 Mặt 1 kim loại
WN7602-8 Mặt 2 kim loại
WN7603-8 Mặt 3 kim loại
Stainless steel plate
98.000

WZV7061W
Mặt góc vuông dùng cho HB
1 gang plate for HB breaker
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng
16.500

WZV7844W
Mặt dùng cho 4 thiết bị
2 gang - 4 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
33.000

WZV7846W
Mặt dùng cho 6 thiết bị
2 gang - 6 devices plate
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng
33.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

Moderva

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	77.000	WMF501MYZ-VN	109.000	WMF501MYH-VN	109.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	85.000	WMF511MYZ-1VN	117.000	WMF511MYH-1VN	117.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	101.000	WMF502MYZ-VN	141.000	WMF502MYH-VN	141.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	109.000	WMF512MYZ-1VN	151.000	WMF512MYH-1VN	151.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	183.000	WMFV503307MYZ	258.000	WMFV503307MYH	258.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	236.000	WMF594MYZ-VN	332.000	WMF594MYH-VN	332.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	112.000	WMF503MYZ-VN	157.000	WMF503MYH-VN	157.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	122.000	WMF513MYZ-1VN	170.000	WMF513MYH-1VN	170.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	133.000	WMF504MYZ-VN	183.000	WMF504MYH-VN	183.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	143.000	WMF514MYZ-1VN	199.000	WMF514MYH-1VN	199.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	372.000	WMF596MYZ-VN	518.000	WMF596MYH-VN	518.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	151.000	WMF505MYZ-VN	213.000	WMF505MYH-VN	213.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	165.000	WMF515MYZ-1VN	228.000	WMF515MYH-1VN	228.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	170.000	WMF506MYZ-VN	236.000	WMF506MYH-VN	236.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	181.000	WMF516MYZ-1VN	255.000	WMF516MYH-1VN	255.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	223.000	WMF507MYZ-VN	311.000	WMF507MYH-VN	311.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	239.000	WMF517MYZ-1VN	335.000	WMF517MYH-1VN	335.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	250.000	WMF508MYZ-VN	348.000	WMF508MYH-VN	348.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	268.000	WMF518MYZ-1VN	377.000	WMF518MYH-1VN	377.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	48.000	WMFV7811MYZ	66.000	WMFV7811MYH	66.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	48.000	WMFV7812MYZ	66.000	WMFV7812MYH	66.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	48.000	WMFV7813MYZ	66.000	WMFV7813MYH	66.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	48.000	WMF6891MYZ-VN	66.000	WMF6891MYH-VN	66.000
	Công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	768.000	WMF535MYZ-VN	818.000	WMF535MYH-VN	818.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	236.000	WMF984MYZ-VN	329.000	WMF984MYH-VN	329.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.105.000	WMF936MYZ-VN	1.148.000	WMF936MYH-VN	1.148.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	106.000	WMF223MYZ-VN	149.000	WMF223MYH-VN	149.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	106.000	WMF224MYZ-VN	149.000	WMF224MYH-VN	149.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	138.000	WMF533MYZ-VN	191.000	WMF533MYH-VN	191.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.206.000	WMF132MYZ-VN	1.264.000	WMF132MYH-VN	1.264.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	135.000	WMF301MYZ-VN	191.000	WMF301MYH-VN	191.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	157.000	WMF311MYZ-VN	218.000	WMF311MYH-VN	218.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	143.000	WMF403MYZ-VN	186.000	WMF403MYH-VN	186.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	274.000	WMF421MYZ-VN	385.000	WMF421MYH-VN	385.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	433.000	WMF422MYZ-VN	603.000	WMF422MYH-VN	603.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	110.000	WMT501MYZ-VN	121.000	WMT501MYH-VN	121.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	135.000	WMT502MYZ-VN	146.000	WMT502MYH-VN	146.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	385.000	WMT594MYZ-VN	415.000	WMT594MYH-VN	415.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	175.000	WMT503MYZ-VN	184.000	WMT503MYH-VN	184.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	209.000	WMT504MYZ-VN	219.000	WMT504MYH-VN	219.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	734.000	WMT596MYZ-VN	797.000	WMT596MYH-VN	797.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	235.000	WMT505MYZ-VN	257.000	WMT505MYH-VN	257.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	250.000	WMT506MYZ-VN	272.000	WMT506MYH-VN	272.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	385.000	WMT507MYZ-VN	415.000	WMT507MYH-VN	415.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	460.000	WMT508MYZ-VN	492.000	WMT508MYH-VN	492.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	68.000	WMT7811MYZ-VN	89.000	WMT7811MYH-VN	89.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	68.000	WMT7812MYZ-VN	89.000	WMT7812MYH-VN	89.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	68.000	WMT7813MYZ-VN	89.000	WMT7813MYH-VN	89.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	68.000	WMT6891MYZ-VN	89.000	WMT6891MYH-VN	89.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN WMT707K-VN	2.630.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.840.000	WMT707MYH-VN WMT707MYHK-VN	2.840.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	168.000	WMT540108MYZ-VN	209.000	WMT540108MYH-VN	209.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.820.000	WEC5781MYZ-VN	1.920.000	WEC5781MYH-VN	1.920.000
NEW	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	440.000	WMTV503307MYZ	490.000	WMTV503307MYH	490.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A

WTEGP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
1 - device with plate
840.000

WTEGP52562S-1-G
Bộ 2 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
2 - devices with plate
1.440.000

WTEGP53572S-1-G
Bộ 3 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
3 - devices with plate
2.150.000

WTEGP54562S-1-G
Bộ 4 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
4 - devices with plate
2.890.000

WTEGP55582S-1-G
Bộ 5 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
5 - device with plate
3.570.000

WTEGP56572S-1-G
Bộ 6 công tắc có đèn báo
Illuminated switch C - 2 ways
6 - devices with plate
4.300.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS

WTFBP51552S-1-G
Bộ 1 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 1 device with plate
705.000

WTFBP52562S-1-G
WTFBP52562S-SP (lắp ngang)
Bộ 2 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 2 devices with plate
1.230.000

WTFBP53572S-1-G **1.840.000**
WTFBP53572S-SP **1.890.000**
(lắp ngang)
Bộ 3 công tắc có đèn báo
BS type - Illuminated switch C
2 ways, 3 devices with plate

MẶT ĐẬY

WTFBP55137S-1
Bộ công tắc D có đèn báo
Illuminated switch D
2 ways, 2 devices with plate
830.000

WTEG6503S-1-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A
1 - gang, 3 - devices
515.000

WTFB6503S-1-G
WTFB6503S-G
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS
1 gang, 3 devices plate
440.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X

WEV2501B
Ổ cắm TV
DIN type television terminal
139.000

WEV2364B
Ổ cắm điện thoại 4 cực
Telephone modular jack (6P4C)
139.000

WEV2488B
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack
275.000
WEG24886B-G
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack
305.000

WEG57912B-1
Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED có chức năng điều chỉnh độ sáng (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W)
LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W)
Đóng gói 10 cái/hộp, 20 cái/thùng
Thời gian đặt hàng 4 tháng
870.000

WEG57816B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
500W, 220V
Dimmer switch 220VAC, 500W
660.000

WEG15829B-G
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây
16A - 250V
Grounding duplex universal receptacle
With safety shuter 16A - 250V
144.000

WEG57813B-1-G
Bộ điều chỉnh sáng tối
300W, 220V
Dimmer switch 220VAC 300W
590.000

WEG3020B-G
Nút trống
Blank chip
18.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ổ CẮM CÓ DÂY

WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng
799.000

WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng
1.050.000

WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói 5 cái/thùng
870.000

WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2.1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng
780.000

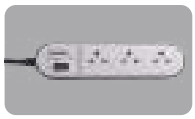

WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói 10 cái/thùng
440.000

Loại lắp 3 thiết bị

DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box
1.140.000

DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.
1.390.000

DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WEI1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.
1.260.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 6 thiết bị

DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x120 x120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box
1.880.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị

DU81931HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Grounding duplex universal receptacle
903.000

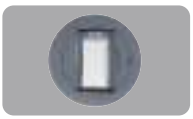

DU8199HTK-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit
835.000

CHUÔNG ĐIỆN

EGG331
Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A
Bell push button
Đóng gói 20 cái/thùng
Kết nối được 02 chuông EBG888
112.000

EBG888
Chuông điện, 220V - 9.5W, 50Hz, 82dB
Door chime
Đóng gói 10 cái/thùng
193.000

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/BÁO CHÁY

Xuất xứ Nhật Bản

SH28455911
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị.
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi
1.030.000

Xuất xứ Đài Loan

WTKF24816-VN 8A - 220V
Sensor chính - Loại âm trần
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần
1.840.000

Xuất xứ Đài Loan

WTKG2311/WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
2.670.000

Xuất xứ Đài Loan

NEW
WTKF337107-VN
Cảm biến góc rộng - 8.8m - 13m
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút
3.100.000

Xuất xứ Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1000 lux
1.580.000

Xuất xứ Đài Loan

WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
945.000

Xuất xứ Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút
1.240.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

MCB 1P-1E C Curve 06kA

Đóng gói
12 cái/hộp
48 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	89.000
BBD1101CNV	10		
BBD1161CNV	16		
BBD1201CNV	20		
BBD1251CNV	25		
BBD1321CNV	32		
BBD1401CNV	40		
BBD1501CNV	50		209.000
BBD1631CNV	63		

MCB 1P-1E C Curve 10kA

Đóng gói
12 cái/hộp
120 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	
BBD1101CHHV	10		
BBD1161CHHV	16		
BBD1201CHHV	20		135.000
BBD1251CHHV	25		
BBD1321CHHV	32		
BBD1401CHHV	40		159.000
BBD1501CHHV	50		310.000
BBD1631CHHV	63		
BBD108011C/ BBD10801CHV	80		770.000
BBD11001CHV	100	230VAC 10kA	840.000

Đóng gói
8 cái/hộp

MCB 2P-2E C Curve 06kA

Đóng gói
6 cái/hộp
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	
BBD2102CNV	10		
BBD2162CNV	16		
BBD2202CNV	20		
BBD2252CNV	25		255.000
BBD2322CNV	32		
BBD2402CNV	40		
BBD2502CNV	50		421.000
BBD2632CNV	63		

MCB 2P-2E C Curve 10kA

Đóng gói
6 cái/hộp
60 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	
BBD2102CHHV	10		
BBD2162CHHV	16		390.000
BBD2202CHHV	20		
BBD2252CHHV	25		
BBD2322CHHV	32		
BBD2402CHHV	40		455.000
BBD2502CHHV	50		635.000
BBD2632CHHV	63		
BBD20802CHV	80	400VAC 10kA	1.525.000
BBD21002CHV	100		1.680.000

Đóng gói
4 cái/hộp

MCB 3P-3E C Curve 06kA

Đóng gói
4 cái/hộp
16 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	
BBD3103CNV	10		
BBD3163CNV	16		
BBD3203CNV	20		451.000
BBD3253CNV	25		
BBD3323CNV	32		
BBD3403CNV	40		
BBD3503CNV	50		675.000
BBD3633CNV	63		

MCB 3P-3E C Curve 10kA

Đóng gói
4 cái/hộp
40 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	
BBD3103CHHV	10		
BBD3163CHHV	16		
BBD3203CHHV	20		680.000
BBD3253CHHV	25		
BBD3323CHHV	32		
BBD3403CHHV	40		
BBD3503CHHV	50		1.020.000
BBD3633CHHV	63		
BBD30803CHV	80	400VAC 10kA	2.040.000
BBD31003CHV	100		2.150.000

Đóng gói
2 cái/hộp

MCB 4P-4E C Curve 06kA

Đóng gói
3 cái/hộp
12 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	
BBD4204CNV	20		
BBD4254CNV	25		637.000
BBD4324CNV	32		
BBD4404CNV	40		
BBD4504CNV	50		949.000
BBD4634CNV	63		

MCB 4P-4E C Curve 10kA

Đóng gói
3 cái/hộp
30 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	I_{cu}(kA)	Giá lẻ (Cái)
BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	
BBD4104CHHV	10		
BBD4164CHHV	16		
BBD4204CHHV	20		960.000
BBD4254CHHV	25		
BBD4324CHHV	32		
BBD4404CHHV	40		
BBD4504CHHV	50		1.450.000
BBD4634CHHV	63		
BBD40804CHV	80	400VAC 10kA	3.150.000
BBD41004CHV	100		3.360.000

Đóng gói
2 cái/hộp

NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO

Ba trạng thái nhận biết cầu dao ở chế độ **Bật điện/Tắt điện/Ngắn mạch**

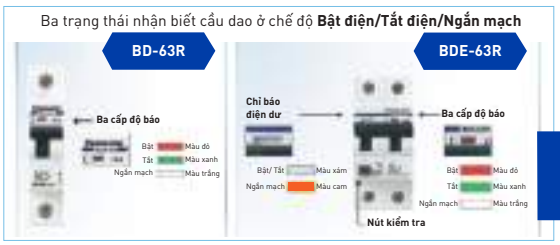

Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

RCBO 2P1E

Đóng gói
6 cái/hộp
24 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	604.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25			647.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40			
BBDE25031CNV	50			917.000
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E

Đóng gói
4 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	$I_{\Delta n}$(mA)	I_{CU}(kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.520.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50			1.999.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P

Đóng gói
5 cái/hộp
30 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.049.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		
BBDR26330HV	63		1.260.000

RCCB 4P

Đóng gói
4 cái/hộp
16 cái/thùng

Mã số Code	I_n(A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.680.000
BBDR43230HV	32		
BBDR44030HV	40		
BBDR46330HV	63		2.520.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải và ngắn mạch

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Giá lẻ (cái)
	BS11106TV	6	1	86.500
	BS1110TV	10	1.5	
	BS1111TV	15	1.5	
	BS1112TV	20	1.5	
	BS1113TV	30	1.5	
	BS1114TV	40	1.5	

BỘ CẦU DAO CHỐNG RÒ 2P0E - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Thái Lan	BJS3020NA2	30	1.5	15	368.000
	BJS3030NA2			30	
Xuất xứ Nhật Bản	BJJ23030-8		2.5	30	795.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Thái Lan	BJS1532S1V	15	1.5	30	515.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
Xuất xứ Nhật Bản	BJJ23022-8	30	1.5	15	935.000
	BJJ23032-8			30	

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật Specifications: Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{CU}(kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$(mA)	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Nhật Bản	BKW2503Y	50	2.5	30	1.630.000
	BKW2603SKY	60	10		2.400.000
	BKW21003KY	100	25		3.360.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD

Đóng gói
50 cái/thùng

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (Uc)	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (Imax)	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1.5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
* Thay thế SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ	3.140.000

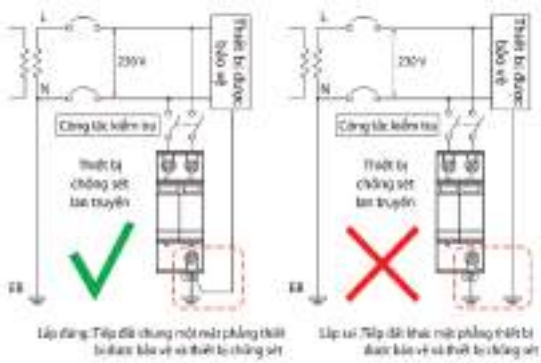

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications): Dòng định mức I_n(A)	Dòng điện khung AF	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
NEW Xuất xứ Trung Quốc	BBSF3363CFCV	63	160AF	35	3P-3E	1.785.000
	BBSF33100CFCV	100				
	BBSF34160CFCV	160	250AF			3.500.000
	BBSF34200CFCV	200				
	BBSF34250CFCV	250				3.570.000

Phụ kiện rời cho dòng CFCV

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications): Diễn giải	Dòng điện khung AF	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Giá lẻ (cái)
NEW	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V/50Hz	250AF	75	470.000

Dùng cho thiết bị 160A, 200A, 250A

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications): Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Malaysia	BBC3601YHV	63	10	3P	1.785.000
	BBC3100YHV	100			
Xuất xứ Nhật Bản	BBC3500YHV	500	36	3P	24.100.000
	BBC3600YHV	600			
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			49.300.000
Xuất xứ Trung Quốc	BBC35300CMHV	300	50	3P	7.310.000
	BBC35350CMHV	350			
	BBC35400CMHV	400			
	BBC36500GMHV	500			12.770.000
	BBC36630GMHV	630			
	BBC37700GMHV	700			14.950.000
	BBC37800GMHV	800			

MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications): Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 220 VAC	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415 VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBW240SKY	40	10	2.5	2P	925.000
	BBW250SKY	50				
	BBW260Y	60	5	2.5		990.000
	BBW310Y	10	2.5	1.5	3P	725.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				
	BBW340SKY	40	10	2.5		1.180.000
	BBW350SKY	50				
	BBW360SKY	60				
	BBW3400KY	400	50	25		9.030.000

MCCB KÈM CUỘN CẮT - MCCB OPTIONAL SHUNT TRIP

Hình ảnh Images	Mã số Code	Thông số kĩ thuật (Specifications): Dòng định mức I_n(A)	Dòng cắt danh định I_{cu}(kA) 415 VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
Xuất xứ Nhật Bản	BBC31502YHVS	150A	25	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200A			3.970.000
	BBC3250YHVS	250A			4.040.000

MCCB
KÈM CUỘN CẮT
Bảo vệ toàn diện

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Hình ảnh	Mã số	Màu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm) Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	Giá lẻ (cái)
Moderva NEW	BQDF08W31AV	Trắng	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	760.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim								1.020.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim								1.020.000
	BQDF12W31AV	Trắng	12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	960.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim								1.290.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim								1.290.000
	BQDF16W31AV	Trắng	16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.120.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim								1.490.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim								1.490.000
	BQDF24W11AV	Trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	1.960.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim								2.630.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim								2.630.000
Level Art	BQDX08T11AV	Trắng	8 đường Thanh lược + Nhãn dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.290.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim								2.860.000
	BQDX12T11AV	Trắng	12 đường Thanh lược + Nhãn dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.410.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim								3.080.000
	BQDX16T11AV	Trắng	16 đường Thanh lược + Nhãn dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.600.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim								3.410.000
	BQDX24T11AV	Trắng	24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.420.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim								5.230.000
NEW	BQDX32T11AV	Trắng	32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.120.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim								6.330.000
	BQDX40T21AV	Trắng	40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhãn dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.720.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim								7.530.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

	TB178	TB118	TB35809NE5	TB38809NE7	TB4728KE7V
Giá lẻ (cái)	650.000	1.050.000	785.000	1.210.000	1.840.000
Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
Chương trình Operation	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
Công suất Consumption	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC, 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
Pin dự trữ Battery	-	300 giờ **TB380N2457** Giá lẻ: 209.000	-	300 giờ	5 năm
Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

WK2315K 125V - 15A - 2P+ Ground — 252.000
WK2320K 250V - 20A - 3P — 265.000
WK2330 250V - 30A - 2P + Ground — 736.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK2420K 250V - 20A - 3P + Ground — 401.000
WK2430 250V - 30A - 3P + Ground — 811.000
Ổ cắm locking loại nổi, màu đen
Locking surface mounting receptacle black

WK1330
Ổ cắm chuyên dùng
Surface mounting receptacle
250V - 30A - 3P — 664.000

WF2315WK 125V - 15A - 2P+ Ground — 243.000
WF2320WK 250V - 20A - 3P — 228.000
WF2330B 250V - 30A - 2P + Ground — 610.000

WF2420BK 250V - 20A - 3P + Ground — 398.000
WF2430B 250V - 30A - 3P + Ground — 754.000
WF2420WK 250V - 20A - 3P + Ground — 398.000

WN1518R
Ổ cắm đôi có dây nối đất
Grounding flat pin receptacle
125V - 15A — 336.000

WN37008
Đai kim loại
Metal - Frame — 33.000

WF6315 125V - 15A - 2P+ Ground — 160.000
WF6320 250V - 20A - 3P — 220.000
WF6330 250V - 30A - 2P + Ground — 562.000
Phích cắm locking/Locking Plug

WF6420 250V - 20A - 3P + Ground — 254.000
WF6430 250V - 30A - 3P + Ground — 714.000
Phích cắm locking/Locking plug

WF4330
Phích cắm kín nước
Rubber plug
250V - 30A - 3P — 888.000

WN9513/ WN9514
Mặt nhôm lỗ tròn
Đường kính 35.5/45.5mm
1 gang - 1 device aluminum plate
35.5 dia/45.5 dia — 113.000

WN3040K-8
Trạm nối đất
Grounding - terminal — 95.000

CÔNG TẮC THẺ

WNH5611-801
- Công tắc thẻ (3 tiếp điểm)
- Tablet switch (3 cicuits)
- Sử dụng với mặt WZV7843W
- 250V - 10A — 1.810.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA

ME2592W
Phích cắm 3 chấu
Grounding plug
125V - 15A
Đóng gói 10 cái/hộp — 100.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

DIMMER

NDF603F/ NDL603F-Full **FDL603FW-Full**
NDF603W/ NDL603W-Wide **FDL603W-Wide**

- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500

NDL903F-Full/ NDL903W-Wide
FDL903FW-Full

- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn
- Dimmer for incandescent lamp
- 220VAC - 1000W
- Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

70.000

CẦU CHÌ

NF101F-Full/ NF101W - Wide
FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide

- Cầu chì - Fuse
- 220VAC - 10A
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800

ĐÈN BÁO

N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000

N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)

- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000

N302RF-Nanoco-Full
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RW-Nanoco-Wide
(Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)

- Đèn báo LED màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

** Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007*

NP10250D

- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø 4.0mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng

7.500

NS10250A

- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp; 200 cái/ thùng

13.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

An toàn và tiện lợi

Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002

- Nhựa chống cháy, chịu va đập

- Rờ le bảo vệ quá nhiệt, có màng che an toàn
- Tiếp điểm bằng đồng dẫn điện tốt, độ bền cao
- Công tắc có đèn LED

NES5215-3 *- Dây 3m* **185.000**
NES5215-5 *- Dây 5m* ..... NEW **222.000**

- Công suất 15A-250V
- Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES3332-3 *- Dây 3m* **235.000**
NES3332-5 *- Dây 5m* ..... NEW **280.000**

- Công suất 15A-250V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES43415-3 *- Dây 3m* **252.000**
NES43415-5 *- Dây 5m* ..... NEW **300.000**

- Công suất 15A-250V
- Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES4213-3S1 *- Dây 3m* **115.000**
NES4213-5S1 *- Dây 5m* ..... NEW **140.000**

- Công suất 10A-250V
- Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES332U-3 *- Dây 3m* **285.000**
NES332U-5 *- Dây 5m* ..... NEW **340.000**

- Công suất 15A-250V, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
- Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES3320-5 *- Dây 5m* **248.000**

- Công suất 20A-250V
- Nhựa chịu nhiệt cao
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

NES3332-3S1 *- Dây 3m* **145.000**
NES3332-5S1 *- Dây 5m* ..... NEW **175.000**

- Công suất 10A-250V
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng

ĐUI ĐÈN E27

NAE2790W - Màu trắng
NAE2790BK - Màu đen

- Đui đèn E27 loại 90 độ
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng

10.000

NAE2727W - Màu trắng
NAE2727BK - Màu đen

- Đui đèn E27 loại di động
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng

10.000

NAE2745W - Màu trắng
NAE2745BK - Màu đen

- Đui đèn E27 loại nghiêng 45 độ
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng

10.000

NAE2720W - Màu trắng
NAE2720BK - Màu đen

- Đui đèn E27 loại di động có dây dài 20cm
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng

12.500

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

Hình ảnh	Mã số	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDP104P	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDP104	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDP108P	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDP108	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDP110	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
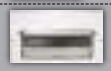	NDP114	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDP120	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDP126	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDP128	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

*** Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005**

BÚT THỬ ĐIỆN

An toàn, tiện lợi

NEP1501
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500

NEP1502
- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vắt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500

NEP1201 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, Đèn LED chiếu sáng, Pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp

51.000

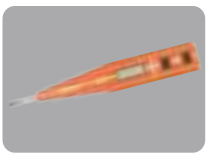

NEP1202 - Bút thử điện đa năng
- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 20 cái/hộp

24.000

NEP7250 - Bút thử điện đa năng
- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 – 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V – 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp

33.000

CÔNG TẮC THẺ

NCS7001
- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

800.000

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY

NJX378

- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4.5V/ Max 0.5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND156/ND157
- Đóng gói 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/ thùng

330.000

NJX379-156

- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0.5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa- nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vỉ treo, 10 bộ/thùng

550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY

ND156

ND157

- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0.5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa- nhỏ - im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng
- Đóng gói 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/thùng

340.000

NDT15

- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- Đóng gói 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

140.000

ND153W

ND153BK

- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0.5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông không dùng pin
- Đóng gói 1 bộ/vỉ treo; 10 bộ/ thùng

370.000

NDT153W **NDT153BK**

- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- Đóng gói 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

170.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010
IEC61386_1:2008
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010

Ống luồn dây điện dạng tròn

R O Y G B W

Mã số	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây) Trắng	Giá lẻ ống (cây) Màu
FPC16L	Ø16	1.25 ± 0.1	320	50	22.000	
FPC20L	Ø20	1.3 ± 0.1	320	50	29.000	
FPC25L	Ø25	1.4 ± 0.1	320	25	42.000	
FPC32L	Ø32	1.75 ± 0.1	320	20	67.000	
FPC16H	Ø16	1.55 ± 0.1	1250	50	31.000	
FPC20H	Ø20	1.7 ± 0.1	1250	50	41.000	
FPC25H	Ø25	2.0 ± 0.1	1250	25	59.000	
FPC32H	Ø32	2.1 ± 0.1	1250	20	111.000	
FPC40H	Ø40	2.3 ± 0.1	1250	10	146.000	
FPC50H	Ø50	2.65 ± 0.1	1250	10	193.000	
FPC16	Ø16	1.35 ± 0.1	750	50	25.000	28.000
FPC20	Ø20	1.4 ± 0.1	750	50	33.000	36.000
FPC25	Ø25	1.45 ± 0.1	750	25	48.000	53.000
FPC32	Ø32	1.85 ± 0.1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

Nẹp luồn dây điện dạng vuông (Sản phẩm đạt tiêu chuẩn IEC61084-2-1:2017)

Mã số	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0.7 ± 0.1	1.7	50	9.000
NNV1720	20x10	0.7 ± 0.1	1.7	50	11.400
NNV1725	25x14	0.9 ± 0.1	1.7	50	17.400
NNV1730	30x16	1.0 ± 0.1	1.7	50	21.000
NNV1740	40x18	1.2 ± 0.1	1.7	25	32.600
NNV1750	50x35	1.4 ± 0.1	1.7	10	70.000
NNV1760	60x40	1.5 ± 0.1	1.7	6	88.000
NNV1780	80x60	1.7 ± 0.1	1.7	6	143.000
NNV17100	100x60	1.8 ± 0.1	1.7	6	209.000
NNV2015	15x9	0.7 ± 0.1	2.0	50	10.500
NNV2020	20x10	0.7 ± 0.1	2.0	50	13.500
NNV2025	25x14	0.9 ± 0.1	2.0	50	20.800
NNV2030	30x16	1.0 ± 0.1	2.0	50	24.800
NNV2040	40x18	1.2 ± 0.1	2.0	25	38.000
NNV2050	50x35	1.4 ± 0.1	2.0	10	83.000
NNV2060	60x40	1.5 ± 0.1	2.0	6	104.000
NNV2080	80x60	1.7 ± 0.1	2.0	6	165.000
NNV20100	100x60	1.8 ± 0.1	2.0	6	248.000

Nắp đậy hộp nối tròn

	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
	NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1,500 cái/thùng	2.100
	NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500

Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
PVC	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
PVC	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000

Ống xoắn HDPE

	Mã số	Đường kính Ø (mm)	
Trắng/ Xám	FRG16PE	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE	32mm (25m/cuộn)	269.000

Khớp nối trơn

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng	840
NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.200
NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.900
NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 30 cái/bao	9.500
Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	13.000

Đầu và khớp nối ren

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1,200 cái/thùng	3.300
NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1,000 cái/thùng	3.500
NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Kẹp đỡ ống

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	950
NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao 3,000 cái/thùng	1.200
NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao 2,000 cái/thùng	2.000
NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	3.000
Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	5.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

T nối

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1,000 cái/thùng	2.000
NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
Nano FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	14.500
Nano FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	17.000

T nối có nắp

Nano

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	9.500
FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	15.000
FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	18.000

Hộp nối 1 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã thẳng - Đóng gói 60 cái/thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Hộp nối 2 ngã vuông - Đóng gói 60 cái/thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Hộp nối 3 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã - Đóng gói 60 cái/thùng

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500

Co nối

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1,500 cái/thùng	1.500
NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
Nano FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	13.000
Nano FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	17.800

Co nối có nắp

Nano

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	6.000
FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	10.500
FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	16.000

Đầu nối ống mềm PVC

Nano

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	12.000
FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	16.000
FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	23.500
FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	37.500

Đầu giảm

Nano

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.700
FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	2.600
FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	4.100
FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	8.100
FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	10.200

Lò xo uốn ống

Mã số	Đường kính Ø (mm)	
FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
FLXU016L/L2	Lò xo uốn ống Ø16	
FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
FLXU025L/L2	Lò xo uốn ống Ø25	
FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
FLXU032L/L2	Lò xo uốn ống Ø32	

Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB

NS80
- Đai sắt dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
- Frame for HB
- Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000

NN81
- Đai nhựa dùng cho HB
- (Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
- Frame for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

4.000

NHB9801
- Hộp nổi dùng cho HB
- Mounting surface plate for HB
- Đóng gói 100 cái/thùng

8.000

NBD9802
- Hộp nổi dùng cho CB 2 tép
- Mounting surface plate for MCB 2P
- Kích thước: 121x54x69.47mm
- Đóng gói 30 cái/thùng

18.000

HỘP NỐI DÂY

NPA10050V
- Hộp nối dây 100x100x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

22.000

NPA12050V
- Hộp nối dây 120x120x50mm
- Wiring box
- Đóng gói 30 cái/thùng

27.000

NPA15055V
- Hộp nối dây 150x150x55mm
- Wiring box
- Đóng gói 20 cái/thùng

39.000

NPA20065V
- Hộp nối dây 200x200x65mm
- Wiring box
- Đóng gói 10 cái/thùng

68.000

NPA103V
- Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
- Round junction box
- Đóng gói 60 cái/thùng

12.000

MẶT THIẾT BỊ

NB9601
- Nắp kín đơn
- Wiring box lid - 1 gang
- Đóng gói 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000

NB9602
- Nắp kín đôi
- Wiring box lid - 2 gangs
- Đóng gói 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000

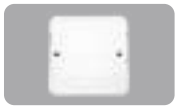

NA105-N
- Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box lid - BS Standard
- Đóng gói 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI

NBD200
- Hộp âm cho CB tép
- Wiring box for MCB
- Kích thước: 115x66x58mm
- Đóng gói 20 cái/thùng

9.000

NA101TM1
- Hộp âm nhựa trắng, đơn, bắt vít
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.600

NA101
- Hộp âm nhựa trắng, đơn, kèm vít
- Wiring box - 1 gang
- Kích thước: 106x64x43mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200

NA102
- Hộp âm đôi
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 109x103x44mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

10.500

NA105
- Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
- Wiring box - BS Standard
- Kích thước: 80x80x42.5mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

6.200

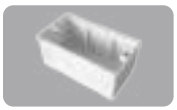

NA106
- Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu (Dùng cho WEB1051W)
- Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
- Kích thước: 135x75.6x58mm
- Đóng gói 40 cái/thùng

18.000

NPCA104
- Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
- Wiring box - 2 gang
- Kích thước: 131x106x42.5mm
- Đóng gói 50 cái/thùng

10.500

NN101F/ NN101W-Wide
- Hộp nổi đơn
- Surface box
- Kích thước: 120x70x35mm
- Đóng gói 100 cái/thùng

10.500

NN102F-Full/ NN102W-Wide
- Hộp nổi đôi
- Duplex surface box
- Kích thước: 120x115x35mm
- Đóng gói 60 cái/thùng

16.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nối dây đều có kèm vít

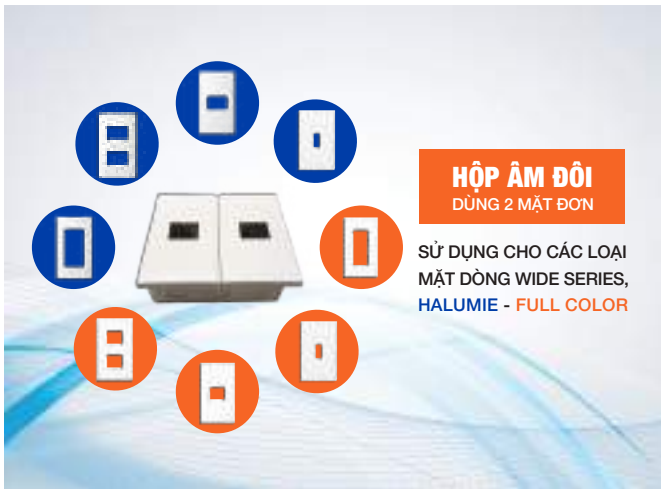

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

DÂY CÁP MẠNG

DÂY UTP

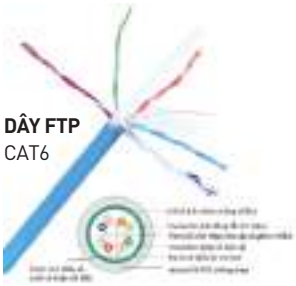

DÂY FTP
CAT6

DÂY FTP
CÓ DẦU

Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây dù trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.51mm 4 Pairs **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu trắng**	0.51 CCA	PE 0.91	Có	PVC 5.1	840.000
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.51 CCA	PE 1.00	Có	PVC 5.1	1.050.000
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu **100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305 m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.360.000
NC5E-F100O	Cat5e FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **có dầu, 100% Cu 24 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh /trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 5.1	3.990.000
NC6-U10	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu trắng**	0.57 CCA ±0.01 mm	PE 1.02	Có	PVC 6	1.145.000
NC6-F10	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu **10% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.57 CCA ±0.01 mm	PE 1.00	Có	PVC 6.6	1.460.000
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh/trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	4.305.000
NC6-F100O	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, **Có dầu - 100% Cu 23 AWG** Chiều dài: 305m/cuộn - **Màu xanh /trắng**	0.56 BC	PE 1.00	Có	PVC 6.6	5.250.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC

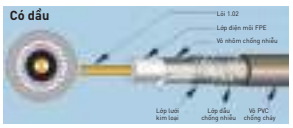

Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	750.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	860.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - **có dầu** Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 CCS	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	10-15m	1.050.000
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	1.02 100% Đồng	Foamed PE 4.57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0.12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6.9mm	~100m	1.420.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BÁO CHÁY

Mã số	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn **Màu trắng/đen**	0.5 CCA	HDPE	PVC	525.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kgf/25mm
- Điện áp đánh thủng >5kV

Xuất xứ Đài Loan

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	**78.000/cây**
FKPT20	20YDS	**136.000/cây**

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

BK	W
Y	R
G	B

Xuất xứ PRC

Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	**60.000/cây**
FKPC20	20YDS	**110.000/cây**

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

PCE

Connection to the future

INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25ºC đến 80ºC
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100ºC
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Xuất xứ Châu Âu

Dãy điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dãy điện áp trên	Xám

Phích cắm cao su di động không kín nước
Plug (Splashproof)

F0511-SR
- Rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP54

91.000

F0512-SR
- Solid rubber plug (Splashproof) phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP54, chịu va đập

127.000

F2510-SR
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A. 250V, IP20

92.000

F1050-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

F105-0B
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54

77.000

F106-0
- Mouting box (Splashproof IP44)
- Đế nổi cho ổ cắm âm không kín nước

99.000

Ổ cắm chia 3 ngã
Multiple-socket outlet

F9432007
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

2.352.000

F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.512.000

F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.313.000

F9430401
Ổ cắm chia 3 ngã
16A - 3P - 230V - IP44

1.124.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67)
Switched interlocked sockets (Watertight IP67)

F61132-6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.796.000

F61252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

2.016.000

F75252-6
32A -5P - 400V - 6H - IP67

3.444.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)
Plug (Splashproof IP44)

F013-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

79.000

F014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	112.000
F015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	126.000
F023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	141.000
F024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	148.000
F025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	186.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44)
Connector (Splashproof IP44)

F213-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

112.000

F214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	141.000
F215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	174.000
F223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	171.000
F224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	196.000
F225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	250.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44)
Wall socket (Splashproof IP44)

F113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	151.000
F114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	186.000
F115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	196.000
F123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	210.000
F124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	222.000
F125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	237.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)
Flanged socket straight (Splashproof IP44)

F313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	158.000
F314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	175.000
F315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	186.000
F323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	196.000
F324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	203.000
F325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	232.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)
Flanged socket sloping (Splashproof IP44)

F413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	176.000
F414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	208.000

F415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	231.000
F423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	275.000
F424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	303.000
F425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	332.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

Phích cắm di động loại kín nước (IP67)
Plug (Watertight IP67)

F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	298.000
F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	315.000
F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	336.000
F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	365.000
F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	387.000
F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	411.000

F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	832.000
F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	854.000
F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	882.000
F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.596.000
F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.880.000
F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.142.000

F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	315.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)
Connector (Watertight IP67)

F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	315.000
F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	349.000
F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	438.000
F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	449.000
F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	462.000
F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	500.000

F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	998.000
F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.019.000
F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.045.000
F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.195.000
F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.310.000
F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.478.000

F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	397.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67)
Wall socket (Watertight IP67)

F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	457.000
F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	528.000
F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	578.000
F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	618.000
F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	663.000
F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	702.000

F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.103.000
F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.218.000
F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.323.000

F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.699.000
F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.867.000
F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.035.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)
Flanged socket straight (Watertight IP67)

F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	365.000
F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	420.000
F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	449.000
F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	461.000
F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	483.000
F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	506.000

F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	663.000
F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	748.000
F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	798.000
F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - I P66/67	1.764.000
F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.890.000
F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.995.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)
Flanged socket sloping (Watertight IP67)

F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	264.000
F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	298.000
F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	309.000
F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	461.000
F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	506.000

F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	748.000
F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	798.000
F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.712.000
F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.880.000
F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.090.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước
Container - Plug and Socket
(Watertight IP67)

F0242-3V
Phích cắm - Plug
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — **320.000**

F1242-3V
Ổ cắm nổi - Wall socket
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — **936.000**

F2242-3V
Ổ cắm nối - Connector
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — **459.000**

F3242-3V
Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng
Flanged socket straight
32A - 4P - 440V - 3H - IP67 — **541.000**

Bộ tủ điện phân phối

NDB313-232
Tủ điện phân phối IP44
1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng
935.000

NDB313
Tủ điện phân phối IP44
3 ổ cắm 3P 16A PCE
Kích thước: 200x200x65mm
630.000

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY**
làm đế **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065V
(*) Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 27

nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)

NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	280.000
NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	290.000
NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	335.000
NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	350.000
NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	350.000
NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	365.000
NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	410.000
NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	435.000
NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	400.000
NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	420.000
NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	465.000
NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	490.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)

NEW

NIS105-0B	16A - 2P - 230V - IP54	60.000

Ổ cắm chia 3 ngã

NEW

NIS9432000	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)

NEW

NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (IP44)

NEW

NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)

NEW

NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000

NEW

NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000

NEW

NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)

NEW

NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000

NEW

NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000
NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)

NEW

NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000

NEW

NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	510.000
NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000

NEW

NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Dự kiến có hàng tháng 12/2024

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44)- Plug (IP44)

NEW

NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)

NEW

NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (IP44)

NEW

NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

NEW

NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000

NEW

NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67) Container - Plug and Socket (Watertight IP67)

NEW

Phích cắm - Plug

NIP0242-3V	32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000

NEW

Ổ cắm nổi - Wall socket

NIS1242-3V	32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000

NEW

Ổ cắm nối - Connector

NIS2242-3V	32A - 4P - 400V - 3H - IP67	260.000

NEW

Ổ cắm gắn âm dạng thẳng Flanged socket straight

NIS3242-3V	32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67) Flanged socket straight (Watertight IP67)

NEW

NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000

NEW

NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT HÚT SIÊU MỎNG

Ưu việt về thiết kế

Thiết kế góc côn gió từ các hướng dễ đi vào.
Bầu gió có đường kính lớn và sâu làm tăng lưu lượng gió, giảm ồn.

Mặt lưới có khoảng không lớn gió dễ dàng lưu thông

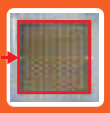

Vít bắt thân quạt phía trong mặt lưới
-> Tính thẩm mỹ cao

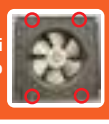

Đa dụng cho cả tường và trần mỏng

An toàn và tiện lợi

Hộp điện có Domino tiện dụng cho đấu nối dây

Lỗ tản nhiệt động cơ lớn
→ Làm nguội động cơ nhanh, tăng hiệu suất làm việc

Chắc chắn, ổn định và bền bỉ

Kết cấu giữ motor có 5 xương keo
→ Chắc chắn giảm khả năng rung lắc
Motor 100% dây đồng

Tán cánh cố định cánh chắc chắn
→ Không đảo cánh khi bị sinh nhiệt

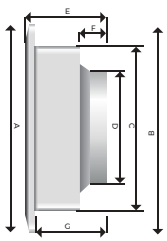

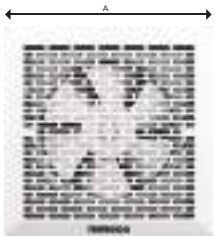

Model	A	B	C	D	E	F	G
NMV1523	205	205	150	119	95	35	85
NMV2023	255	255	200	138	99.8	33	87.8
NMV2523	305	305	250	175	101.5	33.5	88.5

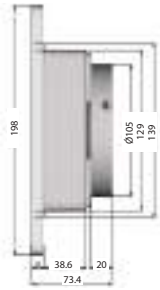

NMV1523
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12W
- Lưu lượng gió: 185 m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 150 x 150 mm
- Độ ồn: <50dBA

320.000

NMV2023
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 20W
- Lưu lượng gió: 265 m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 200 mm
- Độ ồn: <50dBA

360.000

NMV2523
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 24W
- Lưu lượng gió: 400m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 250 mm
- Độ ồn: <50dBA

450.000

NMV1421
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 8W
- Lưu lượng gió: 90m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 140 x 140mm
- Độ ồn: ~50dBA

250.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN LỒNG SÓC

NFV2021
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12.5W
- Cánh lồng sóc
- Lưu lượng gió: 145m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 230mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: ϕ100mm hoặc ϕ110mm

660.000

NFV2521
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Cánh lồng sóc
- Lưu lượng gió: 187m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 280mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: ϕ100mm hoặc ϕ110mm

730.000

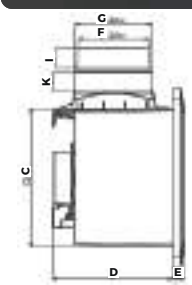

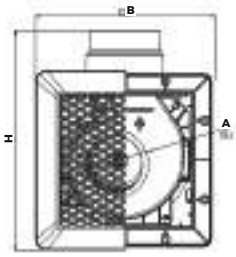

Model	Kích thước (mm)									
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	K
NFV2021	78	250	191	166	16	98	108	305	28	28
NFV2521	116	305	242	183	17	98	108	357	28	28

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ
Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG 1 CHIỀU

NWV1520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 200x200mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m² - 35m²

570.000

NWV2020
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 250x250mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 24m² - 79m²

620.000

NWV2520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 31W
- Đường kính cánh: 25cm
- Lưu lượng gió: 888m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 300x300mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 37m² - 123m²

670.000

Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NWV1520	160	260	190	90	62	30
NWV2020	210	302	240	90	62	45
NWV2520	260	350	290	90	62	50

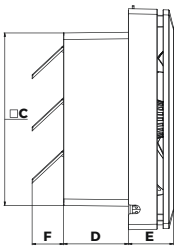

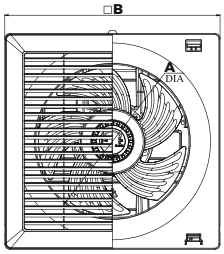

QUẠT HÚT ÂM TRẦN KHÔNG DÙNG ỐNG DẪN

Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520	160	260	204	110	12	-
NCV2020	210	302	260	110	12	-

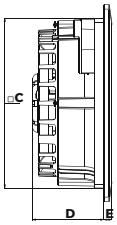

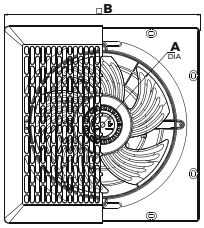

NCV1520
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m² - 35m²

520.000

NCV2020
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 24m² - 79m²

570.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN DÙNG VỚI ỐNG DẪN

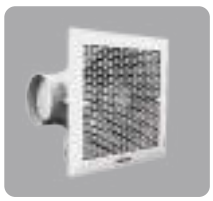

NCV1520-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 87.6m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Kích thước ống dẫn: Ø100mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 4m² - 12m²

550.000

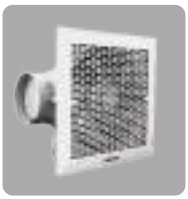

NCV2020-C
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 18W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 192m³/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Kích thước ống dẫn: Ø110mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 8m² - 27m²

600.000

Model: **NCV1520-C**

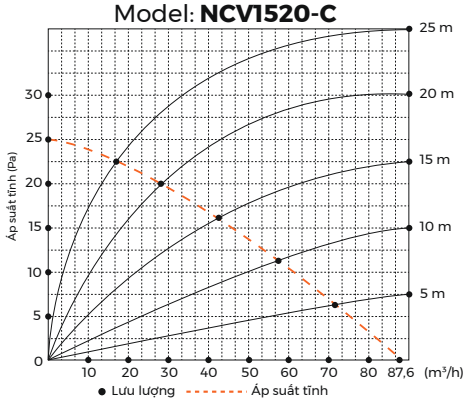

Model: **NCV2020-C**

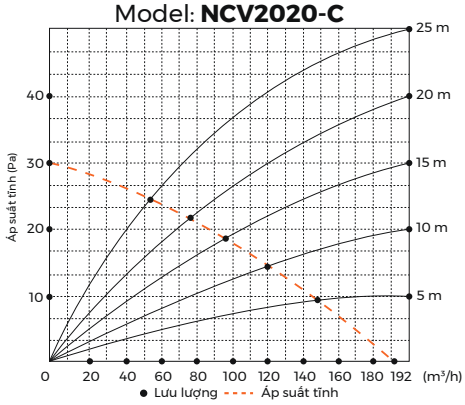

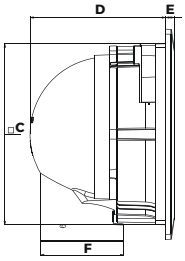

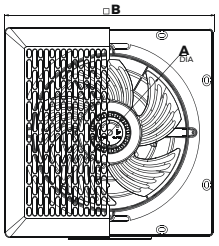

Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520-C	160	260	204	182	12	98
NCV2020-C	210	302	260	195	12	108

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã số	Công suất (W)	Lưulượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-25TGU5	26.5	612	39	31.5	1.050.000
FV-15TGU6	10	275	35	21.7	840.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	950.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGS2	4.3	76	35	Φ13~14	Φ12~12.5	19	810.000
FV-15EGS2	5.7	155	36	Φ17.5~18.5	Φ16.5~17	23	980.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
FV-10EGD2 NEW	4.1	82	34	Φ13~14	Φ12~13	9	680.000
FV-15EGD2 NEW	5.7	170	37	Φ17.5~18.5	Φ16.5~17.5	9	750.000

Thiết bị phát Ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™ X

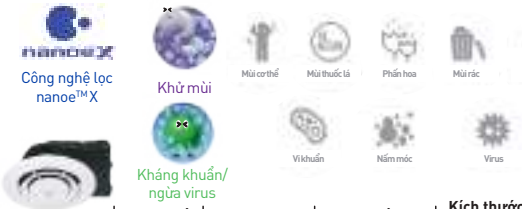

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ (mm)	
FV-15CSD1	4	15	23.5	150	7.250.000

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi"

Động cơ DC

Lọc bụi mịn PM 2.5

FV-01NAP1 — 13.125.000

- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Cao	10	133	26
Thấp	3	42	20

QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-15AUL1	12.5	255	36	20	1.040.000

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-20AL1	18	550	38	25	1.060.000
FV-25AL1	25	840	40.5	30	1.170.000
FV-30AL1	28	1000	39	35	2.330.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-20RL1	17/12.5	550/430	38/45	25	1.685.000
FV-25RL1	25/16.5	840/600	40.5/43	30	2.060.000
FV-30RL1	27.5/18	1000/750	39/42	35	2.414.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
FV-20AU1	18	590	36	25	850.000
FV-25AU1	25	950	38	30	960.000
FV-30AU1	28	1200	37	35	1.550.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP

FV - 25GS4	39	1,100	34	27.5	4.710.000
FV - 30GS4	59	1,800	38	32.5	6.520.000
FV - 35GS4	88	2,670	44	39.5	7.980.000
FV - 40GS4	161	3,780	47	44.5	10.190.000

QUẠT HÚT SƯỞI

Chức năng thông gió, sưởi ấm

FV-30BZ1 — 4.700.000

- Kích thước lắp đặt 280x260 mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,380	130	45
Thông gió	23		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

FV-30BY1 — 6.690.000

- Kích thước lắp đặt 260 x 280 mm
- Kích thước ống dẫn Ø110mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,400	140	45
Thông gió	20		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

FV-30BG3 — 10.920.000

- Kích thước lắp đặt 300x 300mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1,500	170	46
Thông gió	28		39

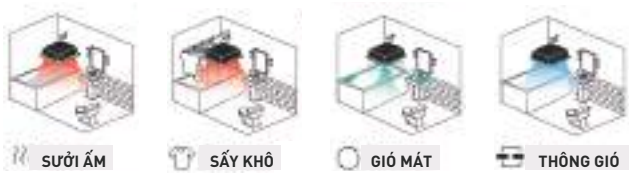

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23 dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000 giờ
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng

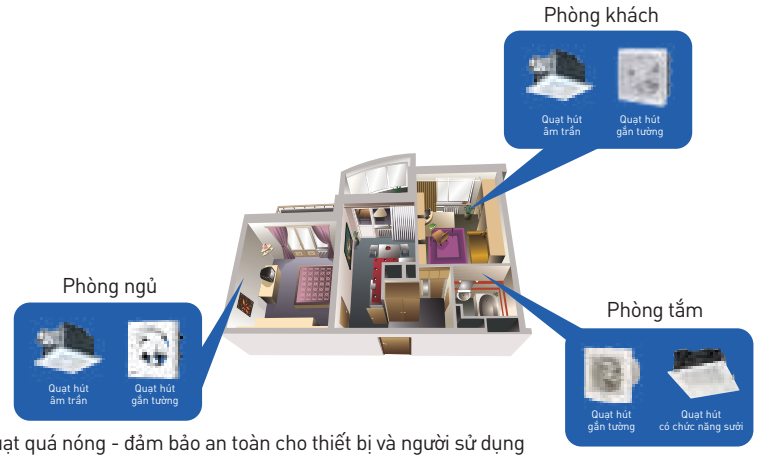

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV-17CU9	7.5	85	23	17.7	2.440.000
FV-24CU9	10.5	140	25	24	3.010.000
FV-24CD9	13.5	170	28.5	24	3.100.000
FV-24CH9	16.5	200	32	24	3.280.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ					
FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	27	4.850.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34		
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	32	6.490.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36		
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	32	7.050.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41		
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	38.5	8.790.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44		
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	38.5	9.590.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50		

Dòng quạt hút có sensor

Mã số	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chừa lỗ vuông (cm)	
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ					
FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
Sensor chuyển động					
FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
FV-24CHRV2	17	200	32	24	5.920.000
Sensor chuyển động & độ ẩm					

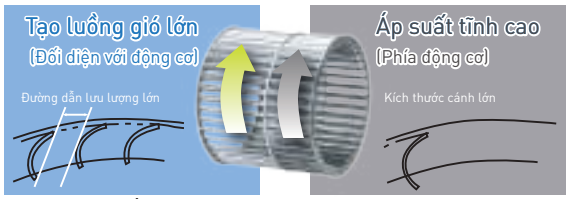

Mạnh mẽ với luồng gió kép
Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

3 pha

Mã số	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-28NX3	600	2600	44	Ø250	20.900.000
FV-25SW3	940	4000	43	250 x 500	35.706.000
FV-25SM3	1180	5200	45	250 x 700	43.050.000

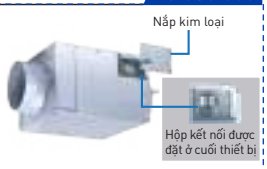

Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã số	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	3.255.000
	Low	17	145	17		
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	4.312.000
	Low	29.5	275	22		
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	5.148.000
	Low	55	405	27		
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	6.292.000
	Low	80	620	29		
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	7.777.000
	Low	113	720	29		
FV-23NL3	Hi	230	1200	40	Ø200	9.449.000
	Low	170	900	34		
FV-25NS3	Hi	345	1700	41	Ø250	12.496.000
	Low	265	1380	38		
FV-25NF3	Hi	390	1900	43	Ø250	14.280.000
	Low	325	1600	40		

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT TRẦN - QUẠT ĐIỆN

SẢN PHẨM

- QUẠT TRẦN PANASONIC
- QUẠT ĐIỆN PANASONIC

KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS

App: Ceiling Fan

WiFi CERTIFIED

Download on the App Store

Google Play

ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.
* Thiết bị di động cần có: iOS 12.2 và Android 7 trở lên.

Cách xác định chiều dài ti quạt

Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.

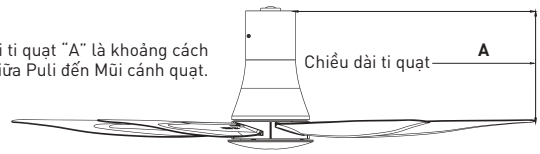

Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.

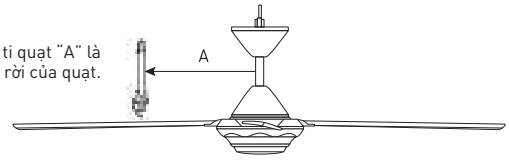

F-60DGN

Available on the App Store

GET IT ON Google Play

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37.3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.430.000

F-60DHN

Available on the App Store

GET IT ON Google Play

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37.3 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

10.380.000

F-60FEN

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28.8 cm

- Tích hợp công nghệ nanoe™ X giúp ức chế đến 99.9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

11.500.000

F-48DGL

Available on the App Store

GET IT ON Google Play

Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 27.8 cm

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2.4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.280.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

Động cơ điện một chiều

Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần.
Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC).
Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).

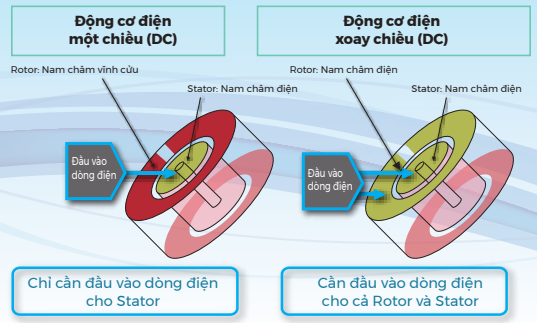

Thiết kế cánh quạt 3D

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

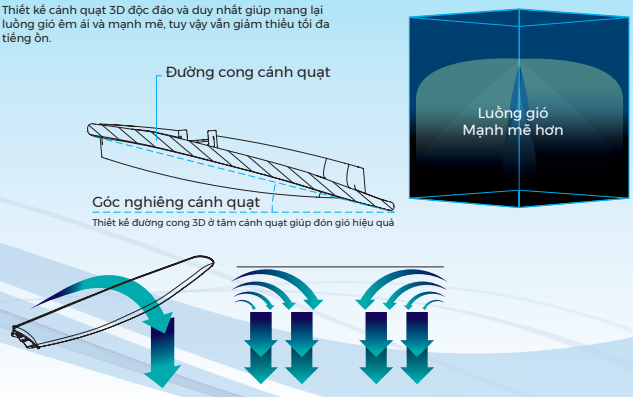

Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28.8 cm
Đèn LED có 4 chế độ sáng

Ánh sáng trắng
Ánh sáng ban ngày
Ánh sáng vàng
Ánh sáng vàng dịu

F-60UFN
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 59W (motor: 37W, đèn: 22W)
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.750.000

F-60XDN (Đen)
F-60XDN-W (Trắng)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28.8 cm

8.220.000

NEW

Đường kính cánh 150 cm

F-60GDS-W (Trắng, chiều dài ty 28.8mm)
F-60GDS-WS (Trắng, chiều dài ty 21.2mm)
F-60GDS-B (Nâu, chiều dài ty 28.8mm)
F-60GDS-BS (Nâu, chiều dài ty 21.2mm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Dự kiến có hàng T10/2024

7.160.000

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28.8 cm

F-60TAN
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000

Đường kính cánh 150 cm

F-60TDN (Chiều dài ti 28.8 cm)
F-60TDN-S (Chiều dài ti 21 cm)
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000

Đường kính cánh 150 cm

F-60WWK (Chiều dài ti 29.1 cm)
F-60WWK-S (Chiều dài ti 19.6 cm)
- Công suất 76W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 7 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000

NEW

Đường kính cánh 150 cm

F-60GDN (Chiều dài ty 28.8mm)
F-60GDN-S (Chiều dài ty 21.2mm)
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Dự kiến có hàng T10/2024

7.160.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ty: 28.8 cm
Đèn led có 4 chế độ sáng

Ánh sáng trắng

Ánh sáng ban ngày

Ánh sáng vàng

Ánh sáng vàng dịu

F-60GFN

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 58W (motor: 40W, đèn: 18W)
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 1 chế độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- 1 chế độ ánh sáng tối đa (Full light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m³/phút
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

Dự kiến có hàng T01/2025

12.750.000

Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 29.2 cm

F-56XPG (Đen)
F-56XPG-W (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.720.000

Đường kính cánh 140 cm

F-56MZG-GO (Vàng ánh kim, chiều dài ti 40.6 cm)
F-56MZG-GOS (Vàng ánh kim, chiều dài ti 22.9 cm)
F-56MZG-S (Bạc, chiều dài ti 40.6 cm)
F-56MZG-SS (Bạc, chiều dài ti 22.9 cm)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.350.000

Đường kính cánh 140 cm
Hộp số loại nổi

F-56NCL
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 18 inch - 45.7 cm)

F-56NCL-S
(Đồng cổ điển, chiều dài ti 12 inch - 30.4 cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút

2.210.000

Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 14 cm

F-48CZL

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

4.640.000

Đường kính cánh 200 cm

F-80ZBR (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

19.330.000

Đường kính cánh 180 cm

F-70ZBP (Chiều dài ti 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

17.650.000

Đường kính cánh 140 cm
Chiều dài ti 31.9 cm

F-56MPG-GO (Vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Bạc)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.350.000

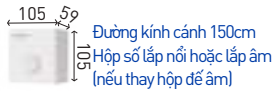

Đường kính cánh 150cm
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay hộp đế âm)

Khuyến cáo: Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.

F-60FV2-MS (Trắng, chiều dài ty 9 inch - 22.8 cm)
F-60FV2-S (Trắng, chiều dài ty 12 inch - 30.4 cm)
F-60FV2 (Trắng, chiều dài ty 18 inch - 45.7 cm)
F-60FV2-L (Trắng, chiều dài ty 22 inch - 55.8 cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m³/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp đế âm đơn mặt vuông:
  W:80mm x L:80mm x H: trên 50mm (Kích thước đề nghị)

2.220.000

Đường kính cánh 150 cm
Hộp số loại nổi

F-60MZ2-MS (Trắng, chiều dài ti 9 inch - 22.8 cm)
F-60MZ2-S (Trắng, chiều dài ti 12 inch - 30.4 cm)
F-60MZ2 (Trắng, chiều dài ti 18 inch - 45.7 cm)
F-60MZ2-L (Trắng, chiều dài ti 22 inch - 55.8 cm)
F-60MZ2-KMS (Đen, chiều dài ti 9 inch - 22.8 cm)
F-60MZ2-KS (Đen, chiều dài ti 12 inch - 30.4 cm)
F-60MZ2-K (Đen, chiều dài ti 18 inch - 45.7 cm)
F-60MZ2-KL (Đen, chiều dài ti 22 inch - 55.8 cm)

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m³/phút

1.570.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT ĐỨNG - Standing fan

F-409KB (Xanh)
F-409KBE (Beige)
F-409KMR (Đỏ)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 128 - 143 cm
- Lưu lượng gió 77.5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

3.970.000

F-407WGO (Vàng kim)

- Công suất 53.5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Chiều cao quạt 134 - 157 cm
- Lưu lượng gió 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Có trang bị đèn ngủ

3.240.000

F-308NHB (Xanh)
F-308NHP (Hồng)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 91 - 105 cm
- Lưu lượng gió 40 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

3.940.000

F-307KHB (Xanh)
F-307KHS (Bạc)

- Công suất 37W
- Đường kính quạt 30 cm
- Chiều cao quạt 66 - 85 cm
- Lưu lượng gió 50.7 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Màng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
- Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
- Có remote

2.760.000

QUẠT BÀN - Table fan

F-400CB (Xanh)
F-400CI (Trắng ngà)

- Công suất 48W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 75 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Di chuyển dễ dàng

1.500.000

QUẠT ĐẢO - Orbit fan

F-409QB (Xanh)
F-409QGO (Vàng)

- Công suất 45W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 79 m³/phút
- Quạt đảo 360°
- Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.180.000

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan

Thiết kế AN TOÀN

Lưu lượng gió 100M³/PHÚT

Vận hành êm ái KHÔNG GÂY TIẾNG ỒN

F-50YUZ (Đen)

- Công suất 53 ~ 63W
- Đường kính quạt 50 cm
- Lưu lượng gió 100 m³/phút
- 850 ~ 1230 vòng quay/phút
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.350.000

F-409MB (Xanh)
F-409MG (Trắng ngà)

- Công suất 51W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 77.5 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
- Có remote

2.820.000

F-409UB (Xanh)
F-409UGO (Vàng kim)

- Công suất 47.5W
- Đường kính quạt 40 cm
- Lưu lượng gió 76 m³/phút
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.260.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

QUẠT TRẦN - Ceiling Fan

NCF5631-W (Trắng - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-WS (Trắng - Chiều dài ti 30cm)

NCF5631-GO (Vàng đồng - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-GOS (Vàng đồng - Chiều dài ti 30cm)

NCF5631-K (Đen - Chiều dài ti 40cm)
NCF5631-KS (Đen - Chiều dài ti 30cm)

NEW

Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay hộp đế âm)

- Chất liệu cánh: Nhôm
- Công suất: 80W
- Điện áp sử dụng: 220V/ 50Hz
- Có dây an toàn
- Đường kính cánh: 140cm
- Lưu lượng gió: 293 m³/phút
- Có 5 cấp độ gió
- Động cơ AC
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp đế âm đơn mặt vuông.

1.400.000

Dự kiến có hàng 10/2024

NEW

NCF5462-GL (Vàng đồng - Chiều dài ti 15 cm và 25 cm)
NCF5462-SL (Bạc - Chiều dài ti 15 cm và 25 cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)
- 6 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 137cm
- Có dây an toàn
- Điều khiển remote
- Động cơ DC
- 6 cấp độ gió
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ.
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh.
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên

Cập nhật sau

Dự kiến có hàng 10/2024

NEW **NCF5653-WL** (Trắng - Chiều dài ti 19.5 cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)
- 5 cánh – Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 140cm
- Có dây an toàn
- Điều khiển remote
- Động cơ DC
- 6 cấp độ gió
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ.
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh.
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h – 2h – 4h – 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên

Cập nhật sau

QUẠT TREO TƯỜNG - Wall Fan

Quạt treo CN

NWF1606 (Đen cam)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 60,1 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

*Giá 1 cây **640.000**

Quạt treo CN B5

NWF1822 (Đen cam)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45 cm
- Đường kính lồng: 49 cm
- Công suất: 65 W
- Lưu lượng gió: 97,9 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

*Giá 1 cây **780.000**

NEW

Quạt treo cơ B3

NWF1218GR (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30 cm
- Đường kính lồng: 35,5 cm
- Công suất: 30 W
- Lưu lượng gió: 40,8 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

Dự kiến có hàng 09/2024

*Giá 1 cây **580.000**

NEW

Quạt treo Remote B3

NWF1219RC-GR (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30 cm
- Đường kính lồng: 35,5 cm
- Công suất: 30 W
- Lưu lượng gió: 39,4 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển bằng remote

Dự kiến có hàng 09/2024

740.000

Quạt treo cơ

NWF1611G (Xám)
NWF1611BL (Xanh)
NWF1611BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 65,7 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

*Giá 1 cây **620.000**

NEW

Quạt treo cơ

NWF1614GR (Ghi)
NWF1614LB (Xanh dương)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 77,3 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

Dự kiến có hàng 10/2024

*Giá 1 cây **720.000**

Quạt treo remote

NWF1612RC-G (Xám)
NWF1612RC-BL (Xanh)
NWF1612RC-BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 66,5 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Điều kiển bằng remote

800.000

Ampo.vn

Quạt treo remote

NWF1615RC-GR (Ghi)
NWF1615RC-LB (Xanh dương)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 77,3 m³/min
- Motor dây đồng + ***sử dụng bạc đạn***
- 3 cấp độ gió
- Điều kiển bằng remote

900.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

QUẠT ĐẢO - Orbit Fan

Quạt đảo cơ

NOF1609 (Xám trắng)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 68,5 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cây/thùng

** Giá 1 cây* **710.000**

Quạt đảo cơ

NEW **NOF1650GR** (Ghi)
NOF1650BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 71 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

Dự kiến có hàng 10/2024

** Giá 1 cây* **Cập nhật sau**

Quạt đảo remote

NOF1603G-RC (Xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 85 m³/min
- Motor dây đồng + ***sử dụng bạc đạn***
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển bằng remote
- Đóng gói: 2 cây/thùng

** Giá 1 cây* **960.000**

Quạt đảo Remote

NEW **NOF1651RC-GR** (Ghi)
NOF1651RC-BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 71 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

Dự kiến có hàng 10/2024

** Giá 1 cây* **Cập nhật sau**

QUẠT ĐỨNG - Standing Fan

Quạt đứng CN (Đen cam)

NSF1607

- 7 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 78 m³/min
- Chiều cao: 101 - 116 cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Lồng vuông đen
- Đóng gói: 2 cái/thùng

** Giá 1 cây* **750.000**

QUẠT LỬNG - Living Fan

Quạt lửng cơ

NLF1623BL (Xanh)
NLF1623BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47W
- Lưu lượng gió: 69,3 m³/min
- Chiều cao:75 - 93 cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió

720.000

Quạt lửng remote

NLF1624RC-BL (Xanh)
NLF1624RC-BE (Beige)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47W
- Lưu lượng gió: 72,2 m³/min
- Chiều cao: 75 - 93 cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Điều khiển bằng remote

960.000

Quạt lửng CN

NLF1622 (Đen cam)

- 7 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40 cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47 W
- Lưu lượng gió: 78 m³/min
- Chiều cao: 85 - 100 cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- Lồng vuông đen
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

** Giá 1 cây* **700.000**

QUẠT BÀN - Table Fan

Quạt bàn B3

NTF1207G (Xám)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30 cm
- Đường kính lồng: 35,5 cm
- Công suất: 40W
- Lưu lượng gió: 38,2 m³/min
- Motor dây đồng + ***sử dụng bạc đạn***
- 3 cấp độ gió

620.000

NEW

Quạt bàn B3

NTF1209G (Xám)
NTF1209BE (Beige)
NTF1209P (Hồng)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30 cm
- Đường kính lồng: 35,5 cm
- Công suất: 30W
- Lưu lượng gió: 38,2 m³/min
- Motor dây đồng + ***sử dụng bạc đạn***
- 3 cấp độ gió

600.000

NEW

Quạt bàn

NTF1630G (Xám)
NTF1630BE (Beige)
NTF1630J (Xanh ngọc)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Công suất: 47W
- Lưu lượng gió: 63,6 m³/min
- Motor dây đồng + **sử dụng bạc đạn**
- 3 cấp độ gió

Dự kiến có hàng 09/2024

660.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

QUẠT SẠC - Rechargeable Fan

Quạt sạc gấp gọn

NFF1617W (Trắng)
NFF1617P (Hồng)

- 4 cấp độ gió
- Chất liệu hợp kim nhôm và nhựa ABS
- Kích thước xếp: 197 x 197 x 93 mm
- Kích thước mở: 197 x 197 x 975 mm
- Nguồn điện: DC 5 V - Pin 3,7V - 7200 mAh
- Thời gian sử dụng: 5 -24h
(Tùy vào điều kiện sử dụng)
- Độ ồn: 30 - 40 dBA

820.000

Quạt sạc gấp gọn

NFF1618W (Trắng)
NFF1618P (Hồng)

- 4 cấp độ gió
- Chất liệu hợp kim nhôm cao cấp và nhựa ABS
- Kích thước xếp: 214 x 214 x 97 mm
- Kích thước mở: 214 x 214 x 1070 mm
- Nguồn điện: DC 5 V - Lithium: 10.000 mAh (± 10%)
- Cổng sạc: Type C
- Thời gian sử dụng: 6 – 24h
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

820.000

Quạt sạc điện

NRF6213G (Xanh)
NRF6213P (Hồng)

- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Nguồn điện: DC 5 V/ 2 A
- Công suất: 7 W - Pin: 3,7V – 3600 mAh
- Thời gian sử dụng: 1,5 – 10,5 h
- Kích thước quạt: 190 x 250 x 150 mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

460.000

Quạt kẹp

NRF5210G (Xanh)

- 3 cấp độ gió - Chất liệu: Nhựa ABS
- Nguồn điện: DC 5V/1 A
- Công suất: 5 W - Pin: 3,7V - 1800 mAh
- Thời gian sử dụng: 1 – 8 h
- Kích thước quạt: 140 x 190 x 110 mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

190.000

Quạt sạc điện

NRF6215W (Trắng)
NRF6215P (Hồng)

- 4 cấp độ gió - Chất liệu: Nhựa ABS
- Nguồn điện: DC 5 V/ 2 A
- Công suất: 5 W - Pin: 3,7V - 2400 mAh
- Thời gian sử dụng: 1,5 - 2 h
- Kích thước quạt: 180 x 150 x 220 mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

400.000

Quạt sạc điện

NRF6219W (Trắng)

- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Nguồn điện: DC 5V/ 2 A
- Công suất: 6 W - Pin: 3,7V – 3600 mAh
- Thời gian sử dụng: 1,5 – 9,5 h
- Kích thước quạt: 160.6 x 225 x 94 mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

460.000

Quạt sạc điện

NRF6536W (Trắng)

- 3 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Nguồn điện: DC 5 V/ 2 A
- Công suất: 6 W - Pin: 3,7 V - 4000 mAh (±10%)
- Thời gian sử dụng: 1-8 h
- Kích thước quạt: 207 x 334 x 170 mm
(Tùy vào điều kiện sử dụng)

520.000

BÌNH ĐUN SIÊU TỐC - Kettle

NKT1817DG (Xanh lục)
NKT1817W (Trắng)

- Dung tích: 1.8 L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50-60 Hz
- Công suất: 1800 W
- Đèn LED: Đèn báo - xanh
- Kích thước bình: 217 x 142 x 256 mm

460.000

NKT1750W (Trắng)
NKT1750Y (Vàng)

Chức năng giữ ấm

- Dung tích: 1,7 L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50-60 Hz
- Công suất: 1500 - 1780 W
- Đèn LED: Đèn báo - đỏ (khi đun)/ xanh (giữ ấm)
- Kích thước bình: 220 x 148 x 249 mm
- Chức năng giữ ấm

460.000

NKT1886 (Bình đun thân bóng)
NKT1887 (Bình đun thân nhám)

- Dung tích: 1,8 L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 - 240 V ~ 50/ 60 Hz
- Công suất: 1800 W
- Đèn LED: Đèn báo - đỏ
- Kích thước bình: 230 x 160 x 245 mm

240.000

NKT1790

- Dung tích: 1,7 L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50-60 Hz
- Công suất: 1850 - 2200 W
- Đèn LED: Đèn báo - xanh
- Kích thước bình: 216 x 151 x 244 mm

420.000

NKT1216

- Dung tích: 1,2 L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: 220 - 240V ~ 50/ 60 Hz
- Công suất: 1370 - 1630 W
- Đèn LED: Đèn báo – đỏ
- Kích thước bình: 205 x 165 x 180 mm

420.000

NKT1762

- Dung tích: 1,7 lít
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50-60 Hz
- Công suất: 1850 - 2200 W
- Đèn LED: Đèn báo - xanh
- Kích thước bình: 216 x 161 x 229 mm

470.000

NEW

NKT1761DB (Xanh đen)
NKT1761G (Xanh lá)

- Dung tích: 1,7 L
- Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 – 240V ~ 50 – 60Hz
- Công suất: 1200 W - 1450 W
- Đèn LED: Đèn báo – xanh
- Kích thước bình: 210 x 145 x 225 mm

340.000

NEW

NKT2241B (Xanh)

- Dung tích: 2,2 lít
- Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp
- Nguồn điện: AC 220 – 240V ~ 50 – 60 Hz
- Công suất: 1800 W
- Đèn LED: Đèn báo – đỏ
- Kích thước bình: 225 x 168 x 238 mm

300.000

NEW

NKT1718G (Xanh)
NKT1718BE (Beige)

- Dung tích: 1,7 L
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50 - 60Hz
- Công suất: 1850 - 2200 W
- Đèn LED: Đèn báo cam
- Kích thước bình: 210 x 151 x 259.5 mm

400.000

NEW

NKT1791G (Xanh)

- Dung tích: 1,7 Lít
- Chất liệu ruột bình: Inox 304
- Nguồn điện: AC 220 - 240V ~ 50 - 60 Hz
- Công suất: 1850 - 2200 W
- Điều khiển: Cảm ứng, LED thông minh
- Kích thước bình: 215 x 175 x 258 mm
- Có tính năng giữ ấm theo 4 mức nhiệt
(40ºC - 70ºC - 80ºC - 90ºC)

Chức năng giữ ấm | Cảm ứng thông minh

Cập nhật sau

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

BÌNH THỦY ĐIỆN - Electric thermos pot

NEW

NETF320 (Beige)
- Nguồn điện: 220V~/ 50 Hz
- Công suất: 750 W
- Dung tích: 3,2 L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa PP
- Kích thước sản phẩm: 310 x 230 x 300 mm
- Kích thước hộp: 270 x 270 x 360 mm
- Khối lượng: 2,75 Kg

Cập nhật sau

NEW

Dự kiến có hàng 10/2024

NETF500 (Xanh đen)
- Nguồn điện: 220V~/ 50 Hz
- Công suất: 750 W
- Dung tích: 5 L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa PP
- Kích thước sản phẩm: 295 x 230 x 370 mm
- Kích thước hộp: 266 x 266 x 420 mm
- Khối lượng: 2,6 Kg

Cập nhật sau

NEW

Dự kiến có hàng 10/2024

NETF400 (Bạc)
- Nguồn điện: 220V~/ 50 Hz
- Công suất: 750 W
- Dung tích: 4 L
- Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa PP
- Kích thước sản phẩm: 305 x 230 x 350 mm
- Kích thước hộp: 273 x 273 x 380 mm
- Khối lượng hộp: 2,7 Kg

Cập nhật sau

MÁY SƯỞI DẦU - Oil Heater

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

NOH2614RC
- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60 Hz
- Công suất: 2600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m²
- Điều khiển: Cảm ứng + remote
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145x575mm
- Hẹn giờ: 1h – 24h
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 x 290 x 620mm

Cập nhật sau

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

NOH2613
- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60 Hz
- Công suất: 2600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m²
- Điều khiển: Nút vặn
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145x575mm
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 x 290 x 620 mm

Cập nhật sau

QUẠT HÚT SƯỞI - Bathroom Dryer

NEW

Dự kiến có hàng 10/2024

NBD0330
- Nguồn điện: 220V/ 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2200 W
  + Quạt hút: 35 W
  + Làm mát: 35 W
  + Đèn: 13 W
- Kích thước khoét lỗ: 275 x 275 mm
- Lưu lượng gió: 140 m³/h
- Điều khiển: Remote
- Độ ồn: 48/46 dB
- Sản phẩm: 300 x 300 x 166,3 mm - 4,2 Kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

Cập nhật sau

NEW

Dự kiến có hàng 10/2024

NBD2560
- Nguồn điện: 220V/50 Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  + Sưởi PTC: 2400 W
  + Quạt hút: 40 W
  + Làm mát: 40 W
  + Đèn: 18 W
- Kích thước khoét lỗ: 305 x 605 mm
- Lưu lượng gió: 150 m³/h
- Điều khiển: Remote
- Độ ồn: 49/46 dB
- Sản phẩm: 634 x 334 x 138,4 mm - 5,9 Kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng

Cập nhật sau

MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

NEW

Dự kiến có hàng 11/2024

Thông số kỹ thuật		NDH102	NDH163	NDH205	NDH256
		Cập nhật sau	Cập nhật sau	Cập nhật sau	Cập nhật sau
Phạm vi sử dụng	**(m²)**	10 - 15m²	16 - 24m²	20 - 30m²	25 - 42m²
Khả năng hút ẩm (30°C - 80%)	**(L/D)**	10	16	20	25
Công suất (32°C-90%)	**(W)**	280	290	360	400
Bình chứa	**(L)**	2,4	3,5	5,5	6,5
Loại máy		Nén lạnh chuyển động qua lại	Nén lạnh chuyển động qua lại	Nén lạnh chuyển động qua lại	Nén lạnh chuyển động qua lại
Điều khiển		Cảm ứng	Cảm ứng - Thanh trượt: Điều chỉnh tăng giảm	Cảm ứng	Cảm ứng
Độ ồn	**(dB)**	≤46dB	≤48dB	≤48dB	≤48dB
Lực hút	**(m³/h)**	92	195	195	195
Tốc độ		2	2	2	2
Khóa trẻ em		•	-	•	•
Gas làm lạnh		R290	R290	R290	R290
Hẹn giờ	**(h)**	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h
Báo độ ẩm		•	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc
Báo và tự động tắt khi đầy bình chứa		•	•	•	•
Tích hợp sấy quần áo		-	•	•	•
Màng lọc		Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô
Chế độ hoạt động		Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ
Khối lượng	**(Kg)**	10	12	13.5	14.5
Kích thước sản phẩm	**(C x R x S)**	310x200x570mm	260x260x618mm	350x200x600mm	340x240x570m m

*Giá bán đã bao gồm VAT

TỦ SẤY QUẦN ÁO - Clothes dryer

NCD1502
- Nguồn điện: 220V/ 50 Hz
- Công suất: 1500 W
- Sức chứa quần áo khô: ≤20 kg
- Hẹn giờ: tối đa 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Khối lượng: 5,0kg
- Kích thước sản phẩm: 800 x 450 x 1700mm

1.330.000

NEW

NCD2024RC
- Điện áp sử dụng: 220V/50 Hz
- Công suất: 2000 W
- Sức chứa quần áo khô: ≤ 30kg
- Hẹn giờ tối đa: 180 phút
- Điều khiển: Remote + Cảm ứng
- 3 cấp độ: Quạt (Lạnh) - 1000W (Nóng) - 2000W (Nóng)
- Khối lượng: 6,5kg
- Kích thước sản phẩm: 900 x 500 x 1700mm

Dự kiến có hàng 10/2024

Cập nhật sau

NCD2006
- Nguồn điện: 220V/ 50 Hz
- Công suất: 2000 W
- Sức chứa quần áo khô: ≤30kg
- Hẹn giờ: tối đa 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Khối lượng: 6,5kg
- Kích thước sản phẩm: 900 x 500 x 1700 mm

1.660.000

NEW

NCD2207
- Điện áp sử dụng: 220V/50 Hz
- Công suất: 2200 W
- Sức chứa quần áo khô: ≤ 50 kg
- Hẹn giờ tối đa: 180 phút
- Điều khiển: Nút vặn
- Khối lượng: 7,5 kg
- Kích thước sản phẩm: 1000 x 500 x 1800mm

Dự kiến có hàng 10/2024

Cập nhật sau

BẾP ĐIỆN TỪ - Induction cooker

NICY660
- Công suất: 1800 - 2000 W
- Nguồn điện: 220-240V - 50/60 Hz
- Chất liệu:
  + Mặt kính: Crystal siêu bền
  + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Kích thước sản phẩm: 350 x 280 x 60 mm
- Khối lượng: 2,3 kg

930.000

Ampo.vn

NICS647
- Công suất: 2000 W
- Nguồn điện: 220-240V - 50/60 Hz
- Chất liệu:
  + Mặt kính: Ceramic siêu bền
  + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Kích thước sản phẩm: 350 x 280 x 47 mm
- Khối lượng: 2,6 kg

Dòng bếp mỏng

1.180.000

NICL482 - Bếp điện từ đôi
- Nguồn điện: 220-240V - 50/60 Hz
- Công suất: 2000 W + 2000 W
- Booster 2 vùng lên tới 4400 W
- Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại
- Chất liệu: Mặt kính Crystal siêu bền
- Kích thước sản phẩm: (734 x 433 x 82) mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 x 390 mm
- Khối lượng: 10 kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

Ampo.vn

10.000.000

NICL483 - Bếp điện từ đôi
- Nguồn điện: 220-240V - 50/60 Hz
- Công suất: 2000 W + 2000 W
- Booster 2 vùng lên tới 4400 W
- Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại
- Chất liệu: Mặt kính Crystal siêu bền
- Kích thước sản phẩm: (734 x 433 x 83) mm
- Kích thước lỗ khoét: 675 x 390 mm
- Khối lượng: 9,6 kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện
- Trang bị tính năng chống tràn

Ampo.vn

8.500.000

BẾP HỒNG NGOẠI - Infrared cooker

NEW

NICL665
- Công suất: 2000 W
- Nguồn điện: 220-240 V – 50/60 Hz
- Chất liệu: Mặt kính Crystal nhám siêu bền
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện
- Kích thước sản phẩm: 360 x 280 x 65 mm
- Khối lượng: 2,54 kg

680.000

NEW

NCWY320
- Kích thước: D=26 cm
- Chất liệu: Inox 410
- Khối lượng: 320 gram
- Đáy: cảm ứng từ
- Tay cầm: nhựa PP chịu nhiệt
- Kích thước thùng: 680 x 570 x 285 mm
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

100.000

NỒI, CHẢO - Cookware

NEW

NCWS540
- Gồm: + Nồi D=18 cm và D=24 cm (có nắp)
  + Chảo D=24cm
- Màu sắc: Vàng kem
- Chất liệu: + Thân nồi: hợp kim nhôm cao cấp
  + Phủ lớp đá cẩm thạch chống dính, chịu nhiệt
  + Tay cầm bằng Bakelite với silicon mềm mại
- Khối lượng: 3,5 kg/ bộ

Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.000.000

NEW

NCWS850
- Gồm: + Nồi D=18 cm và D=24 cm (có nắp)
  + Quánh (nồi) D=16 cm - (Có nắp)
  + Chảo D=24 cm - (Có nắp)
- Độ dày đáy: 5 lớp
- Chất liệu: Inox 304 cao cấp
- Đáy: bắt từ
- Khối lượng: 5 kg/ bộ

Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

Dự kiến có hàng 10/2024

Cập nhật sau

NỒI LẨU ĐA NĂNG - Multi Pot

NEW

NMP160W - Trắng
- Công suất: 700W
- Nguồn điện: 220-240V - 50/60 Hz
- Chất liệu: Inox 410, phủ chống dính
- Thể tích: 1.6L
- Kích thước sản phẩm: 360 x 185 x 135 mm
- Kích thước hộp: 400 x 205 x 117 mm
- Khối lượng: 1.35 kg

Dự kiến có hàng 10/2024

Cập nhật sau

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

CÔNG NGHỆ NANOE™

KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)

Bao vây virus và vi khuẩn

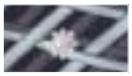

Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn

KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút

Tấn công phân tử mùi

Phân rã và loại bỏ mùi

GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt

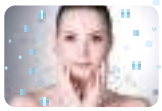

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.

Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.

Tiết kiệm điện 50% (*1)
So sánh với chế độ tự động

TẤM LỌC KHÍ

Tấm lọc khí tích hợp

Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano

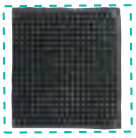

Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.

- SUPER alleru-buster: Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng
- Tinh chất Catechin trong trà xanh: Vô hiệu hóa Virus
- Enzyme kháng khuẩn: Vô hiệu hóa Vi khuẩn

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI

*Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

F-GPT01A-K (Đen)
F-GPT01A-R (Đỏ)

- Lưu lượng gió: 0.07 m^3/phút
- Phạm vi sử dụng: $3m^3$
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3.5W
- Công nghệ lọc: nanoe™X
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1.5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0.4 kg

4.270.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoe™X:
- Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
- Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).

	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXM35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
	15.700.000	13.970.000	13.300.000 Dự kiến có hàng 11/2024	10.500.000	7.360.000 Dự kiến có hàng 01/2025	7.000.000	4.600.000	3.720.000
- Lưu lượng gió (m^3/min) - hi	6.7	7	5.3	5	3.5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m^2)]	52	52	41	36	26	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™	nanoe™	–
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	HEPA	–	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	–	•	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi /Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	Mùi	–
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	•	–
- Đèn báo PM2.5	–	•	•	•	–	–	–	–
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	•	–
- Chế độ Turbor	–	–	–	–	•	•	•	–
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	–	•	–	•	•	•	•
- Chế độ báo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	–	–	–	–	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	–	•	–	–	–	–	–
- Điều khiển bằng remote	–	–	–	–	–	–	–	–
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	3 năm	2 năm	2 năm
[Khử mùi]								
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	1.340.000	890.000	1.210.000
[Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
[Tạo ẩm]	970.000							

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

Thiết bị xử lý không khí Ziaino™	F-JPU70A		
Thông số kỹ thuật	104.000.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m²)	92(**)		
- Chế độ không khí	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m³/phút)	7.0	4.0	2.0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9.6	14.0	22.6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm)/ Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cụm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chỉ báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Dài) (mm)	730 x 510 x 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		

(*) Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%
(**) Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.

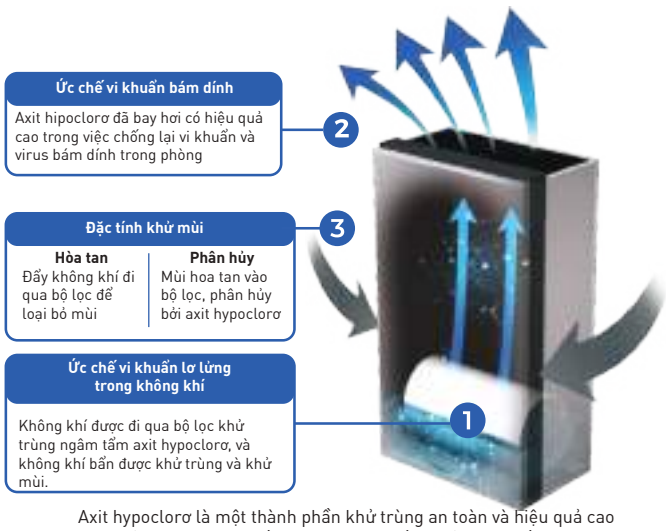

Axit hypoclorơ là một thành phần khử trùng an toàn và hiệu quả cao được sử dụng trong nhiều lĩnh vực, bao gồm khử trùng hồ bơi và bình sữa trẻ em, làm sạch nước máy và rửa rau, v.v.

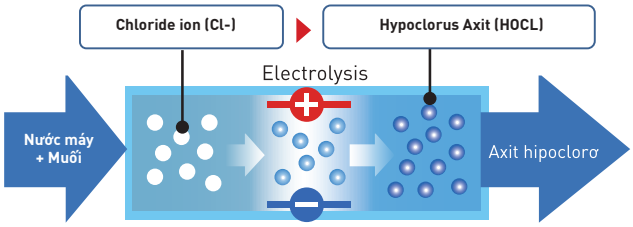

Điện phân nước muối để tạo ra "Axit hipoclorơ" có tác dụng khử trùng mạnh và kiểm soát nó ở nồng độ thích hợp

MÁY HÚT ẨM

***Màng lọc 4 trong 1**
+ Khử mùi: 90%
+ Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
+ Vô hiệu hóa vi rút: 90%
+ Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%

Thông số kỹ thuật		F-YCT10V 8.050.000	F-YCT14V 10.350.000	F-YCT17V 11.300.000
- Phạm vi sử dụng	m²	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2.5	2.5	4.8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Báo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 x 293 x 230	580 x 300 x 215	605 x 360 x 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13.0	11.5	14.0

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ
*Giá bán đã bao gồm VAT

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25°C, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20°C.
Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES

DH-4US1VW

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

4.050.000

DH-4US1VS

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

4.250.000

DH-4UD1VZ

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm2)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

5.660.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES

NEW

DH-3VS1VW

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.220.000

NEW

DH-4VS1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.520.000

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES

DH-4UP1VW

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện .

6.000.000

DH-4UP1VS

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm2)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

6.200.000

DH-4UDP1VZ

VÔ CẤP

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag+ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

7.620.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP – V SERIES

NEW

DH-3VP1VW

- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.210.000

NEW

DH-4VP1VW

- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vặn xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag+ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.430.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Loại 3.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 25ºC, loại 4.5kW phù hợp với nhiệt độ bên ngoài trên 20ºC
Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Dòng tiêu chuẩn

DH-3RL2VH
- Công suất: 3.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn.
- 1 nút vặn xoay để bật tắt.
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.100.000

DH-4RL1VW
- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế nhỏ gọn.
- 1 nút vặn xoay để bật tắt.
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

3.410.000

DH-4MS1VW
- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.1 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.710.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp

DH-4NS3VW VÔ CẤP
- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã.
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC.**
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.900.000

DH-4NS3VS VÔ CẤP
- Công suất: 4.5kW
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng.
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC.**
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

4.100.000

MÁY NƯỚC NÓNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

Dòng tiêu chuẩn

DH-3RP2VK
- Công suất: 3.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bơm bảo hành 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.150.000

DH-4RP1VW
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bơm bảo hành 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.370.000

DH-4MP1VW
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0.05 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.670.000

Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp

DH-4NP1VW VÔ CẤP
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới màu trắng trang nhã.
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC.**
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.800.000

DH-4NP1VS VÔ CẤP
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới màu bạc sang trọng.
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp đạt tiêu chuẩn EMC.**
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Thanh trượt vòi sen cấu tạo bởi crom chắc chắn.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

6.000.000

DH-4NTP1VM VÔ CẤP
- Công suất: 4.5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng.
- **Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen.**
- **Điều chỉnh nhiệt độ vô cấp và đạt tiêu chuẩn EMC.**
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

6.080.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng
BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ
*Giá bán đã bao gồm VAT

MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP

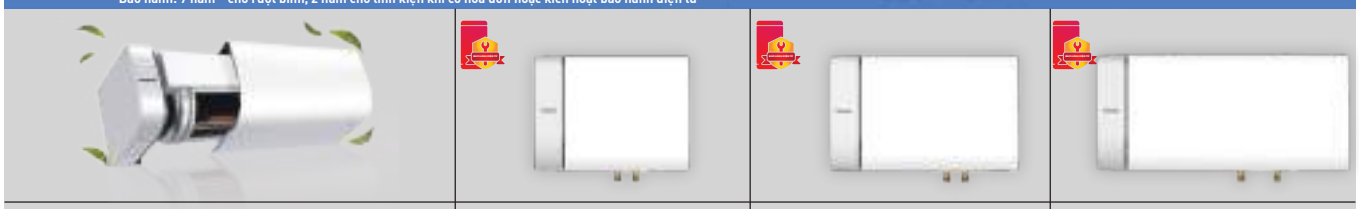

	Mã sản phẩm	DH-15HBMVW	DH-20HBMVW	DH-30HBMVW
		4.420.000	4.620.000	5.140.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30
	Điện vào (V)	220	220	220
	Công suất (kW)	2.5	2.5	2.5
	Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	0.75	0.75	0.75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75
	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30	40	60
Thân máy	Màu	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323x437x310	323x526x310	323x704x310
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật	Thép không gỉ từ Nhật
	Thanh đốt	Đồng	Đồng	Đồng
	Chống nước	•	•	•
	Vật liệu cách điện	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam	Mút Styrofoam
	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng	Đồng	Đồng
An toàn	Tích hợp sẵn ELB chống giật	•	•	•
	Tự động ngắt nhiệt	•	•	•
	Ruột bình bằng thép không gỉ	•	•	•
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4	IPX4	IPX4
	Cấu trúc cách điện	•	•	•
	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•	•	•
Xuất xứ		Malaysia	Malaysia	Malaysia

***Khuyến cáo lắp đặt:** Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

An Toàn - Tiết Kiệm
Bảo Vệ Môi Trường

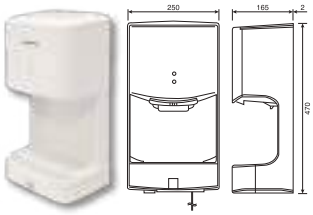

FJ-T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.400.000

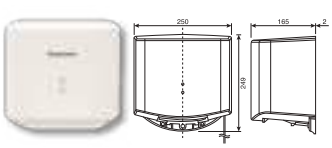

FJ-T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.250.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

MÁY BƠM ĐẨY CAO

GP-129JXK-SV5
(Dây điện 12.5 cm) **1.670.000**
GP-129JXK-NV5
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **1.690.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30 m

GP-200JXK-SV5
(Dây điện 12.5 cm) **2.100.000**
GP-200JXK-NV5
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.120.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m - Độ cao hút đẩy tối đa 30 m
- Mô tơ dây đồng

GP-250JXK-SV5
(Dây điện 20 cm) **3.320.000**
GP-250JXK-NV5
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **3.340.000**
- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m - Độ cao hút đẩy tối đa 38 m
- Mô tơ dây đồng

Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm

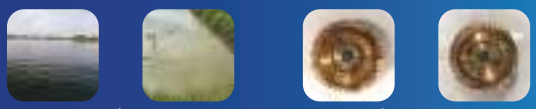

Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.

Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.

MÁY BƠM TĂNG ÁP

A-130JAK
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.350.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m
- Chiều cao đẩy 10 m

A-200JAK
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.710.000**
- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m
- Chiều cao đẩy 10 m
- Mô tơ dây đồng

A-130JACK
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.810.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m
- Chiều cao đẩy 10 m
- Mô tơ dây đồng

A-130JTX
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **4.020.000**
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9 m
- Chiều cao đẩy 9 m
- Mô tơ dây đồng

GA-125FAK
(Dây điện 135cm + phích cắm) **3.110.000**
- Bơm tăng áp mạch điện tử
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút

** Lưu ý khi lắp đặt bơm tăng áp điện tử:*
1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ bồn xuống.
2. Khoảng cách từ bồn chứa đến vòi nước ít nhất là 1m

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN

Technology centrifugal	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều hút sâu (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
GP-10HCN1SVN	740W	10-99	9	34-25	●	5.820.000
GP-15HCN1SVN	1110W	30-145	9	38.7-22	●	7.810.000
GP-20HCN1SVN	1480W	30-154	9	46.2-26	●	9.050.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

MÁY BƠM NƯỚC NÓNG TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ

Mã hàng		Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NSP128-A	NCPS128-A	128	30	34	25	●	●	2.250.000
NSP200-A	NCPS200-A	200	36	34	28	●	●	2.460.000
NSP300-A	NCPS300-A	300	38	34	30	●	●	2.540.000
NSP400-A	NCPS400-A	400	40	34	32	●	●	2.640.000

(Dây điện1.8 m + phích cắm) *** Bơm có cảm biến dòng chảy ** Cổ bầu áp lực bằng kim loại * Bơm chịu được nước nóng

MÁY BƠM NƯỚC ĐẨY CAO

Mã hàng		Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính ống hút/xả (mm)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NSP128	NGP128	128	30	34	8	25	●	●	1.580.000
NSP200	NGP200	200	36	34	8	28	●	●	1.700.000
NSP300	NGP300	300	38	34	8	30	●	●	1.850.000
NSP400	NGP400	400	40	34	8	32	●	●	2.000.000

(Dây điện1.8 m + phích cắm)

MÁY BƠM ĐẦU JET

NJET750
(Dây điện 20 cm)
- Công suất: 750W
- Lưu lượng nước: 50 lít/phút
- Chiều sâu hút: 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa: 40m
- Mô tơ dây đồng 100%
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút: 34 mm
- Đường kính ống xả: 34 mm

2.050.000

MÁY BƠM LY TÂM

NCP750
(Dây điện 20 cm)
- Công suất: 750W
- Lưu lượng nước: 90 lít/phút
- Chiều sâu hút: 8m
- Độ cao hút đẩy tối đa: 28m
- Mô tơ dây đồng 100%
- Bảo vệ quá nhiệt
- Đường kính ống hút: 34 mm
- Đường kính ống xả: 34 mm

2.150.000

MÁY BƠM LƯU LƯỢNG

Mã hàng	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NHF750	750	300	60	10	●	●	1.980.000

(Dây điện 20 cm) Bơm lưu lượng không dùng để đẩy cao

Mã hàng	Công suất (W)	Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
NDK1100	1100	450	60	15	●	●	3.050.000
NDK1500	1500	485	60	17	●	●	3.150.000

(Dây điện 20 cm) Bơm lưu lượng không dùng để đẩy cao

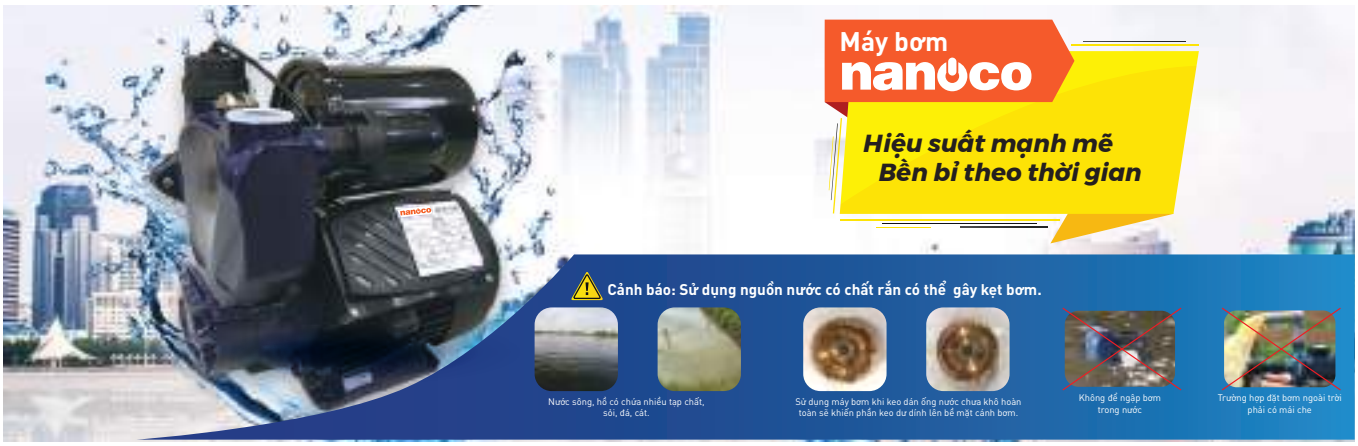

*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN CHIẾU SÁNG

SẢN PHẨM

- ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN - CẢM BIẾN
- ĐÈN DOWNLIGHT - CHỈNH GÓC
- ĐÈN ỐP TRẦN NỔI - CẢM BIẾN - CHỐNG ẨM
- ĐÈN OFFICE PANEL
- ĐÈN BULB - BULB HOA CÚC - BULB TRANG TRÍ
- ĐÈN TUÝP T8 - MÁNG ĐÈN - MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC
- ĐÈN BÁN NGUYỆT
- ĐÈN BÀN - CỐC SẠC USB
- ĐÈN ĐỘI ĐẦU
- ĐÈN BẮT MUỖI - VỢT MUỖI
- ĐÈN SƯỞI

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

nanoco

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Đèn Slim Panel âm trần

Tuổi thọ	Độ hoàn màu	Góc chiếu	Độ bảo vệ
25.000 Giờ	CRI Ra80	120°	IP 20

** Chất liệu thân đèn: Nhôm*
** Thiết kế driver nguồn rời*
** Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí*

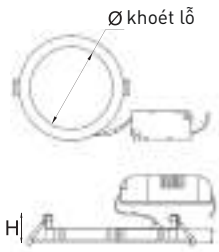

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSD0661	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Φ120/ H22	Φ110	36	130.000
NSD0641		400	Trung tính 4000K				
NSD0631		360	Vàng 3000K				
NSD06C1	6W/ 220V	420-462	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ120/ H22	Φ110	36	150.000
NSD0961	9W/ 220V	630	Trắng 6500K	Φ145/ H22	Φ135	30	165.000
NSD0941		620	Trung tính 4000K				
NSD0931		600	Vàng 3000K				
NSD09C1	9W/ 220V	630-693	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ145/ H22	Φ135	30	215.000
NSD1261	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Φ174/ H22	Φ160	24	191.000
NSD1241		820	Trung tính 4000K				
NSD1231		800	Vàng 3000K				
NSD12C1	12W/ 220V	824-840	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ174/ H22	Φ160	24	252.000
NSD1561	15W/ 220V	1125	Trắng 6500K	Φ200/ H22	Φ190	20	252.000
NSD1541		1125	Trung tính 4000K				
NSD1531		1050	Vàng 3000K				

Đèn Slim Panel âm trần cảm biến

Tuổi thọ	Độ hoàn màu	Góc chiếu	Cảm biến chuyển động	Độ bảo vệ
25.000 Giờ	CRI Ra80	120°		IP 20

** Chất liệu thân đèn: Nhôm*
** Thiết kế driver nguồn rời*
** Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí*
** Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến*
** Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSD093S	9W/ 220V	600	Vàng 3000K	Ø145/ H22	Ø135	30	311.000
NSD123S	12W/ 220V	800	Vàng 3000K	Ø174/ H22	Ø160	24	340.000

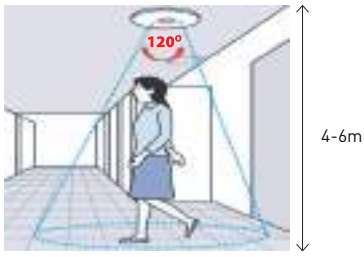

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN HERA SERIES

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí
***** *Sử dụng LED Bridgelux*

Hình ảnh	Màu viền	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
	viền trắng	NSD076W90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	125.000
		NSD074W90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073W90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CW90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	145.000
		NSD096W110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	149.000
		NSD094W110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093W110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CW110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	175.000
		NSD126W135	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	180.000
		NSD124W135		1000	Trung tính 4000K				
		NSD123W135		900	Vàng 3000K				
		NSD12CW135	12W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	201.000
	viền vàng	NSD076G90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074G90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073G90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CG90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096G110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000
		NSD094G110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093G110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CG110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126G135	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000
		NSD124G135		1000	Trung tính 4000K				
		NSD123G135		900	Vàng 3000K				
		NSD12CG135	12W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	211.000
	viền bạc	NSD076S90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000
		NSD074S90		550	Trung tính 4000K				
		NSD073S90		500	Vàng 3000K				
		NSD07CS90	7W/220V	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096S110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000
		NSD094S110		700	Trung tính 4000K				
		NSD093S110		630	Vàng 3000K				
		NSD09CS110	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126S135	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000
		NSD124S135		1000	Trung tính 4000K				
		NSD123S135		900	Vàng 3000K				
		NSD12CS135	12W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	211.000

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN MIRA SERIES

Ampo.vn NPM09C

Ampo.vn NPM126

* Chất liệu: Nhôm nhựa
* Thiết kế driver nguồn rời
***** *Sử dụng LED Bridgelux*

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

NEW

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPM096	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	135.000
NPM094		700	Trung tính 4000K				
NPM093		630	Vàng 3000K				
NPM09C	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	154.000
NPM126	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	160.000
NPM124		1000	Trung tính 4000K				
NPM123		900	Vàng 3000K				
NPM12C	12W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	181.000

ĐÈN DOWNLIGHT 3S SERIES

* Chất liệu thân đèn: Nhôm
* Thiết kế driver nguồn rời
* Thiết kế đa dạng mẫu với 3 màu viền đèn trắng - vàng - bạc
***** *Sử dụng LED Seoul Semiconductor*
***** *Độ sáng cao: 95Lm/W*

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

Mã sản phẩm: Viền trắng	Mã sản phẩm: Viền vàng	Mã sản phẩm: Viền bạc	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NDL096W90	NDL096G90	NDL096S90	9W/ 220V	855	Trắng 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	174.000
NDL094W90	NDL094G90	NDL094S90		855	Trung tính 4000K				
NDL093W90	NDL093G90	NDL093S90		810	Vàng 3000K				
NDL09CW90	NDL09CG90	NDL09CS90	9W/220V	810-855	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	205.000
NDL126W110	NDL126G110	NDL126S110	12W/ 220V	1140	Trắng 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	200.000
NDL124W110	NDL124G110	NDL124S110		1140	Trung tính 4000K				
NDL123W110	NDL123G110	NDL123S110		1080	Vàng 3000K				
NDL12CW110	NDL12CG110	NDL12CS110	12W/220V	1080-1140	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	235.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES

Tuổi thọ: 15.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver tích hợp
**** Độ sáng cao: 80lm/W***

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES	NED076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	113.000
	NED074		630	Trung tính 4000K				
	NED073		595	Vàng 3000K				
	NED07C	7W/220V	595-930	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	133.000
	NED096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	130.000
	NED094		810	Trung tính 4000K				
	NED093		765	Vàng 3000K				
	NED09C	9W/220V	765-810	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	146.000
	NED126	12W/ 220V	980	Trắng 6500K	Ø140/H45	Ø120	40	150.000
	NED124		980	Trung tính 4000K				
	NED123		910	Vàng 3000K				
	NED12C	12W/220V	910-980	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø140/H45	Ø120	40	174.000
	NED1261	12W/ 220V	1080	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	150.000
	NED1241		1080	Trung tính 4000K				
	NED1231		1020	Vàng 3000K				
	NED12C1	12W/220V	1020-1080	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	174.000
	NED156	15W/ 220V	1350	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	191.000
	NED154		1350	Trung tính 4000K				
	NED153		1275	Vàng 3000K				
	NED186	18W/ 220V	1620	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	208.000
	NED184		1620	Trung tính 4000K				
	NED183		1530	Vàng 3000K				
	NED246	24W/ 220V	2160	Trắng 6500K	Ø220/H45	Ø195	40	281.000
	NED244		2160	Trung tính 4000K				
	NED243		2040	Vàng 3000K				

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Cảm biến chuyển động | Độ bảo vệ: IP 20

* Chất liệu: Thân đèn nhựa PP
* Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn
**** Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 4-6m, độ cao trần 3-4m***
**** Đèn tự động tắt sau 60 giây khi kết thúc chuyển động***

NEW

	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES CẢM BIẾN	NED096S	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	195.000
	NED093S		655	Vàng 3000K				
	NED126S	12W/ 220V	1000	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	240.000
	NED123S		936	Vàng 3000K				

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 38° | Điều chỉnh góc xoay: 20°

*Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, thấy kính nhựa PC trong suốt
*Điều chỉnh được góc xoay tối đa 20 độ, tùy theo mục đích sử dụng trong nhà, thích hợp chiếu điểm trưng bày sản phẩm, tranh tường.

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NADL076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	144.000
NADL074			Trung tính 4000K				
NADL073			Vàng 3000K				

ĐÈN DOWNLIGHT

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 90° | Độ bảo vệ: IP 20

* Chất liệu: thân đèn nhựa PC
* Thiết kế driver nguồn tích hợp
* Độ sáng cao 95 lm/W

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NDL0569	5W/ 220V	460	Trắng 6500K	Ø110/H58.6	Ø90	40	171.000
NDL0549		460	Trung tính 4000K				
NDL0539		430	Vàng 3000K				
NDL05C	5W/ 220V	430 - 460	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58.6	Ø90	40	224.000
NDL086	8W/ 220V	780	Trắng 6500K	Ø110/H58.6	Ø90	40	179.000
NDL084		780	Trung tính 4000K				
NDL083		730	Vàng 3000K				
NDL08C	8W/ 220V	730 - 780	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58.6	Ø90	40	238.000
NDL126	12W/ 220V	1200	Trắng 6500K	Ø145/H65.8	Ø120	40	252.000
NDL124		1200	Trung tính 4000K				
NDL123		1120	Vàng 3000K				
NDL12C	12W/ 220V	1120 - 1200	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65.8	Ø120	40	333.000
NDL146	14W/ 220V	1400	Trắng 6500K	Ø145/H65.8	Ø120	40	265.000
NDL144		1400	Trung tính 4000K				
NDL143		1300	Vàng 3000K				
NDL14C	14W/ 220V	1300 - 1400	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65.8	Ø120	40	363.000

ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 44

*Chất liệu: Đế hợp kim + chụp đèn nhựa kỹ thuật PMMA

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m^2)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP1 (NEW)	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	371.000
NCL184MP1		1440	Trung tính 4000K				
NCL183MP1		1400	Vàng 3000K				
NCL18CMP1	18W/220V	1440	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	408.000
NCL246MP1	24W/220V	1920	Trắng 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	416.000
NCL244MP1		1920	Trung tính 4000K				
NCL243MP1		1870	Vàng 3000K				
NCL24CMP1	24W/220V	1920	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	478.000

*Chất liệu: thân đèn nhựa PC, chụp đèn nhựa acrylic màu trắng sữa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m^2)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ285/ H60	8-12	6	371.000
NCL184MP		1440	Trung tính 4000K				
NCL183MP		1400	Vàng 3000K				
NCL246MP	24W/220V	1920	Trắng 6500K	Φ335/ H60	10-15	6	416.000
NCL244MP		1920	Trung tính 4000K				
NCL243MP		1870	Vàng 3000K				

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

3000K

4000K

6500K

ĐÈN PANEL ỐP NỔI TRÀN VIỀN - NANCY SERIES

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 54

** Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa*

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn

Dự kiến có hàng Tháng 11/2024

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NRP1561R	15W/220V	1350	Trắng 6500K	Φ170/H36	20	220.000
NRP1541R		1350	Trung tính 4000K			
NRP1531R		1350	Vàng 3000K			
NRP151CR	15W/220V	1350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ170/H36	20	250.000
NRP2261R	22W/ 220V	1980	Trắng 6500K	Φ220/H36	20	290.000
NRP2241R		1980	Trung tính 4000K			
NRP2231R		1980	Vàng 3000K			
NRP22C1R	22W/ 220V	1980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ220/H36	20	324.000
NRP3061R	30W/220V	2700	Trắng 6500K	Φ300/H36	10	405.000
NRP3041R		2700	Trung tính 4000K			
NRP3031R		2700	Vàng 3000K			
NRP30C1R	30W/220V	2700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ300/H36	10	472.000

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn

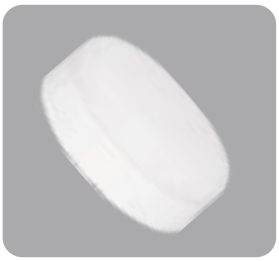

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NRP126R	12W/220V	1020	Trắng 6500K	Φ123/ H42	40	198.000
NRP124R		1020	Trung tính 4000K			
NRP123R		960	Vàng 3000K			
NRP186R	18W/220V	1530	Trắng 6500K	Φ176/ H43	20	266.000
NRP184R		1530	Trung tính 4000K			
NRP183R		1440	Vàng 3000K			
NRP246R	24W/220V	2040	Trắng 6500K	Φ228/ H43	20	367.000
NRP244R		2040	Trung tính 4000K			
NRP243R		1920	Vàng 3000K			

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI VIỀN MỎNG

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*

Đèn Panel ốp trần nổi loại tròn

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSFP126R	12W/220V	1020	Trắng 6500K	Φ120/ H39.5	40	240.000
NSFP124R		1020	Trung tính 4000K			
NSFP123R		960	Vàng 3000K			
NSFP186R	18W/220V	1530	Trắng 6500K	Φ174.5/ H39.5	20	346.000
NSFP184R		1530	Trung tính 4000K			
NSFP183R		1440	Vàng 3000K			
NSFP246R	24W/220V	2040	Trắng 6500K	Φ224/ H39.5	20	526.000
NSFP244R		2040	Trung tính 4000K			
NSFP243R		1920	Vàng 3000K			

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa

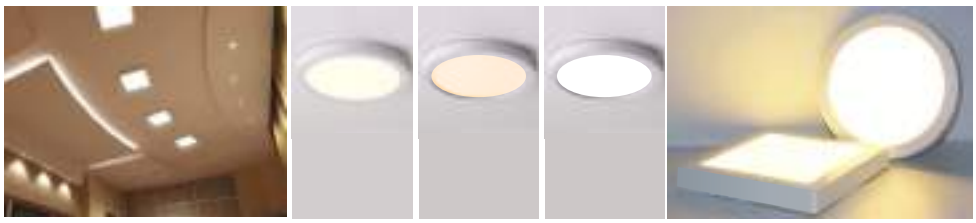

Hình ảnh	Mã sản phẩm: Viền trắng	Mã sản phẩm: Viền đen	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
Tròn	NPL066R	NPL066RB	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Ø118/H30	40	158.000
	NPL064R	NPL064RB		400	Trung tính 4000K			
	NPL063R	NPL063RB		360	Vàng 3000K			
	NPL06CRW	NPL06CRB	6W/220V	360-420	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H30	40	174.000
	NPL126R	NPL126RB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Ø164/H30	20	222.000
	NPL124R	NPL124RB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123R	NPL123RB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CRW	NPL12CRB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø164/H30	20	252.000
	NPL186R	NPL186RB	18W/ 220V	1300	Trắng 6500K	Ø214/H30	20	275.000
	NPL184R	NPL184RB		1250	Trung tính 4000K			
	NPL183R	NPL183RB		1170	Vàng 3000K			
	NPL18CRW	NPL18CRB	18W/220V	1170-1300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø214/H30	20	324.000
	NPL246R	NPL246RB	24W/ 220V	1700	Trắng 6500K	Ø288/H32	10	407.000
	NPL244R	NPL244RB		1550	Trung tính 4000K			
	NPL243R	NPL243RB		1500	Vàng 3000K			
	NPL24CRW	NPL24CRB	24W/220V	1500-1700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø288/H32	10	484.000
Vuông	NPL126S	NPL126SB	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	162x162x30	20	235.000
	NPL124S	NPL124SB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123S	NPL123SB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CSW	NPL12CSB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	162x162x30	20	264.000
	NPL186S	NPL186SB	18W/ 220V	1300	Trắng 6500K	213x213x30	20	305.000
	NPL184S	NPL184SB		1250	Trung tính 4000K			
	NPL183S	NPL183SB		1170	Vàng 3000K			
	NPL18CSW	NPL18CSB	18W/220V	1170-1300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	213x213x30	20	341.000
	NPL246S	NPL246SB	24W/ 220V	1700	Trắng 6500K	288x288x32	10	445.000
	NPL244S	NPL244SB		1550	Trung tính 4000K			
	NPL243S	NPL243SB		1500	Vàng 3000K			
	NPL24CSW	NPL24CSB	24W/220V	1500-1700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	288x288x32	10	514.000

ĐÈN ỐP TRẦN NỔI CẢM BIẾN

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ bảo vệ: IP 20 | Góc chiếu: 120° | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Cảm biến chuyển động

* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
* Thiết kế dạng lắp nổi tiện sử dụng, thích hợp cho khu vực không đóng trần thạch cao
* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến
* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động

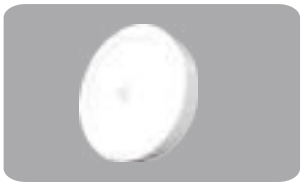

Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại tròn

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPL126RS	12W/220V	840	Trắng 6500K	Ø 171/ H38	20	419.000
NPL186RS	18W/220V	1300		Ø 224/ H38	20	495.000
NPL246RS	24W/220V	1700		Ø 300/ H38	10	662.000

Đèn Panel ốp nổi cảm biến loại vuông

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPL126SS	12W/220V	840	Trắng 6500K	170x170x38	20	437.000
NPL186SS	18W/220V	1300		225x225x38	20	515.000
NPL246SS	24W/220V	1700		300x300x38	10	692.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL - MARIS SERIES

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, do đó có **hiệu suất chiếu sáng cao 100lm/W**

* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần

Dự kiến có hàng Tháng 11/2024

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPLB303061	18W/ 220V	1800	Trắng 6500K	300x300x30	10	449.000
NPLB303041			Trung tính 4000K			
NPLB306061	24W/220V	2400	Trắng 6500K	300x600x30	5	490.000
NPLB306041			Trung tính 4000K			
NPLB606061	40W/220V	4000	Trắng 6500K	600x600x30	5	700.000
NPLB606041			Trung tính 4000K			
NPLB301261	40W/220V	4000	Trắng 6500K	300x1200x30	5	835.000
NPLB301241			Trung tính 4000K			
NPLB601261	60W/220V	6000	Trắng 6500K	600x1200x30	5	1.460.000
NPLB601241			Trung tính 4000K			

Phụ kiện cho Đèn Backlit Office Panel - Maris series

NPLB1-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000

NPLB1-H4
Bộ 2 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1.5m
66.000

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, do đó có **hiệu suất chiếu sáng cao 95lm/W**

* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPLB30306	18W/220V	1700	Trắng 6500K	295x295x30	10	530.000
NPLB30304			Trung tính 4000K			
NPLB60606	40W/220V	4000	Trắng 6500K	595x595x30	5	701.000
NPLB60604			Trung tính 4000K			
NPLB30126	40W/220V	4000	Trắng 6500K	295x1195x30	5	970.000
NPLB30124			Trung tính 4000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel

NPLB-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000

NPLB-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m
66.000

ĐÈN SIDELIT OFFICE PANEL

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 20

*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao
* LED được bố trí theo viền khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm dẫn quang, tấm phản quang, tấm tán quang. Do đó phân bổ ánh sáng đều dịu nhẹ, không quá chói.
* Thiết kế dạng tấm siêu mỏng, hiện đại thích hợp sử dụng lắp đặt cho văn phòng...
* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NPL30306	18W/220V	1600	Trắng 6500K	295x295x8.8	10	641.000
NPL30304		1600	Trung tính 4000K			
NPL30303		1520	Vàng 3000K			
NPL30606	24W/220V	2100	Trắng 6500K	595x295x8.8	5	788.000
NPL30604		2100	Trung tính 4000K			
NPL30603		1995	Vàng 3000K			
NPL60606	40W/220V	3600	Trắng 6500K	595x595x8.8	5	956.000
NPL60604		3600	Trung tính 4000K			
NPL60603		3420	Vàng 3000K			
NPL30126	40W/220V	3600	Trắng 6500K	1195x295x9.4	5	1.110.000
NPL30124		3600	Trung tính 4000K			
NPL30123		3420	Vàng 3000K			
NPL60126	60W/220V	5400	Trắng 6500K	1195x595x9.4	4	2.663.000
NPL60124		5400	Trung tính 4000K			
NPL60123		5130	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho đèn Sidelit Office Panel

NPL-R4
Bộ 4 tai đèn gắn âm trần
41.000

NPL-H4
Bộ 4 dây đèn gắn treo trần
Chiều dài dây treo 1m
66.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

BÓNG ĐÈN BULB TRỤ E27

Tuổi thọ	Độ hoàn màu	Góc chiếu	Độ bảo vệ
15.000 Giờ	CRI Ra80	180°	IP 20

Tiết kiệm Năng lượng

** Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)*

BÓNG BULB TRỤ E27 TITAN SERIES - IP 20

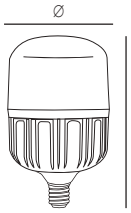

** Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa*
** Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu*
**** Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor***

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLBT206	20W/220V	2000	Trắng 6500K	Φ80/ H140	40	113.000
NLBT203		1800	Vàng 3000K			
NLBT306	30W/220V	3000	Trắng 6500K	Φ100 /H172	12	155.000
NLBT303		2700	Vàng 3000K			
NLBT406	40W/220V	4000	Trắng 6500K	Φ120/ H205	12	211.000
NLBT403		3600	Vàng 3000K			
NLBT506	50W/220V	5000	Trắng 6500K	Φ140/ H242	12	288.000
NLBT503		4500	Vàng 3000K			

BÓNG BULB TRỤ E27 LOTUS SERIES - IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa*
** Độ sáng cao 80lm/W*

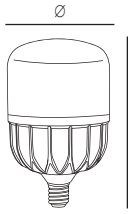

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLB206	20W/220V	1600	Trắng 6500K	Φ70/ H123	60	110.000
NLB204		1600	Trung tính 4000K			
NLB203		1520	Vàng 3000K			
NLB306	30W/220V	2400	Trắng 6500K	Φ80/ H141	40	148.000
NLB303		2280	Vàng 3000K			
NLB406	40W/220V	3200	Trắng 6500K	Φ100/ H168	12	205.000
NLB404		3200	Trung tính 4000K			
NLB403		3050	Vàng 3000K			
NLB506	50W/220V	4000	Trắng 6500K	Φ118/ H194	12	283.000
NLB504		4000	Trung tính 4000K			
NLB503		3800	Vàng 3000K			
NLB604	60W/220V	4800	Trung tính 4000K	Φ138/ H222	6	354.000
NLB603		4560	Vàng 3000K			

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

BÓNG ĐÈN BULB TRÒN E27

Tuổi thọ: 15.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 200° | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa*
** Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng đui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng*

** Độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu*
**** Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor***

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLBA036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	42.000
NLBA033		285	Vàng 3000K			
NLBA056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55/ H100	60	47.000
NLBA053		475	Vàng 3000K			
NLBA076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H108	60	56.000
NLBA073		665	Vàng 3000K			
NLBA096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	65.000
NLBA093		855	Vàng 3000K			
NLBA126	12W/220V	1200	Trắng 6500K	Φ70/ H138	60	74.000
NLBA123		1140	Vàng 3000K			
NLBA156	15W/220V	1500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	40	93.000
NLBA153		1425	Vàng 3000K			
NLBA206	20W/220V	2000	Trắng 6500K	Φ95/ H187	12	132.000
NLBA203		1900	Vàng 3000K			
NLBA306	30W/220V	3000	Trắng 6500K	Φ120/ H232	12	181.000
NLBA303		2850	Vàng 3000K			

** Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)*

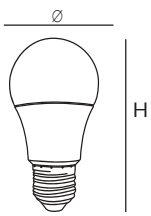

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLB036	3W/220V	250	Trắng 6500K	Φ50/ H88	60	39.000
NLB033		235	Vàng 3000K			
NLB053	5W/220V	425	Vàng 3000K	Φ55/ H101	60	45.000
NLB076	7W/220V	600	Trắng 6500K	Φ60/ H113	60	49.000
NLB073		570	Vàng 3000K			
NLB096	9W/220V	806	Trắng 6500K	Φ60/ H113	60	59.000
NLB093		765	Vàng 3000K			
NLB113	11W/220V	1000	Vàng 3000K	Φ60/ H116	60	66.000
NLB143	14W/220V	1450	Vàng 3000K	Φ70/ H133	60	89.000

BÓNG ĐÈN BULB NÔNG NGHIỆP HOA CÚC

Tuổi thọ: 15.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 120° | Độ bảo vệ: IP 54

** Chất liệu thân đèn nhôm nhựa, chóa nhựa trong, dùng đui đèn E27*
** Sử dụng công nghệ chiếu sáng nhân tạo bằng đèn Led chuyên dụng giúp tiết kiệm điện và điều tiết sinh trưởng của hoa cúc*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLBC093	09W/220V	900	Vàng 3000K	Φ60/ H108	60	68.000

BÓNG ĐÈN BULB TRANG TRÍ E27

Tuổi thọ: 10.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa*
** Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng đui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLB02W	1.5W/220V	Trắng	Φ45/ H68	100	22.000
NLB02Y		Vàng			
NLB02O		Cam			
NLB02R		Đỏ			
NLB02B		Xanh dương			
NLB02G		Xanh lục			
NLB02P		Hồng			
NLB02V		Tím			

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN TUÝP T8

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 180° | Độ bảo vệ: IP 20

** Bóng đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)*

BÓNG ĐÈN TUÝP T8 THỦY TINH

** Chất liệu: Thân đèn thủy tinh*
** Độ sáng cao (115-120lm/W)*
** Thiết kế dạng bóng tuýp truyền thống tiện sử dụng và thay thế*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NT8T106	10W/220V	1200	Trắng 6500K	Dài 0.6m	25	79.000
NT8T103		1150	Vàng 3000K			
NT8T206	20W/220V	2400	Trắng 6500K	Dài 1.2m	25	107.000
NT8T203		2250	Vàng 3000K			
NT8T406 (NEW)	40W/220V Dự kiến có hàng tháng 11/2024	2400	Trắng 6500K	Dài 1.2m	25	125.000
NT8T403 (NEW)		2250	Vàng 3000K			

BÓNG ĐÈN TUÝP T8 THỦY TINH BỌC NHỰA

** Chất liệu: thân đèn thủy tinh có bọc nhựa PET giúp bóng đèn bền và an toàn hơn*
** Thiết kế dạng bóng tuýp truyền thống tiện sử dụng và thay thế*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NT8T0961	9W/220V	900	Trắng 6500K	Dài 0.6m	25	81.000
NT8T0931		860	Vàng 3000K			
NT8T1861	18W/220V	1800	Trắng 6500K	Dài 1.2m	25	114.000
NT8T1831		1750	Vàng 3000K			
NT8T226	22W/220V	2200	Trắng 6500K	Dài 1.2m	25	132.000
NT8T223		2010	Vàng 3000K			

MÁNG ĐÈN TUÝP T8

** Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0.3mm, sơn tĩnh điện trắng*
** Đầu đèn nhựa xanh trong ABS (máng đơn), nhựa trắng PC (máng đôi), pát đỡ đui đèn gập (máng đơn) tiện sử dụng*
** Thiết kế thích hợp sử dụng bóng đèn LED tuýp T8 truyền thống dễ lắp đặt và thay thế*

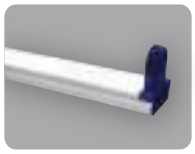

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NT8F106	220V	G13	35x618x18	1 bóng T8 0.6m	25	45.000
NT8F112	220V	G13	35x1228x18	1 bóng T8 1.2m	25	53.000
NT8F212	220V	G13	40x1228x23	2 bóng T8 1.2m	25	91.000

** Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0.3mm, sơn tĩnh điện trắng*
** Đầu đèn nhựa trắng PC, pát đỡ đui đèn nhựa ABS xanh trong*
** Thiết kế thích hợp sử dụng bóng đèn LED tuýp T8 truyền thống dễ lắp đặt và thay thế*

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NT8F109N	220V	G13	43.5x620x18.5	1 bóng T8 0.6m	25	73.000
NT8F118N	220V	G13	43.5x1230x18.5	1 bóng T8 1.2m	25	95.000
NT8F218N	220V	G13	43.5x1230x18.5	2 bóng T8 1.2m	25	114.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC

Góc chiếu: 180° | Độ bảo vệ: IP IK 65 08

** Chất liệu: thân nhựa PC màu xám, chóa nhựa trong*
** Độ chống nước cao IP65 thích hợp sử dụng nơi có độ ẩm cao*
** Nhiệt độ sử dụng thích hợp từ -20 đến 40°C*
** Sử dụng với bóng LED tuýp T8*
** Sản phẩm không kèm bóng*

Máng loại 1 bóng

Máng loại 2 bóng

Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NWP106	220V	660 x 70 x 75	1 bóng T8 0.6m	18	268.000
NWP112		1270 x 70 x 75	1 bóng T8 1.2m	12	453.000
NWP212		1270 x 110 x 72	2 bóng T8 1.2m	8	608.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

BỘ MÁNG ĐÈN T8

Tuổi thọ: 15.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 180° | Độ bảo vệ: IP 20

Tiết kiệm Năng lượng

** Bóng đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)*

BỘ MÁNG ĐÈN T8 THỦY TINH

** Chất liệu: thân máng đèn kim loại dày 0.3mm, đầu máng loại gập tiện dụng, bóng đèn thủy tinh phủ sơn bột trắng*
** Độ sáng cao: 115-120Lm/W*
** Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán/cái
NT8F1106	10W/220V	1200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8T106	15	125.000
NT8F1103		1150	Vàng 3000K		NT8F106 + NT8T103		
NT8F1206	20W/220V	2400	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T206	15	163.000
NT8F1203		2250	Vàng 3000K		NT8F112 + NT8T203		

BỘ MÁNG ĐÈN T8 THỦY TINH BỌC NHỰA

** Chất liệu: thân máng đèn kim loại dày 0.3mm, bóng đèn thủy tinh có bọc nhựa PET giúp bóng đèn bền và an toàn*
** Độ sáng cao: 95-100Lm/W*
** Thiết kế truyền thống dễ dàng lắp đặt và thay thế*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán/cái
NT8F109N6	9W/220V	900	Trắng 6500K	43.5 x 620 x 18.5	NT8F109N + NT8T0961	15	147.000
NT8F109N3		860	Vàng 3000K		NT8F109N + NT8T0931		
NT8F118N6	18W/220V	1800	Trắng 6500K	43.5 x 1230 x 18.5	NT8F118N + NT8T1861	15	206.000
NT8F118N3		1750	Vàng 3000K		NT8F118N + NT8T1831		

ĐÈN BÁN NGUYỆT

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 160° | Độ bảo vệ: IP 20

Ampo.vn

NSHE406

** Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối* — **** Sử dụng LED Seoul Semiconductor***

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHE206	20W/220V	2000	Trắng 6500K	600 x 60 x 28	10	160.000
NSHE204			Trung tính 4000K			
NSHE203			Vàng 3000K			
NSHE406	40W/220V	4000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28		230.000
NSHE404			Trung tính 4000K			
NSHE403			Vàng 3000K			

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 160° | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC*
** Ứng dụng nhiều trong chiếu sáng gia đình, phòng khách, trường học, nhà xưởng, bệnh viện, ngoài ra với thiết kế sang trọng, hiện đại đèn cũng được ưa chuộng trong trang trí như chiếu sáng showroom, khách sạn, văn phòng làm việc,...*

** Sản xuất tại Việt Nam*
**** Sử dụng LED Bridgelux***

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHV186	18W/220V	1800	Trắng 6500K	600 x 75 x 30	10	199.000
NSHV184		1800	Trung tính 4000K			
NSHV183		1710	Vàng 3000K			
NSHV366	36W/220V	3600	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	320.000
NSHV364		3600	Trung tính 4000K			
NSHV363		3420	Vàng 3000K			
NSHV456 (NEW)	45W/220V	4500	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	340.000
NSHV454 (NEW)		4500	Trung tính 4000K			
NSHV453 (NEW)		4275	Vàng 3000K			

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 160° | Độ bảo vệ: IP 20

Ampo.vn

NSHO606

** Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHO206	20W/220V	2000	Trắng 6500K	600 x 61 x 31	10	202.000
NSHO204		2000	Trung tính 4000K			
NSHO203		1820	Vàng 3000K			
NSHO406	40W/220V	4000	Trắng 6500K	1200 x 61 x 31	10	328.000
NSHO404		4000	Trung tính 4000K			
NSHO403		3630	Vàng 3000K			
NSHO606	60W/220V	6600	Trắng 6500K	1200 x 86 x 30	10	410.000
NSHO604		6600	Trung tính 4000K			
NSHO603		6000	Vàng 3000K			

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 160° | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSH186	18W/220V	1600	Trắng 6500K	600 x 75 x 27	10	249.000
NSH184			Trung tính 4000K			
NSH183			Vàng 3000K			
NSH366	36W/220V	3000	Trắng 6500K	1200 x 75 x 27		425.000
NSH364			Trung tính 4000K			
NSH363			Vàng 3000K			

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN BÀN

* Khi mua tặng kèm 1 bóng bulb 5W sử dụng đui đèn E27

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

NDKC01P - Đèn bàn thỏ hồng
NDKC01BE - Đèn bàn thỏ xanh dương

- Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, đui đèn sứ
- Kích thước: 125 x 145 x 410 mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

235.000

NDKC03WG - Đèn bàn xanh lá
NDKC03WGY - Đèn bàn xám
NDKC03WP - Đèn bàn hồng

- Chóa đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh góc chiếu
- Chất liệu: Thân và chóa đèn kim loại, đế gỗ
- Kích thước: 165 x 165 x 400mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

395.000

NDKC02W - Đèn bàn trắng
NDKC02B - Đèn bàn đen

- Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, đui đèn sứ
- Kích thước: 125 x 142 x 378mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

217.000

NDKC04IB - Đèn bàn vàng đen

- Thiết kế cổ điển sang trọng
- Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu ở 2 vị trí khóa vặn
- Chất liệu: Hợp kim cao cấp
- Kích thước: 178 x 178 x 420mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

610.000

ĐÈN BÀN LED - NESSA SERIES

NEW | Tuổi thọ 50.000 Giờ | Độ hoàn màu CRI Ra80 | Cảm ứng 1 chạm | Chống ánh sáng xanh

NDKR908 - Trắng

- Công suất: 8W
- Quang thông: 490lm - Độ rọi: 1800lux
- Màu ánh sáng: 2700K - 4000K - 6500K
- Điều chỉnh độ sáng, nhiệt độ màu 3 cấp, đèn ngủ vô cấp
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước: 149x150x311 mm
- Kèm adapter: Đầu vào DC24V, đầu ra 100-240V
- Điều chỉnh độ sáng và
- Đóng gói: 12 cái/ thùng

865.000

NDKR478 - Trắng

- Công suất: 8W
- Quang thông: 400lm - Độ rọi: 1600lux
- Màu ánh sáng: 2700K - 4000K - 6500K
- Điều chỉnh độ sáng 6 cấp, nhiệt độ màu 5 cấp
- Tích hợp đồng hồ điện tử (thời gian, ngày, nhiệt độ, báo thức)
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước: 340x160x384 mm
- Kèm adapter: Đầu vào DC24V, đầu ra 100-240V
- Kèm pin R2032 dùng cho mặt đồng hồ
- Đóng gói: 8 cái/ thùng

1.130.000

NDKC618 - Trắng

- Công suất: 8W
- Quang thông: 480lm - Độ rọi: 1200lux
- Màu ánh sáng: 2700K - 4000K - 6500K
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Kích thước: 375x170x405 mm
- Điện áp: đầu vào DC5V, đầu ra 100-240V
- Không kèm adapter (đầu ra cáp sạc USB, dùng với adapter 5V 2A)
- Điều chỉnh độ sáng 6 cấp và nhiệt độ màu 3 cấp
- Tích hợp pin lithium dùng khi mất điện: thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng ở chế độ full sáng là 2h30
- Tích hợp đèn ngủ
- Đóng gói: 12 cái/thùng

1.030.000

NDKC668 - Trắng bạc

- Công suất: 8W
- Quang thông: 560lm - Độ rọi: 1155lux
- Màu ánh sáng: 2700K - 4000K - 6500K
- Chất liệu: Thân đèn nhôm, đế đèn nhựa ABS
- Kích thước: 445x130x394 mm
- Kèm adapter: Đầu vào DC24V, đầu ra 100-240V
- Cảm ứng một chạm, điều chỉnh độ sáng 3 cấp và nhiệt độ màu 3 cấp
- Đóng gói: 8 cái/ thùng

1.130.000

ĐÈN BÀN LED

Tuổi thọ 25.000 Giờ | Độ hoàn màu CRI Ra80

NDK10WC - Đèn bàn LED

- Công suất/ Điện thế sử dụng: 10W/Cốc sạc DC 5V 2A
- Pin Lithium 18650 3.7V, dung lượng 1500mAh
- Quang thông: 400lm
- Tùy chỉnh nhiệt độ màu 3500K - 4000K - 4500K
- Trọng lượng: 0.709kg
- Kích thước: 130 x 150 x 350mm
- Đóng gói: 6 cái/ thùng

** Chất liệu: Nhựa ABS trắng*
** Cần đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu*
** Độ rọi trên bàn 1300lux đảm bảo độ sáng học tập và làm việc*
** Điều chỉnh cường độ sáng vô cấp bằng phím cảm ứng một chạm*
** Thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 1,5h khi mất điện*
** Tính năng hẹn giờ tắt 30 phút*
** Tích hợp khay đựng bút và giá đỡ điện thoại tiện dụng*
** Kèm dây cáp USB*

507.000

CỐC SẠC USB

NUC5V2A

- Công suất: Max 10.5W
- Đầu vào: 100-240V, 50-60Hz,0.22A
- Đầu ra: 5V-2.1A
- Chất liệu: nhựa ABS màu trắng
- Trọng lượng: 0.2kg
- Kích thước: 35 x 45 x 23mm
- Đóng gói: 1 cái/vỉ, 30 cái/ thùng

** Đầu USB type A*
** Loại chân cắm dẹp*

99.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ĐỘI ĐẦU

* Chất liệu: Nhựa ABS
* Thời gian hoạt động 4h
* Pin Lithium 1200mAh
* Thời gian sạc 8h

* Nam châm hút giữ đèn

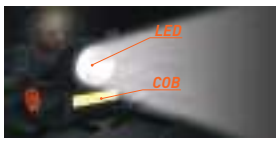

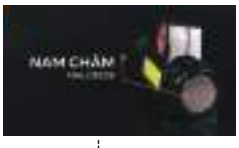

IP 44

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Rộng x Cao (mm)	Chế độ	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NHL0361B	3.5W/ Cốc sạc DC 5V 2A	260	Trắng	84 x 30 x 68	LED - FLASH - COB- OFF	30	117.000
NHL0362B		300	Trắng	84 x 30 x 45	LED - COB- OFF nhấn giữ điều chỉnh độ sáng		

ĐÈN BẮT MUỖI

NML06B

NML18B

Tuổi thọ: 5.000 Giờ

Chỉ số bảo vệ: IP 20

* Chất liệu: Nhựa ABS
* Chiều dài dây 1,2m
* Tặng kèm 1 cây cọ vệ sinh
* Khay đựng xác côn trùng dễ dàng tháo lắp, vệ sinh
* Thu hút muỗi bằng bước sóng ánh sáng 365nm, từ nhiều hướng 360°
* Tiêu diệt nhanh muỗi và các loại côn trùng nhờ lưới điện mạnh mẽ
* Nên đặt đèn ở nơi tối, độ cao từ 1m đến 2m, xuất hiện nhiều muỗi để đạt hiệu suất cao nhất

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Lưới điện (V)	Diện tích sử dụng (m²)	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NML06B	06W/220V	800-1000V	16	138 x 292	0.6	6	391.000
NML18B	18W/220V	3500-4000V	65	218 x 380	0.9	6	845.000

DIỆT MUỖI/ CÔN TRÙNG

LƯỚI ĐIỆN CỰC MẠNH

NHỰA ABS CAO CẤP

VỢT MUỖI

An toàn, tiện lợi, luôn bảo vệ gia đình bạn

NMR103BE - THÔNG MINH 2 IN 1

- Màu: Kem
- Pin Lithium có độ bền cao 18650h
- 6 đèn thu hút muỗi ánh sáng tím
- Sạc nhanh 2 - 4 tiếng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Cổng sạc Type C và dây sạc
- Không bao gồm củ sạc
- Đế cắm di động và móc treo
- Đóng gói: 20 cái/thùng

210.000

NMR102B - Màu xanh dương
NMR102BE - Màu kem

- Pin Lithium có độ bền cao 14500h
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Đóng gói: 20 cái/thùng

130.000

NMR101G - Xanh lá
NMR101P - Hồng

- Pin Lithium có độ bền cao 14500h
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa PP
- Đóng gói: 30 cái/thùng

115.000

NMR104O - Cam

- 1 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium 18650h, 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

160.000

NMR105B- Xanh dương

- 2 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium 18650h, 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/ thùng

160.000

ĐÈN SƯỞI

NEW

Tuổi thọ: 30.000 Giờ

Chỉ số bảo vệ: IP 54

* Kèm dây điện có chiều dài 3m
* Dự kiến có hàng tháng 11/2024

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NBH634G	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	440x255x245	6	930.000
NBH649G	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	440x255x246	6	930.000
NBH626G	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	555x270x280	4	1.490.000
NBH641S	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu bạc, thân đèn màu bạc	535x265x290	4	1.230.000
NBH650G	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	555x265x290	4	1.240.000
NBH275G	275W/220V/50Hz	Bóng đèn màu vàng E27	D125mm	20	85.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN TRANG TRÍ

SẢN PHẨM

- ĐÈN TRACK LIGHT
- ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ
- ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM
- ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR
- ĐÈN LED DÂY

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - EIRA SERIES

Tuổi thọ	Độ hoàn màu	Góc chiếu	Độ bảo vệ
20.000 Giờ	CRI Ra80	24°	IP 20

* Chất liệu thân đèn: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa trong
* Thiết kế thân đèn thon gọn, sang trọng
* Dùng kèm với phụ kiện thanh ray T2 bên dưới

Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
Đen	Trắng						
NTRE105B	NTRE105W	10W/220V	850	Trắng 5000K	Φ60/ H120	20	350.000
NTRE104B	NTRE104W		850	Trung tính 4000K			
NTRE103B	NTRE103W		810	Vàng 3000K			
NTRE205B	NTRE205W	20W/220V	1700	Trắng 5000K	Φ66/ H130	12	460.000
NTRE204B	NTRE204W		1700	Trung tính 4000K			
NTRE203B	NTRE203W		1600	Vàng 3000K			
NTRE305B	NTRE305W	30W/220V	2550	Trắng 5000K	Φ78/ H160	12	590.000
NTRE304B	NTRE304W		2550	Trung tính 4000K			
NTRE303B	NTRE303W		2400	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light T2 - EIRA series

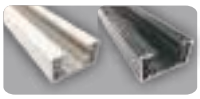

NTRE-HR1W - Thanh ray T2 1m màu trắng
NTRE-HR1B - Thanh ray T2 1m màu đen
Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34.2x19.5mm
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 20 cái/thùng
160.000

NTRE-MCW - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-MCB - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu đen
Đóng gói: 50 cái/thùng
22.000

NTRE-CW- Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu đen
Đóng gói: 50 cái/thùng
60.000

NTRE-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu trắng
NTRE-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu đen
Đóng gói: 50 cái/thùng
36.000

NTRE-CB8W - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu trắng
NTRE-CB8B - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu đen
Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20
Đóng gói: 50 cái/thùng
70.000

ĐÈN TRACK LIGHT

Tuổi thọ	Độ hoàn màu	Góc chiếu	Độ bảo vệ
20.000 Giờ	CRI Ra80	38°	IP 20

* Chất liệu: Thân đèn nhôm bọc nhựa, chóa đèn nhựa PC
* Có thể điều chỉnh đèn xoay 330° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
* Dùng kèm với phụ kiện đèn track light loại H

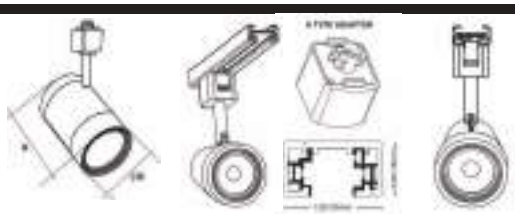

Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
Đen	Trắng						
NTR076B	NTR076W	7W/220V	500	Trắng 6500K	Φ60/ H85	20	399.000
NTR074B	NTR074W		500	Trung tính 4000K			
NTR073B	NTR073W		475	Vàng 3000K			
NTR146B	NTR146W	14W/220V	1200	Trắng 6500K	Φ85/ H134	20	599.000
NTR144B	NTR144W		1200	Trung tính 4000K			
NTR143B	NTR143W		1140	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light Nanoco

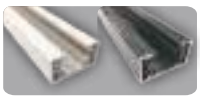

NTR-HR1W - Thanh ray loại H 1m màu trắng
NTR-HR1B - Thanh ray loại H 1m màu đen
Chưa gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 35x18mm
Loại T3 (L+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20
Đóng gói: 12 cái/thùng
295.000

NTR-CW - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-CB - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng
80.000

NTR-MCW - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng
NTR-MCB - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 200 cái/thùng
57.000

NTR-LCW - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-LCB - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng
119.000

NTR-TCW - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-TCB - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 100 cái/thùng
156.000

NTR-4CW - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu trắng
NTR-4CB - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu đen
Đóng gói: 60 cái/thùng
202.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM THẢ TRẦN

Tuổi thọ: 30.000 Giờ

Độ hoàn màu: CRI Ra90

Độ bảo vệ: IP 42

NEW *Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa*

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NMGF063B	Đèn pha nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x26x120	40	210.000
NMGF064B				Trung tính 4000K				
NMGF123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	110°	26x26x235	40	330.000
NMGF124B				Trung tính 4000K				
NMGG063B	Đèn chiếu điểm nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x26x120	40	260.000
NMGG064B				Trung tính 4000K				
NMGG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x26x235	40	430.000
NMGG124B				Trung tính 4000K				
NMGNG063B	Đèn chiếu điểm lưới nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x26x120	40	270.000
NMGNG064B				Trung tính 4000K				
NMGNG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x26x235	40	450.000
NMGNG124B				Trung tính 4000K				
NMGFF063B	Đèn pha gập nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x90x120	40	330.000
NMGFF064B				Trung tính 4000K				
NMGFF123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	110°	26x90x235	40	510.000
NMGFF124B				Trung tính 4000K				
NMGFG063B	Đèn chiếu điểm gập nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x90x120	40	390.000
NMGFG064B				Trung tính 4000K				
NMGFG123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	24°	26x90x235	40	590.000
NMGFG124B				Trung tính 4000K				
NMGT103B	Đèn tracklight nam châm	10W/ DC48V	600	Vàng 3000K	24°	45x100	40	450.000
NMGT104B				Trung tính 4000K				
NMGH083B	Đèn thả trần nam châm	8W/ DC48V	600	Vàng 3000K	60°	30x300 Dây dài 1m	40	590.000
NMGH084B				Trung tính 4000K				

Phụ kiện Đèn thanh ray nam châm

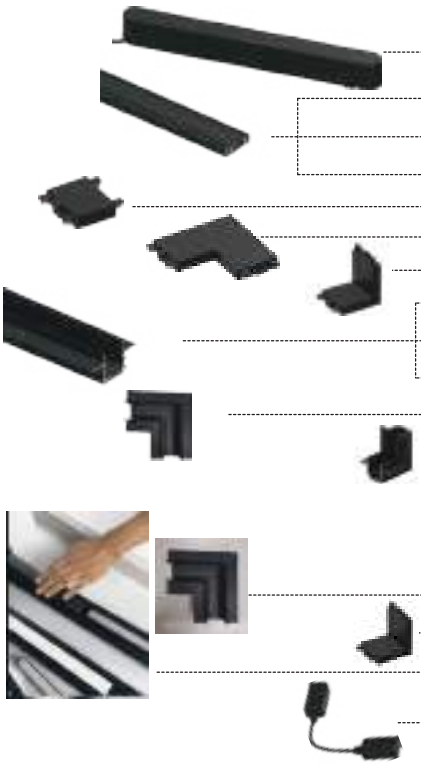

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói	Giá bán/cái
NMG-PC150	Bộ nguồn 150W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V	277x26.5x28	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
NMG-SR10	Thanh ray nam châm lắp nổi siêu mỏng	26x6x1000	25 cái/thùng	190.000
NMG-SR15		26x6x1500		280.000
NMG-SR20		26x6x2000		380.000
NMG-SRI	Khớp nối thẳng thanh ray lắp nổi	30x26x6.1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	50.000
NMG-SRL	Khớp nối góc thanh ray lắp nổi	55x55x6.1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	80.000
NMG-SRLW NEW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp nổi	35x35x6.1		100.000
NMG-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W35,4/H21,1mm	66.2x33.6x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG-RR15		66.2x33.6x1500		540.000
NMG-RR20		66.2x33.6x2000		720.000
NMG-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66.8x33.6	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x63x33.2		170.000
NMG1-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W35.4/H22mm	63x33.2x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG1-RR15		63x33.2x1500		540.000
NMG1-RR20		63x33.2x2000		720.000
NMG1-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMG1xxxx	80x63x33.2	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG1-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMG1xxxx	80x63x33.2		170.000
NMG-RRC	Nắp chụp nhựa thanh ray nam châm âm	29.4x6.6x1000mm Dày: 1mm	20 cái/thùng	20.000
NMG-RRI	Khớp nối trong thanh ray nam châm lắp âm	26x26x190	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	100.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ

Tuổi thọ: 50.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Độ bảo vệ: IP 20

** Chất liệu: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa*
**** Sử dụng LED Bridgelux***

Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Loại LED	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
Trắng	Đen								
NSDLC105W	NSDLC105B	10W/220V	800	COB	Trắng 5000K	36°	Φ71/H75	30	420.000
NSDLC104W	NSDLC104B		800		Trung tính 4000K				
NSDLC103W	NSDLC103B		800		Vàng 3000K				
NSDLC155W	NSDLC155B	15W/220V	1200		Trắng 5000K	36°	Φ91/H90	30	500.000
NSDLC154W	NSDLC154B		1200		Trung tính 4000K				
NSDLC153W	NSDLC153B		1200		Vàng 3000K				
NSDL105W	NSDL105B	10W/220V	800	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ71/ H75	30	410.000
NSDL104W	NSDL104B		800		Trung tính 4000K				
NSDL103W	NSDL103B		800		Vàng 3000K				
NSDL155W	NSDL155B	15W/220V	1200		Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000
NSDL154W	NSDL154B		1200		Trung tính 4000K				
NSDL153W	NSDL153B		1200		Vàng 3000K				

Phụ kiện dùng cho đèn LED Downlight Trụ

NSDL-CB
Đế gắn thả trần đèn downlight trụ đen
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1.5m, AC220-240V
140.000

NSDL-CW
Đế gắn thả trần đèn downlight trụ trắng
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1.5m, AC220-240V
140.000

NEW ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ bảo vệ: IP 20

**Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa*
****Sử dụng LED Osram***
Dự kiến có hàng 11/2024

Độ hoàn màu: CRI Ra80

Độ hoàn màu: CRI Ra90

Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (LxWxH mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
Trắng	Đèn							
NLNF405W	NLNF405B	40W/ 220V	120°	3600	Trắng 5700K	1068x33x60	10	1.150.000
NLNF404W	NLNF404B				Trung tính 4000K			
NLNF403W	NLNF403B				Vàng 3000K			
NLNG365W	NLNG365B	36W/ 220V	24°	2160	Trắng 5700K	1068x33x60	10	1.480.000
NLNG364W	NLNG364B				Trung tính 4000K			
NLNG363W	NLNG363B				Vàng 3000K			

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED

30.000 Giờ | IP 65 | Ra 70 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao
* Kèm 1 bộ phụ kiện

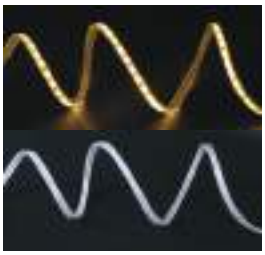

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NST0604	4.5W/m 230V	180	Trung tính 4000K	60	10 x 7.3 Cuộn 50m	5	1	1	2.574.000
NST0606			Trắng 6500K						
NST060R			Đỏ						
NST060G			Xanh lục						2.827.000
NST060B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED

30.000 Giờ | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NST0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5.5	1	1	2.585.000
NST0724			Trung tính 4000K						
NST0726			Trắng 6500K						
NST072R			Đỏ						
NST072G			Xanh lục						2.791.000
NST072B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED - ERIS SERIES

20.000 Giờ | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTE0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5.3	1	1	1.560.000
NSTE0724			Trung tính 4000K						
NSTE0726			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 60 và 72 chip LED

NST60-PC
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/bịch,
50 bộ/thùng
81.000

NST60-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/bịch
14.500

NST60-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/bịch
2.300

NST60-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 cái/bịch
2.300

NST60-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/bịch
2.300

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

LED DÂY

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 1 dãy LED

30.000 Giờ | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, 1 dãy LED, tuổi thọ cao
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NST12072	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7.5	1	1	3.873.000
NST12074			Trung tính 4000K						
NST12076			Trắng 6500K						
NST1207R			Đỏ						4.161.000
NST1207G			Xanh lục						
NST1207B			Xanh dương						

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - ERIS SERIES

20.000 Giờ | IP 65 | Ra 70 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong
* 2 dãy LED
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTE1202	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7.5	1	1	2.320.000
NSTE1204			Trung tính 4000K						
NSTE1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 1 dãy LED và ERIS SERIES

NST1207-PC
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/bịch,
50 bộ/thùng
98.000

NST1207-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/bịch
14.500

NST1207-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/bịch
2.300

NST1207-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/bịch
2.300

NST1207-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/bịch
2.300

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 2 DÃY LED

30.000 Giờ | IP 65 | Ra 70 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, 2 dãy LED, tuổi thọ cao
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NST1202	8W/ 230V	600	Vàng 2700K	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.260.000
NST1204			Trung tính 4000K						
NST1206			Trắng 6500K						
NST120R	9W/ 230V		Đỏ						4.577.000
NST120G			Xanh lục						
NST120B			Xanh dương						

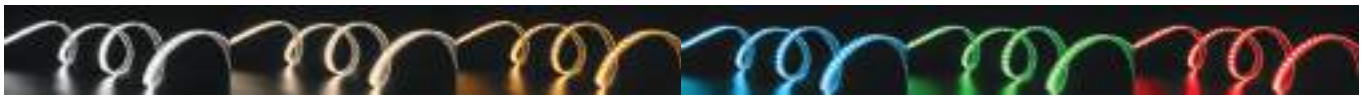

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 2 dãy LED

NST-PC
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói: 1 bộ/bịch,
50 bộ/thùng
98.000

NST-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/bịch
14.500

NST-P
Chân cắm nối nguồn
Đóng gói: 20 cái/bịch
2.300

NST-C
Nẹp gắn tường
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/bịch
2.300

NST-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/bịch
2.300

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - NEON

30.000 Giờ | IP 65 | Ra 80 | m 50

* Chất liệu: PVC Anti-UV
* Kèm 1 bộ phụ kiện

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTN1202	8W/230V	300	Vàng 2700K	120	15 x 14 Cuộn 50m	13.5	1	1	7.571.000
NSTN1204			Trung tính 4000K						
NSTN1206			Trắng 6500K						

Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED NEON

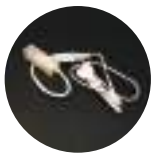

NSTN120-PC
Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)
Đóng gói :1 bộ/bịch, 50 bộ/thùng
124.000

NSTN120-MC
Khớp nối giữa - IP65
Đóng gói: 10 cái/bịch
28.000

NSTN120-C
Nẹp gắn tường nhựa
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/bịch
7.300

NSTN120-CA
Nẹp gắn tường nhôm
(Kèm 2 ốc vít)
Đóng gói: 20 bộ/bịch
14. 500

NSTN120-E
Nút bít - IP65
Đóng gói: 50 cái/bịch
4.200

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY COB - 24V

Đoạn cắt: 50 mm

Dự kiến có hàng 11/2024

30.000 Giờ | Ra 90 | m 5

* Dùng với nguồn DC 24V IP20 (trang 81) hoặc nguồn DC 24V IP65
* PCB 8mm, màu trắng
* Mặt sau có lớp keo dán màu xanh

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	IP	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (m)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTC3202-20	10W/M DC24V	20	850	Vàng 2700K	320	Cuộn 5m	50	40	360.000
NSTC3204-20				Trung tính 4000K					
NSTC3206-20				Trắng 6500K					
NSTC3202-65	10W/M DC24V	65		Vàng 2700K	320	Cuộn 5m	50	40	650.000
NSTC3204-65				Trung tính 4000K					
NSTC3206-65				Trắng 6500K					

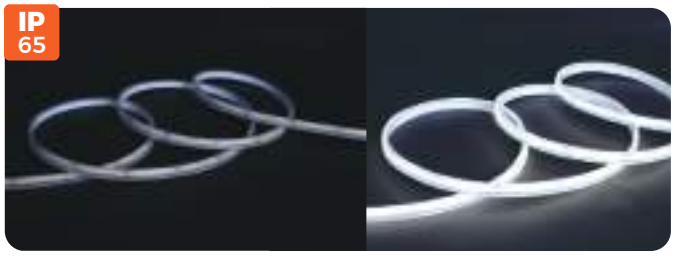

*Bộ nguồn 24V cho LED dây trong nhà IP20 trang kế tiếp

Phụ kiện khớp nối dùng cho LED dây COB

NSTC320-MC20
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 LED/M COB IP20 — **36.000**

NSTC320-MC65
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 LED/M COB IP65 — **36.000**

NSTC320-CW20
Khớp nối dây nguồn (15cm)
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP20 — **43.000**

NSTC320-CW65
Khớp nối dây nguồn (15cm)
Dùng cho loại 320 LED/M COB IP65 — **58.000**

NSTC320-C
Nẹp gắn tường dùng cho loại 320 LED/M COB IP 20 IP65 — **2.300**

NSTC320-E65
Nút bít dùng cho loại 320LED/M COB IP65 — **2.300**

Bộ nguồn 24V cho LED dây ngoài trời IP65

NST-PS60-2465
Công suất: 60W - IP65
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 2.5A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — **750.000**

NST-PS100-2465
Công suất: 100W - IP65
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 4A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — **845.000**

NST-PS200-2465
Công suất: 200W - IP65
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 8.3A
Đóng gói: 25 cái/ thùng — **1.210.000**

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

Cảnh báo: - Không bật dải LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây
- Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ 24V - IP20

30.000 Giờ | IP 20 | Ra 70 | m 5

** Chất liệu: nhựa dẻo FPCB uốn cong dễ dàng*
** Thích hợp sử dụng trang trí nội thất với thiết kế phức tạp như hắt trần, trang trí tủ, hộp đèn, bảng hiệu...*
** LED dây không được phủ silicon chống nước, vì vậy cần sử dụng ở môi trường khô thoáng tránh ẩm ướt để đảm bảo tuổi thọ đèn*

Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTID0602	60 LED/M	4.5W/M DC24V	400Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1.3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	182.000
NSTID0604				Trung tính 4000K				
NSTID0606				Trắng 6000K				

Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTID1202	120 LED/M	9W/M DC24V	800Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1.3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	252.000
NSTID1204				Trung tính 4000K				
NSTID1206				Trắng 6000K				

Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTID1682	168 LED/M	12W/M DC24V	1200Lm/M	Vàng 2700K	10 x 1.3 Cuộn 5M	7 chip LED	40	420.000
NSTID1684				Trung tính 4000K				
NSTID1686				Trắng 6000K				

Bộ nguồn dùng cho LED dây trong nhà IP20

Bộ nguồn trực tiếp

NST-AD30
Công suất: 30W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 40 cái/ thùng
194.000

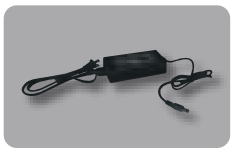

NST-AD60
Công suất: 60W
Điện thế input: AC100 - 240V
Điện thế output: DC24V
Chiều dài dây: 1.1m, kèm 1 chui cái 15cm
Đóng gói 20 cái/ thùng
293.000

Bộ nguồn tổ ong

NST-PS60-24
Công suất: 60W
Kích thước : 172x34x23mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng
199.000

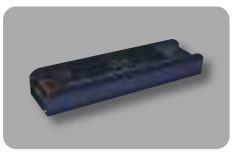

NST-PS150-24
Công suất: 150W
Kích thước : 195x49x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng
361.000

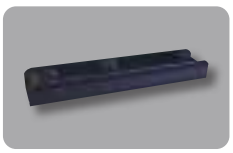

NST-PS250-24
Công suất: 250W
Kích thước : 258x48x29mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Đóng gói 25 cái/ thùng
504.000

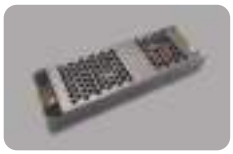

NST-PS360-24-2
Công suất: 360W
Kích thước : 245x63x31mm
Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V
Giảm tiếng ồn
Đóng gói 25 cái/ thùng
812.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

Nẹp nhôm dùng cho LED dây trong nhà

NST-AB1714

Kích thước: 2000x17x14.3mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

Lắp nổi

205.000

NST-AB1414

Kích thước: 2000x14.2x14.2mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12.5mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

Lắp nổi

192.000

NST-AB2507

Kích thước: 2000x25x7mm
Kích thước lắp âm: 20x8mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

Lắp âm

213.000

NST-AB2414

Kích thước: 2000x24.5x14.2mm
Kích thước lắp âm: 20x15mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 25 cái/thùng

Lắp âm

215.000

NST-AB1515

Kích thước: 2000x15.7x15.7mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 50 cái/thùng

Lắp góc

161.000

NST-AB1013

Kích thước: 2000x10x13mm
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm
Kèm 4 nút bít, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít
Đóng gói: 70 cái/thùng

Lắp nổi

192.000

Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà

NSTID-CW08
Khớp nối dây nguồn (15cm) dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M và 120LED/M — **6.300**

NSTID-CW10
Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn LED dây dán 168LED/M — **7.100**

NSTID-MC08
Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M và 120LED/M — **2.800**

NSTID-MC10
Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán 168LED/M — **4.300**

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN NGOÀI TRỜI

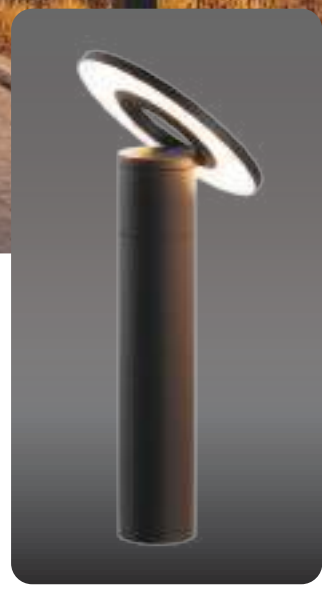

SẢN PHẨM

- ĐÈN PHA
- ĐÈN PHA SOLAR - SÂN VƯỜN SOLAR
- ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA - JANUS SERIES

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 110° | Độ bảo vệ: IP IK 66 06

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06*
** Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao, phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..*
** PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLFM0106	10W/220V	700	Trắng 6500K	101 x 81 x 22	0.135	20	180.000
NLFM0103		700	Vàng 3000K				
NLFM0206	20W/220V	1,400	Trắng 6500K	125 x 101 x 24	0.2	20	265.000
NLFM0203		1,400	Vàng 3000K				
NLFM0306	30W/220V	2,100	Trắng 6500K	143 x 115 x 28	0.29	20	365.000
NLFM0303		2,100	Vàng 3000K				
NLFM0506	50W/220V	4,500	Trắng 6500K	163 x 133 x 29	0.43	20	585.000
NLFM0503		4,250	Vàng 3000K				
NLFM1006	100W/220V	9,000	Trắng 6500K	231 x 182 x 33	0.84	10	1.150.000
NLFM1003		8,500	Vàng 3000K				
NLFM1506	150W/220V	13,500	Trắng 6500K	270 x 221 x 36	1.26	10	1.490.000
NLFM1503		12,750	Vàng 3000K				
NLFM2006	200W/220V	18,000	Trắng 6500K	320 x 260 x 36	1.72	10	2.330.000
NLFM2003		17,000	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - VENUS SERIES

Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 110° | Độ bảo vệ: IP IK 65 06

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06*
** Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn ....*
** PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLFV0106	10W/220V	1,000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0.304	30	250.000
NLFV0104		1,000	Trung tính 4000K				
NLFV0103		950	Vàng 3000K				
NLFV0206	20W/220V	2,000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0.304	30	340.000
NLFV0204		2,000	Trung tính 4000K				
NLFV0203		1,900	Vàng 3000K				
NLFV0306	30W/220V	3,000	Trắng 6500K	107 x 141 x38	0.423	30	425.000
NLFV0304		3,000	Trung tính 4000K				
NLFV0303		2,850	Vàng 3000K				
NLFV0506	50W/220V	5,000	Trắng 6500K	135 x 175 x 42	0.664	20	655.000
NLFV0504		5,000	Trung tính 4000K				
NLFV0503		4,750	Vàng 3000K				
NLFV1006	100W/220V	12,000	Trắng 6500K	195 x 255 x 40	1.467	8	1.600.000
NLFV1003		11,400	Vàng 3000K				
NLFV1506	150W/220V	18,000	Trắng 6500K	240 x 300 x 42	2.259	6	2.050.000
NLFV1503		17,100	Vàng 3000K				
NLFV2006	200W/220V	24,000	Trắng 6500K	285 x 345 x 46	3.241	4	3.250.000
NLFV2003		22,800	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - HIGH SERIES

Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 110° | Độ bảo vệ: IP IK 66 08

** Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK08*
** Thiết kế mặt kính thủy tinh truyền thống, kích thước lớn tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao , phù hợp chiếu sáng bảng hiệu, các khu vực ngoài trời không gian rộng cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..*
** PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLFH0106	10W/220V	1,000	Trắng 6500K	130 x 110 x 41	0.38	20	300.000
NLFH0103		950	Vàng 3000K				
NLFH0206	20W/220V	2,000	Trắng 6500K	181 x 158 x 50	0.67	20	415.000
NLFH0203		1,900	Vàng 3000K				
NLFH0306	30W/220V	3,000	Trắng 6500K	196 x 172 x 52	0.79	20	495.000
NLFH0303		2,850	Vàng 3000K				
NLFH0506	50W/220V	5,000	Trắng 6500K	240 x 210 x 60	1.13	10	720.000
NLFH0503		4,750	Vàng 3000K				
NLFH0706	70W/220V	7,000	Trắng 6500K	255 x 285 x 60	1.74	5	1.245.000
NLFH1006	100W/220V	11,000	Trắng 6500K	310 x 345 x 80	3.5	1	2.100.000
NLFH1506	150W/220V	16,500	Trắng 6500K	350 x 380 x 97	5	1	2.730.000
NLFH2006	200W/220V	22,000	Trắng 6500K	430 x 480 x 105	9.8	1	4.350.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA

Độ hoàn màu: CRI Ra80 | Góc chiếu: 110° | Độ bảo vệ: IP 65 | Tuổi thọ: 25.000 Giờ

** Chất liệu: thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC chịu lực cao*
** Được lựa chọn là thiết bị chiếu sáng hắt tường ngoài trời cho các tòa nhà, biệt thự, đường hầm, sân vận động, chiếu sáng sân vườn, đèn pha biển quảng cáo... tạo màu ánh sáng tốt và tạo điểm nhấn cho các công trình công cộng.*
** PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên*

Đèn pha 10W - 50W

Đèn pha 100W

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng	Tuổi thọ (giờ)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NLF1106	10W/220V	800	Trắng 6000K	117 x 27 x138	0.29 kg	25.000	12	209.000
NLF1104		800	Trung tính 4000K					
NLF1206	20W/220V	1600	Trắng 6000K	134 x 27 x159	0.37kg	25.000	12	285.000
NLF1204		1600	Trung tính 4000K					
NLF1203		1520	Vàng 3000K					
NLF1306	30W/220V	2400	Trắng 6000K	167 x 36 x 220	0.65 kg	25.000	12	418.000
NLF1304		2400	Trung tính 4000K					
NLF1303		2280	Vàng 3000K					
NLF1504	50W/220V	4000	Trung tính 4000K	222 x 38 x 301	1.1 kg	25.000	6	637.000
NLF1503		3800	Vàng 3000K					
NLF1004	100W/220V	8500	Trung tính 4000K	220 x 68 x 282	1.65 kg	30.000	6	1.416.000
NLF1003		8057	Vàng 3000K					

ĐÈN PHA SOLAR SUNNY SERIES - ĐÈN CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Năng lượng mặt trời | Remote điều khiển | Độ bảo vệ đèn: IP IK 66 06 | Tuổi thọ: 30.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI >Ra80

- Thời gian chiếu sáng:
+ 12 giờ (auto)
+ 5-6h ở chế độ full sáng
- Thời gian sạc đầy pin: 6-8 giờ

Chất liệu đèn LED: thân nhôm đúc, mặt kính cường lực

Nguyên lý hoạt động cơ bản:
1.Năng lượng ánh sáng mặt trời được chuyển thành điện năng thông qua tấm solar để sạc cho bộ pin LiFePO4 tích hợp bên trong bộ đèn vào ban ngày.
2.(*) Khi đèn hoạt động bộ pin LiFePO4 cung cấp điện năng cho bộ đèn sáng duy trì tới 12H (AUTO MODE) trước khi cạn hết điện.
3.Quá trình 1 và 2 được lặp lại.

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS1006	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 5700K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	7	190 x 240 x 17	LiFePO4	6	3	1.700.000
NLFSS2006	200W			2000	220 x 232 x 60.4		13	240 x 350 x 17		12	3	2.450.000
NLFSS3006	300W			3000	320 x 340 x 63.5		20	350 x 350 x 17		18	2	3.600.000
NLFSS4006	400W			4800	320 x 340 x 63.5		32	350 x 500 x 17		36	2	4.350.000

NEW

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS10061	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 6500K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	5V/ 15 W	350 x 350 x 15	LiFePO4	12	3	2.100.000
NLFSS20061	200W			2000	220 x 232 x 60.4		5V/ 25 W	500 x 350 x 15		24	3	3.060.000
NLFSS30061	300W			3000	320 x 340 x 63.5		5V/ 35 W	500 x 500 x 15		30	2	4.430.000
NLFSS40061	400W			4000	320 x 340 x 63.5		5V/ 45 W	445 x 670 x 15		42	2	5.380.000

Dự kiến có hàng tháng 11/2024

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

nanoco

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA SOLAR - NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Năng lượng mặt trời

Remote điều khiển

Độ bảo vệ đèn: IP IK 67 08

Tuổi thọ: 30.000 Giờ

Độ hoàn màu: CRI >Ra80

*** Nguyên lý hoạt động:**

- Sử dụng tấm năng lượng mặt trời solar để tạo ra điện năng
- Điện năng tạo ra từ tấm solar được sạc cho pin gắn tích hợp bên trong đèn pha LED
- Điện năng tích trữ bên trong pin cung cấp cho đèn nên hoạt động của đèn ổn định trong thời gian pin dự trữ còn đủ dù thời tiết không đủ nắng.

** Chất liệu đèn: thân kim loại đúc, mặt kính cường lực*
** Chất liệu solar: Polycrystal*
** Thời gian chiếu sáng khi đầy pin ở chế độ Auto: 12 giờ*
** Thời gian sạc: 8-10 tiếng*

Các chức năng điều khiển bằng remote

THÔNG SỐ ĐÈN PHA								THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI				GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Loại chip LED	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công suất pin dự trữ	Đóng gói (cái/thùng)	Mã tấm solar	Công suất tấm solar	Kích thước solar Dài x Cao x Rộng (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFS040610L	40W	Epistar	Trắng 6500K	600	213 x 70 x 190	3.2V 10Ah	10	NLFS040610S	6V10WP	230 x 350 x 17	10	1.200.000
NLFS060615L	60W			960	237 x 77 x 211	3.2V 15Ah	10	NLFS060615S	6V15WP	350 x 350 x 17	10	1.500.000
NLFS100625L	100W			1100	285 x 91 x 249	3.2V 20Ah	5	NLFS100625S	6V25WP	530 x 350 x 17	5	1.990.000
NLFS200635L	200W			1700	351 x 91 x 285	3.2V 30Ah	5	NLFS200635S	6V35WP	680 x 350 x 17	5	2.400.000
NLFS300650L	300W			3000	435 x 95 x 370	3.2V 40Ah	4	NLFS300650S	6V50WP	670 x 535 x 30	4	4.250.000

ĐÈN PHA SOLAR SÂN VƯỜN

NEW

NTZ10200 - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 3W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PMMA
- Quang thông: 135lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x197mm
- Dung lượng pin: 18650 Ternary lithium 3600mAH
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27, giá không kèm bóng.
- Đóng gói: 6 cái/thùng

615.000

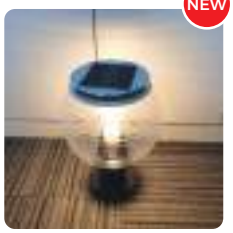

NEW

NTZ06200 - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: 144lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Dung lượng pin: 18650 Ternary lithium 1800mAH
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27, giá không kèm bóng.
- Đóng gói: 6 cái/thùng

600.000

NEW

NTZ06250 - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: 144lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Dung lượng pin: 18650 Ternary lithium 1800mAH
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27, giá không kèm bóng.
- Đóng gói: 4 cái/thùng

690.000

NEW

NTZ08200 - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: 144lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Dung lượng pin: 18650 Ternary lithium 1800mAH
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27, giá không kèm bóng.
- Đóng gói: 6 cái/thùng

580.000

NEW

NTZ08250 - Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1.5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: 144lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh - vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Dung lượng pin: 18650 Ternary lithium 1800mAH
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27, giá không kèm bóng.
- Đóng gói: 4 cái/thùng

665.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN NGOÀI TRỜI - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

IP 65

NBLS015 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 4W/AC85-265V
- Kích thước: 120x80x35mm
- Quang thông: 260lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

190.000

IP 65

NBLS016 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 175x80x40mm
- Quang thông: 420lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

200.000

IP 65

NBLS031 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 8W/AC85-265V
- Kích thước: 220x80x45mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

IP 65

NBLS13SQ - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 100x100x100mm
- Quang thông: Tùy thuộc vào điều chỉnh hướng sáng
- CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

310.000

IP 65

NBLS252 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 2W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 130lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

240.000

IP 65

NBLS254 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 4W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

IP 65

NBLS04 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 3W/AC85-265V
- Kích thước: 80x75x63mm
- Quang thông: 225lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

180.000

IP 65

NBLS05 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 140x76x63mm
- Quang thông: 510lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

IP 65 NEW

NBLS8004 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất:6W/AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

340.000

IP 65 NEW

NBLS8003 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 348lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

360.000

IP 65 NEW

NBLS213 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 12W/AC85-265V
- Kích thước: 125x125x260mm
- Quang thông: 564lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Sanan SMD
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

660.000

IP 65 NEW

NBLS22411 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 5W/AC85-265V
- Kích thước: 90x160mm
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

520.000

IP 65 NEW

NBLS22412 - Ánh sáng vàng 3000K
- Công suất: 2x5W/AC85-265V
- Kích thước: 90x260mm
- Quang thông: 700lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Led: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

670.000

ĐÈN LỐI ĐI - Stella Series

LẮP NỔI

LẮP ÂM

NEW | Tuổi thọ: 25.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra90 | Góc chiếu: 90° | Độ bảo vệ: IP 65 | Ánh sáng: VÀNG 3000K

Mã sản phẩm: Trắng	Mã sản phẩm: Đen	Tên sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	CHIP LED	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/ cái
NSLM901W	NSLM901B	Đèn lối đi ốp nổi	03W/ 220V	CREE XPE	50lm	L88xH88 xW25mm	40	510.000
NSLM901WS	NSLM901BS	Đèn lối đi ốp nổi, cảm biến 30-45s sau khi kết thúc chuyển động (Cảm biến)			33lm			660.000
NSLX901W	NSLX901B	Đèn lối đi âm tường			50lm	L90xH90x W57mm (Khoét lỗ L81xH81xW50mm)		460.000
NSLX901WS	NSLX901BS	Đèn lối đi âm tường, cảm biến 30-45s sau khi kết thúc chuyển động (Cảm biến)			33lm			590.000

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ

Tuổi thọ: 35.000 Giờ | Độ hoàn màu: CRI Ra90 | Góc chiếu: 40° | Độ bảo vệ: IP 54 | Hệ số công suất: PF 0.9

** Chất liệu: Nhôm*
** Sử dụng Triac Dimmer*

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Màu thân đèn/ Chóa phản quang	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/ cái
NSDL12W309040W54	12W/ 220V	Vàng 3000K	Trắng/ Trắng	960	Ø75*H100	50	1.009.000
NSDL12W409040W54		Trung tính 4000K	Trắng/ Trắng	960			1.009.000
NSDL12W309040B54		Vàng 3000K	Đen/ Đen	960			1.009.000
NSDL12W409040B54		Trung tính 4000K	Đen/ Đen	960			1.009.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN TRẦN

IP 54 | 20.000 Giờ

NCL1333 - Ánh sáng vàng 3000K
NCL1331-6/ NCL1333-6 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 15W/AC220-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm
- Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 1057lm - CRI: Ra84 - PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

1.903.000

IP 54 | 20.000 Giờ

NSDL7205W - Màu trắng
NSDL7205B - Màu xám đậm

- Sử dụng bóng E27 (H_{max}<116mm)/AC110-240V
- Kích thước: Ø108mm/H155mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Không bao gồm bóng

793.000

IP 65 | 25.000 Giờ

NDL1833-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1833-76 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220V
- Kích thước: Ø110/ H60 mm - Khoét trần: Ø 90mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

981.000

IP 54 | 20.000 Giờ

NSDL2236-73 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-76 - Ánh sáng vàng 6000K

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82 - PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

1.371.000

IP 65 | 25.000 Giờ

NDL1831-103 - Ánh sáng vàng 3000K
NDL1831-106 - Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 10W/AC220V
- Kích thước: Ø115/H75mm - Khoét trần: Ø 105mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°
- Điều chỉnh góc chiếu 20°

1.212.000

IP 54 | 20.000 Giờ

NSDL2236-203 - Ánh sáng vàng 3000K
NSDL2236-206 - Ánh sáng vàng 6000K

- Công suất: 20W/AC220-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95mm/H105mm - Trọng lượng: 1.0kg
- Quang thông: 1616lm - CRI: Ra83 - PF: 0.53
- Chất liệu: Nhôm đúc, màu trắng chụp đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 34°

1.790.000

ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 65

- Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1291A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/AC220-240V~50Hz
- Kích thước: L500 x W60 x H60mm - Trọng lượng: 3.1kg
- Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84
- PF: 0.92
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 107°

2.564.000

NEW

IP 65

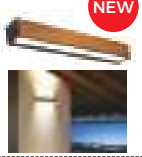

Đèn tường LED vàng màu gỗ

NBL1291AWD - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 20W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 500x65x60mm
- Chip LED: Philips2835
- Quang thông: 1742lm - CRI: 84 - PF: 0.92
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 107°

3.320.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2891 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2891-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K
NBL2891B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Quang thông: 218lm - CRI: Ra85 - PF: 0.9
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 96°

930.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2541 - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K
NBL2541-6 - Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6000K
NBL2541B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1.7kg
- Quang thông: 841lm - CRI: Ra83 - PF: 0.90
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 21°

1.860.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2553 - Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K
NBL2553-6 - Màu trắng, ánh sáng trắng 6000K
NBL2553S - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W/AC200-240V
- Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0.6kg
- Quang thông: 160lm - CRI: Ra80 - PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 15°/75°

1.244.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621 - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K
NBL2621-6 - Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K
NBL2621B - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0.84kg
- Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82 - PF: 0.93
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 73°

1.709.000

IP 54

NEW

- Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2621WD Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 62x87x144mm
- Chip LED: CREE1304
- Quang thông: 1365lm - CRI: >80 - PF: 0.87
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 73°

1.900.000

IP 54

NEW

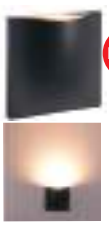

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1141B - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1x7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 120x120x58 mm
- Chip LED: Cree
- Quang thông: 355lm - CRI: Ra80 - PF: 0.9
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh mờ
- Góc chiếu: 98°

1.580.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 54

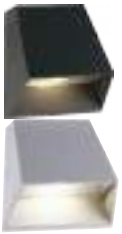

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2691 - Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K

NBL2691S - Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC220-240V
- Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Quang thông: 389lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 108°

1.136.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2721 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0.8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

1.709.000

IP 54

NEW

NBL3181 - Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 290x137x100mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Giá không bao gồm bóng

1.350.000

IP 65

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1791 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm - Trọng lượng: 1.6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85 - PF: 0.5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

1.860.000

IP 54

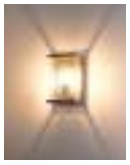

NBB1466 - Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290 mm
- Trọng lượng: 2.6kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Giá không bao gồm bóng

1.634.000

IP 54

NEW

NGL3431WD- Đèn gắn tường ngoài trời LED

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 135x135x220mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh.
- Giá không bao gồm bóng

1.660.000

IP 54

NEW

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2613WD - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 115x90x90mm
- Chip LED: CREE
- Quang thông: 460lm - CRI: >80 - PF: 0.88
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh
- Góc chiếu: 22/90°

1.660.000

IP 54

NEW

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL1951B - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 80x0.11W
- Kích thước: 243x132x122 mm
- Chip LED: Philips4014
- Quang thông: 782lm - CRI >Ra80 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 98°

2.060.000

IP 54

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL2622 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm - Trọng lượng: 0.64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82 - PF: 0.88 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

1.168.000

IP 54

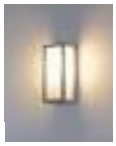

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL5705A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250 mm
- Trọng lượng: 1.1kg
- Quang thông: 850lm - CRI: Ra85 - PF: 0.99 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa.
- Góc chiếu: 103°

1.557.000

IP 54

NEW

Đèn gắn tường ngoài trời LED

NBL3062WD - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 125x126x250 mm
- Chip LED: Philips3014
- Quang thông: 234lm - CRI: >80 - PF: 0.93
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa nhựa
- Góc chiếu: 66°

1.900.000

ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 54

NBB1463 - Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/AC220-240V)
- Kích thước: L140xW140xH350mm - Trọng lượng: 2.5kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nthủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.860.000

IP 54

Đèn sân vườn LED

NGL8453 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm - Trọng lượng: 0.95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 38°

1.557.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL2723 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm - Trọng lượng: 2.4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0.89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

1.936.000

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL8464 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W /AC110-240V~50Hz
- Kích thước: L110xW110xH650mm - Trọng lượng: 2.75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra85
- PF: 0.89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 38°

2.542.000

IP 54

NEW

Đèn sân vườn LED
NGL3433WD

- Công suất: sử dụng bulb E27 max 15W
  AC 220V-240V/ 50-60Hz
- Kích thước: 145x145x600 mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh

2.810.000

IP 65

NEW

Đèn sân vườn LED
NGL3483 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: Ø240xH650 mm
- Quang thông: 610lm - CRI: >80 - PF: 0.9
- Chip LED: Philips4014
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 99°

2.890.000

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL1913 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø90mm/H650mm - Trọng lượng: 1.22kg
- Quang thông: 415lm - CRI: Ra85
- PF: 0.5 - IP54
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 71°

1.774.000

IP 54

Đèn sân vườn LED
NGL8414 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W (1x15W)/AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø120mm/H650mm - Trọng lượng: 2.75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra82 - PF: 0.88
- Ánh sáng vàng 3000K
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 82°

2.629.000

IP 54

NEW

Đèn sân vườn LED
NGL8434A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W /AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 449lm - CRI: Ra84 - PF: 0.94
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

Đèn sân vườn LED
NGL8434 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 14.62W (86x0.17W)/AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2.9kg
- Quang thông: 461lm - CRI: Ra84 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

ĐÈN ÂM ĐẤT - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất tròn
NGL2291 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø67xH117mm - Trọng lượng: 0.29kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

757.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2641 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.417.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1211 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong.
- Góc chiếu: 110°

1.634.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1214 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°

1.634.000

IP 67

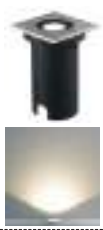

Đèn sân vườn LED âm đất vuông
NGL2292 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC100-240V~50Hz
- Kích thước: L67xW67xH117mm - Trọng lượng: 0.31kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 28°

800.000

IP 67

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL2642 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0.97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0.89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.557.000

IP 67

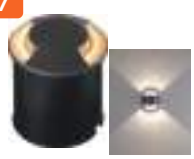

Đèn sân vườn LED âm đất
NGL1212 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1.3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong.
- Góc chiếu: 99°

1.634.000

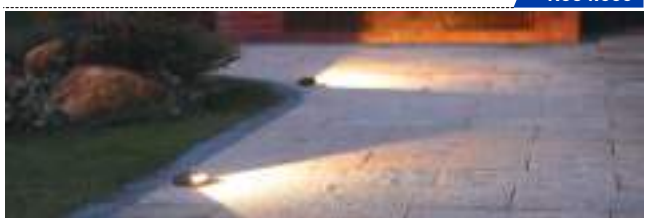

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

(*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco

ĐÈN LỐI ĐI - Tuổi thọ 20,000 giờ

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1713 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 185lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

855.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1713A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0.3kg
- Quang thông: 133lm - CRI: Ra83
- PF: 0.5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 52°

855.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1711 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8.8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 472lm - CRI: Ra83
- PF: 0.97
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

1.557.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân lắp nổi

NSL1711A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC200-240V - 50Hz
- Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0.7kg
- Quang thông: 450lm - CRI: Ra83
- PF: 0.5
- Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 53°

1.557.000

IP 65

Đèn sân vườn LED chiếu chân

NSL2781 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0.53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65

Đèn LED gắn âm tường chiếu chân

NSL1121A - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 4W (12x0.3W)/AC200-240V
- Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0.5kg
- Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm
- Quang thông: 129lm - CRI: Ra82 - PF: 0.89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 33°

908.000

IP 65

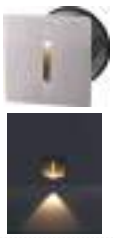

Đèn sân vườn LED chiếu chân

NSL2782 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0.4kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm
- Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0.53
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 56°

855.000

IP 65

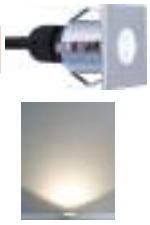

Đèn LED chiếu chân âm tường

NSL2102 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

660.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1802 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W(1x1W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L40xW40xH40mm - Trọng lượng: 0.18kg
- Quang thông: 95lm - PF: 0.45 - CRI: Ra80 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

844.000

IP 65

Đèn LED chiếu chân âm tường

NSL2101 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0.13kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø25mm
- Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0.5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 20°

617.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2746 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 10W(1x10W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0.9kg
- Quang thông: 656lm - CRI: Ra83
- PF: 0.99 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 26°

1.396.000

IP 65

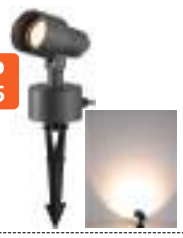

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP2862 - Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W(3x2W COB)/ AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L83xW107xH380mm - Trọng lượng: 0.79kg
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80
- PF: 0.81 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 24°

1.601.000

IP 65

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1663 - 10W(1x10W) - 613lm **1.482.000**

NSP1666 - 15W(1x15W) - 934lm **1.634.000**

NSP1669 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.709.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1.1kg
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

IP 65

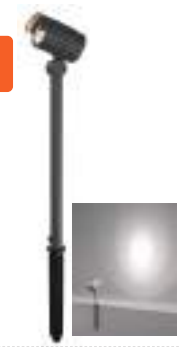

Đèn spotlight sân vườn LED

NSP1673 - 10W(1x10W) - 613lm **1.634.000**

NSP1676 - 15W(1x15W) - 934lm **1.785.000**

NSP1679 - 20W(1x20W) - 1283lm **1.860.000**

- AC200-240V~50Hz
- Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1.38kg
- PF: 0.99 - CRI: Ra82 - IP65
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen
- Góc chiếu: 41°

Ánh sáng vàng 3000K

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

(*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN EXIT - Đèn thoát hiểm

IP 40

NEX2108C1 - Đèn thoát hiểm LED
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 5.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz, 0.07A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 40mm
- Trọng lượng: 0.9kg
- Pin: LiFePO4 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi:10 cd/m²
- Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP40
- Chất liệu: Nhựa PC
- Kèm 1 hình chỉ hướng lối thoát mã NEXF-E
- Đóng gói: 12 cái/thùng

735.000

Phụ kiện dùng kèm đèn thoát hiểm

Hình chỉ hướng

NEXF-L
1 mặt trái — **18.000**

NEXF-R
1 mặt phải — **18.000**

NEXF-D
1 mặt xuống — **18.000**

NEXF-U
1 mặt lên — **18.000**

NEXF-LR
1 mặt trái & phải — **18.000**

NEXF-TL
1 mặt toilet trái — **18.000**

NEXF-TR
1 mặt toilet phải — **18.000**

NEXF-TD
1 mặt toilet xuống — **18.000**

NEXF-TU
1 mặt toilet lên — **18.000**

NEXF-E
Đèn báo Exit — **18.000**

Bộ phụ kiện gắn treo trần
NEXA-C
Gồm 2 bộ dây treo trần
Chiều dài dây treo 1m — **50.000**

Bộ phụ kiện gắn tường
NEXA-W
Gồm 2 bộ pát gắn tường — **13.000**

ĐÈN EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp

NEM21351 - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 2W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: 280 x 280 x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Li-ion 3.7V/2.2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Có thể điều chỉnh đèn theo 340° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
- Đóng gói: 6 cái/thùng

770.000

IP 20

ĐÈN DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn Downlight chiếu sáng khẩn cấp

NDLE036 - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65 - 70mm/H50mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: LiFePO4 3.2V/1.5Ah
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: 125lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chóa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 48 cái/thùng

625.000

IP 20

*Giá bán đã bao gồm VAT

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

ĐÈN HIGHBAY - Đèn nhà xưởng

50.000 Giờ | IP 65

- Điện thế sử dụng: 100-240V (NHB0906 từ 120-240V)/50-60Hz
- Ánh sáng trắng 5700K
- Nhiệt độ hoạt động: -35-50°C
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa thủy tinh
- Đóng gói: 1 cái/thùng

Kích thước: Ø330mm/H: 125mm

NHB0906 - 10800lm - Công suất 90W	3.900.000
NHB1206 - 14400lm - Công suất 120W	4.320.000
NHB1506 - 18000lm - Công suất 150W	4.700.000

Kích thước: Ø400mm/H: 141mm

NHB1806 - 21600lm - Công suất 180W	5.850.000
NHB2106 - 25200lm - Công suất 210W	6.200.000
NHB2406 - 28800lm - Công suất 240W	6.600.000

30.000 Giờ | 120° | CRI Ra80 | PF 0.9

IP 65 | IK 06 | CCT 6500k | 130 lm/W | CE

Chất liệu: thân đèn hợp kim nhôm ADC12

NEW

Kích thước: Ø220mm/H: 98.5mm

NHB10061 - 13000lm - Công suất 100W	1.540.000

Kích thước: Ø260mm/H: 98.5mm

NHB15061 - 19500lm - Công suất 150W	2.075.000

Kích thước: Ø300mm/H: 98.5mm

NHB20061 - 26000lm - Công suất 200W	2.530.000

PIN

Dự kiến có hàng tháng 11/2024

NEW

Mã sản phẩm	Loại pin	Điện áp (V)	Dung lượng (mah)	Kích thước sản phẩm (mm)	Nhiệt độ hoạt động (°C)	Bảo hành (Năm)	Đóng gói (pin/vỉ)	Đóng gói (pin/hộp)	Giá bán/pin	Giá bán/vỉ
NLA03-2	Alkaline	1.5V	1,200	D: 10.5+-0.2mm, L: 44.5+-0.2mm	-10-50	10	2	24	10.000	20.000
NLA03-4	Alkaline	1.5V	1,200	D: 10.5+-0.2mm, L: 44.5+-0.2mm	-10-50	10	4	48	10.000	40.000
NLA06-2	Alkaline	1.5V	2,600	D: 14.5+-0.2mm, L: 50.5+-0.2mm	-10-50	10	2	24	13.000	26.000
NLA06-4	Alkaline	1.5V	2,600	D: 14.5+-0.2mm, L: 50.5+-0.2mm	-10-50	10	4	48	13.000	52.000
NCR2025	Lithium	3V	160	20x2.5mm	-20-60	3	5	50	17.600	88.000
NCR2032	Lithium	3V	220	20x3.2mm	-20-60	3	5	50	17.600	88.000

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

*Giá bán đã bao gồm VAT

Panasonic

CÙNG PANASONIC CHỐNG LẠI HÀNG GIẢ

với 3 bước trên Hệ thống QR!

- TIỆN LỢI
  Xác thực nhanh chóng. Kích hoạt bảo hành mọi lúc mọi nơi
- UY TÍN
  Giúp khách hàng phân biệt hàng chính hãng làm nên thương hiệu Panasonic
- CHẤT LƯỢNG
  Đem đến trải nghiệm sản phẩm chân thực & vượt trội cho khách hàng

ĐỊNH DANH HÀNG THẬT CẬP BẾN AN TÂM

Chống lại các hành vi buôn bán hàng giả cùng Hệ thống QR của Panasonic!

Để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, là Đại lý phân phối và Người tiêu dùng, Panasonic xin giới thiệu Quy trình xác thực hàng chính hãng trên Hệ thống QR.

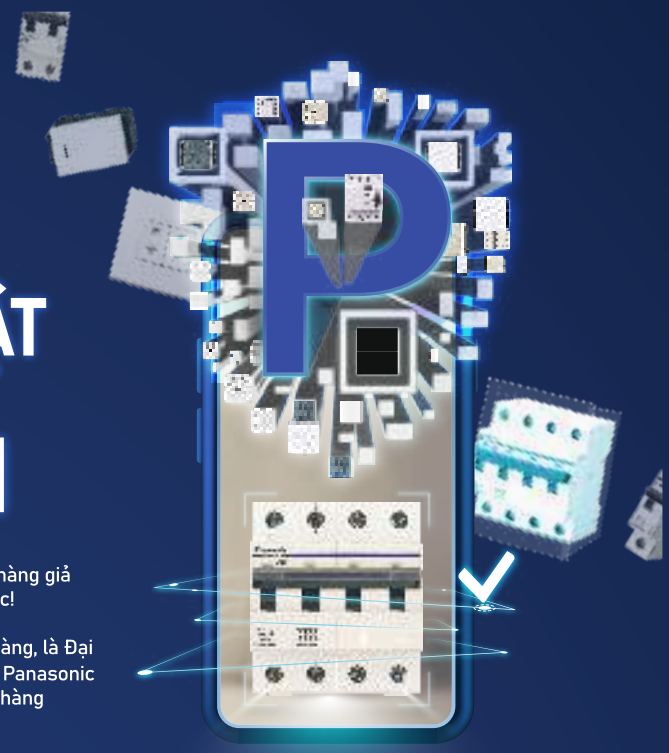

3 BƯỚC TRÊN HỆ THỐNG QR!

01 TÌM TEM QR TRÊN SẢN PHẨM
Trên thân sản phẩm Quý khách hàng sẽ tìm thấy tem chính hãng với mã QR.

02 QUÉT TEM QR VỚI CAMERA ĐIỆN THOẠI
Mở camera điện thoại và quét tem QR, Quý khách hàng sẽ thấy hiển thị đường dẫn đến Hệ thống quản lý PEWVN.

03 HIỂN THỊ KẾT QUẢ HÀNG CHÍNH HÃNG
Kết quả tra cứu bao gồm 1) Mã sản phẩm. 2) Tên sản phẩm, 3) Mã tham chiếu, 4) Ngày sản xuất.

KẾT QUẢ HIỂN THỊ

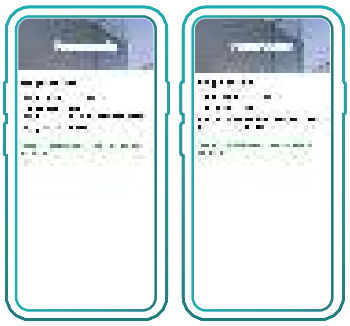

XÁC THỰC HÀNG CHÍNH HÃNG

Sản phẩm chính hãng của Panasonic sẽ hiển thị thông tin chi tiết như hình bên.

KÍCH HOẠT BẢO HÀNH SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

Sau khi xác minh, Quý khách nhập thông tin cá nhân để thực hiện Kích hoạt bảo hành.

BÁO CÁO HÀNG KHÔNG CHÍNH HÃNG

Nếu sản phẩm là hàng giả, Quý khách vui lòng báo về Hotline trên màn hình để được hỗ trợ.

**Hình ảnh chỉ mang tính minh họa*

QUÉT MÃ QR ĐỂ TÌM HIỂU THÊM

QUÉT NGAY

Panasonic

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu
*** Quét QR Code để tải ứng dụng

Nanoco ProClub

TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ

- **Kích hoạt bảo hành** ngay khi **tích điểm thành công**
- **Quà tặng** tích điểm hấp dẫn
- Thêm bạn **thưởng vô hạn**

Ưu đãi dành riêng cho
NHÀ BÁN LẺ

NHẬN ƯU ĐÃI LÊN ĐẾN 1 triệu

Xem thêm chi tiết tại:

Zalo Nanoco Group
fb.com/nanoco.com.vn
info@nanoco.com.vn
www.nanoco.com.vn

Nanoco ProClub
Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

BƯỚC 1:
Đăng kí tài khoản

- Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2
- Điền thông tin và mật khẩu để đăng kí tài khoản

BƯỚC 2:
Quét QR trên sản phẩm

- Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm

BƯỚC 3:
Kích hoạt bảo hành/ tích điểm

- Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình
- Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

HƯỚNG DẪN ĐỔI QUÀ

01 Truy cập mục "Đổi quà"
Nhấn vào mục "Đổi quà" trên app để quét mã QR trên sản phẩm

02 Chọn quà
Chọn quà tương ứng với mức điểm đã tích lũy trong "Danh mục quà tặng"

03 Xác nhận thông tin
Nhấn "Xác nhận" khi cửa sổ xác nhận hiện lên

04 Điền thông tin
Điền thông tin cá nhân trong "Thông tin nhận quà" để hoàn tất đổi quà

19006711
Bảo hành Panasonic: 18001593

Zalo
FB Messenger
Youtube